

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y- DƯỢC

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ**  
**MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

**Mã ngành: 7720603**

**Nhóm ngành: Kỹ thuật Y học**

**Khối ngành: Sức khỏe**

Thái Nguyên, 2024

## MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC .....	1
I. Giới thiệu về đơn vị đào tạo.....	1
1.1. Giới thiệu chung về Trường .....	1
1.2. Giới thiệu về Khoa Các chuyên khoa và Bộ môn Phục hồi chức năng .....	3
1.2.1. Giới thiệu về Khoa Các chuyên khoa.....	3
1.2.2. Giới thiệu về bộ môn Phục hồi chức năng .....	3
2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo .....	4
2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo .....	4
2.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn lực Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng trong thời gian tới. ....	5
2.3. Sứ mạng của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên .....	6
3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo.....	7
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo .....	7
3.2. Các văn bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT .....	7
3.3. Các chương trình đào tạo tham khảo, đối sánh .....	8
3.4. Cấu trúc chương trình.....	8
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình .....	11
3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo .....	13
3.6.1. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh .....	13
3.6.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng.....	13
3.7. Điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo.....	14
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.....	15
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu .....	15
4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên .....	16
4.2.1. Định hướng phát triển đội ngũ giảng viên của đơn vị .....	16
4.2.2. Xác định quy mô và cơ cấu đội ngũ giảng viên.....	16
5. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy .....	17
5.1. Hệ thống phòng học, giảng đường .....	17
5.2. Phòng thí nghiệm, thực tập, cơ sở thực hành.....	18
5.3. Thư viện và học liệu.....	20
5.4. Hệ thống cơ sở vật chất khác .....	20
5.5. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất .....	21
6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo .....	21
6.1. Đơn vị quản lý .....	21
6.2. Cán bộ quản lý ngành đào tạo .....	21
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành .....	22
7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh .....	22
7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro .....	23
8. Tự đánh giá và cam kết thực hiện .....	25
PHẦN 2. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN.....	26

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BSNT	Bác sĩ Nội trú
BỘ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CCK	Các chuyên khoa
CBYT	Cán bộ y tế
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
CDR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
CKI	Chuyên khoa I
CKII	Chuyên khoa II
ĐHTN	Đại học Thái Nguyên
ĐHYD	Đại học Y - Dược
GS.	Giáo sư
KTPHCN	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS.	Phó giáo sư
PHCN	Phục hồi chức năng
Ths.	Thạc sĩ
TS.	Tiến sĩ
SV	Sinh viên



## DANH MỤC BẢNG

Tên bảng	Trang
Bảng 1. Nhu cầu về tuyển dụng Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng trong 5-10 năm tới	6
Bảng 2. Khung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng	8
Bảng 3. Tổ hợp xét tuyển ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học	13
Bảng 4. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	18
Bảng 5. Danh mục các phòng thí nghiệm, thực tập	19
Bảng 6. Danh sách cán bộ quản lý ngành đào tạo	21

*Ung*

## PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Trình độ đào tạo: đại học

Mã ngành đào tạo: 7720603

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ trụ sở: 284 Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083.852.671

Trang thông tin điện tử: tump.edu.vn

Địa chỉ công khai đề án: <https://tump.edu.vn/category/ky-thuat-phuc-hoi-chuc-nang>

### 1. Giới thiệu về đơn vị đào tạo

#### 1.1. Giới thiệu chung về Trường

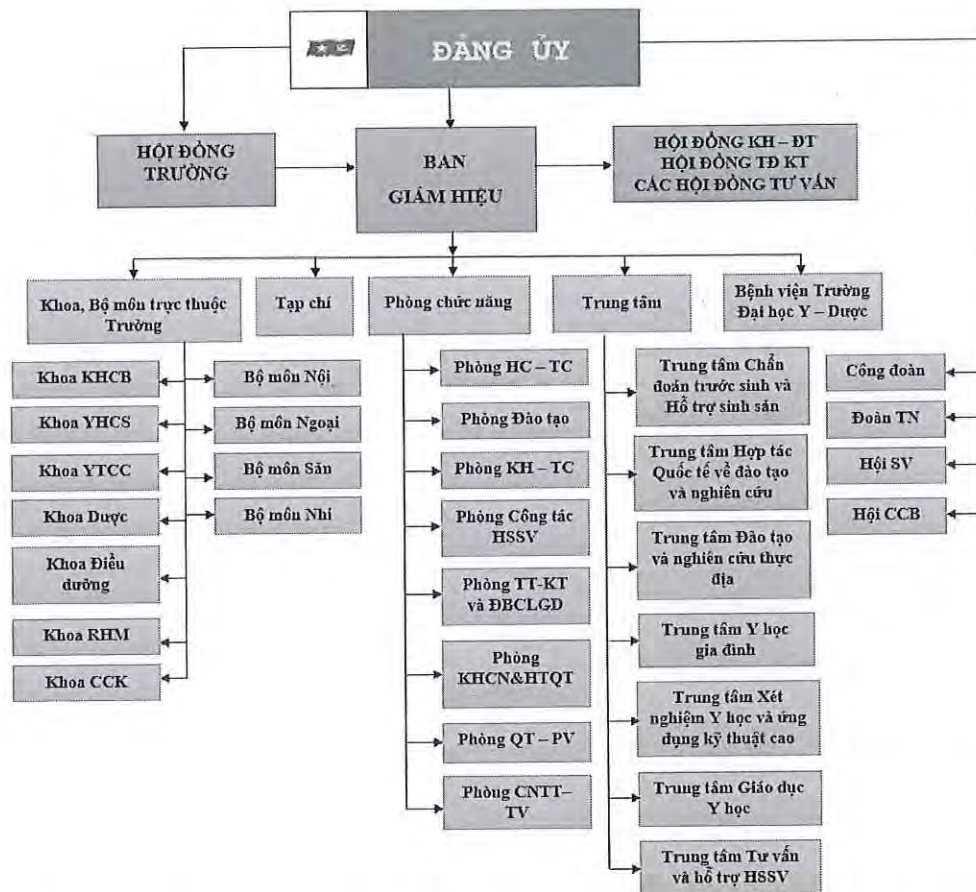
Trường Đại học Y - Dược (ĐHYD), Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) được thành lập năm 1968 với tên gọi Phân hiệu Đại học Y khoa miền núi. Trải qua hơn 55 năm xây dựng và phát triển, Trường đã trở thành một trường đại học có uy tín trong đào tạo cán bộ y tế (CBYT), nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao khoa học và cung cấp các dịch vụ y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe (CSSK) nhân dân và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Nhà trường đã khẳng định vai trò quan trọng trong công tác giáo dục - đào tạo cán bộ y tế. Đến hiện tại, trên 30 nghìn cán bộ y tế đã được đào tạo, trong đó có nhiều sinh viên đồng bào các dân tộc thiểu số, trưởng thành từ mái trường đang ngày đêm đóng góp vào sự nghiệp CSSK cho Nhân dân các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc và của cả nước. Nhiều cựu sinh viên (SV) của Trường hiện giữ các vị trí quan trọng trong ngành Y tế ở Trung ương và các địa phương.

Với vị trí là cơ sở đào tạo cán bộ y tế lớn nhất vùng Đông Bắc, Trường ĐHYD đã thực hiện tốt Sứ mạng “đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước”.

Tầm nhìn của Trường “đến năm 2030 trở thành một trường Đại học sức khỏe; một cơ sở đào tạo nhân lực y tế có uy tín trong nước và khu vực, có năng lực nghiên cứu khoa học, có đội ngũ cán bộ, giảng viên và nghiên cứu viên có trình độ cao, có cơ sở vật chất đồng bộ, có khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới”.

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn chuyên môn, 08 Phòng, 04 Bộ môn thuộc trường, 07 Khoa với 50 bộ môn thuộc khoa, 07 Trung tâm, 01 Bệnh viện Trường, 01 Tạp chí và các tổ chức đoàn thể. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường:



Hiện tại, Trường có 571 cán bộ viên chức, người lao động, trong đó có 03 Giáo sư (GS), 21 Phó giáo sư (PGS), 110 Tiến sĩ (TS) và Chuyên khoa II (CKII). Trường đang thực hiện 50 chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó có 7 CTĐT đại học, 20 CTĐT chuyên khoa I (CKI), 08 CTĐT chuyên khoa II (CKII), 08 CTĐT Bác sĩ Nội trú (BSNT), 4 CTĐT Thạc sĩ (ThS) và 3 CTĐT Tiến sĩ (TS) với 8074 sinh viên Đại học và 1418 học viên sau đại học.

Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 08 cấp Bộ, 07 đề tài cấp tỉnh và Doanh nghiệp, 05 đề tài cấp đại học, 723 đề tài cấp Trường/khoa/bộ môn, 183 đề tài sinh viên. 957 bài báo được công bố trong đó có 836 bài báo trong nước được Hội đồng chức danh Nhà nước có tính điểm, 121 bài báo quốc tế nằm trong hệ thống ISI/ Scopus. Hằng năm, có trên 10 giáo trình chuyên ngành được xuất bản, tổ chức trung bình 5-7 hội nghị/hội thảo chuyên ngành trong nước, tổ chức tối thiểu 01 hội thảo quốc tế.

Trường Đại học Y - Dược có các đối tác Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Nâng cao Chất lượng Y tế của Việt Nam, chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu và các đối tác nước ngoài khác. Mỗi năm nhà Trường có gần 20 đoàn cán bộ/ người học ra nước ngoài học tập, tham dự hội nghị hội thảo, hơn 20 đoàn chuyên gia/ người học đến làm việc; ký kết và thực hiện các biên bản hợp tác với hơn 30 đối tác quốc tế, trong đó phải kể đến các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ rất phát triển như: Mỹ, Bỉ, Hà Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản, Hàn Quốc. Hằng năm, quy mô sinh viên (SV) khu vực Đông - Nam - Á đang học tập tại Trường khoảng 100 sinh viên.

*mas*

## **1.2. Giới thiệu về Khoa Các chuyên khoa và Bộ môn Phục hồi chức năng**

### **1.2.1. Giới thiệu về Khoa Các chuyên khoa**

Khoa Các chuyên khoa (CCK) được thành lập vào tháng 04 năm 2010 với 11 bộ môn, sau 2 năm hoạt động đến tháng 5/2012, Bộ môn Răng - Hàm - Mặt được tách và phát triển thành khoa Răng - Hàm - Mặt trực thuộc nhà trường. Đến tháng 1/2013, Khoa có thêm bộ môn Y học gia đình. Năm 2017, Khoa có thêm 2 bộ môn mới được thành lập là bộ môn Ung thư và bộ môn Gây mê hồi sức. Hiện tại khoa có 13 bộ môn, bao gồm các bộ môn chuyên khoa hệ nội, hệ ngoại; cụ thể bao gồm: Y học cổ truyền; Da Liễu; Lao và Bệnh phổi; Tâm Thần; Thần Kinh; Truyền Nhiễm; Phục Hồi Chức Năng; Chẩn Đoán Hình Ảnh; Mắt; Tai Mũi Họng; Y Học Gia Đình; Gây Mê Hồi Sức và Ung thư.

Hiện nay, nguồn nhân lực cơ hữu trong Khoa có 65 CBVC/người lao động, trong đó 06 Phó giáo sư (PGS), 15 tiến sĩ (TS), 10 Chuyên khoa II (CKII), 25 Thạc sĩ (Ths), 08 bác sĩ (BS) và 01 cử nhân (CN) là chuyên viên văn phòng khoa. Ngoài ra, khoa CCK có khoảng gần 50 Giảng viên thỉnh giảng.

Khoa CCK có các chức năng: quản lý đơn vị và người học, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ/giảng viên của khoa; xây dựng và tổ chức thực hiện các CTĐT trình độ đại học, sau đại học và đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và tham gia công tác khám chữa bệnh. Khoa tích cực tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

Thành tích của khoa: Mỗi năm khoa đều có các đề tài các cấp được nghiệm thu với chất lượng cao. Từ năm 2019 đến nay có 04 đề tài cấp Bộ, 08 Đề tài cấp Tỉnh, 132 đề tài cấp Trường, 264 bài báo công bố tại các tạp chí trong nước, 04 bài báo công bố tại các tạp chí nước ngoài. Phần lớn các đề tài đều đạt loại tốt và xuất sắc. Hàng năm khoa đều biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trong đó có 13 giáo trình được xuất bản từ năm 2019 đến nay. Các giảng viên trong khoa tích cực hướng dẫn sinh viên, học viên tham gia nghiên cứu khoa học làm luận văn, luận án, khoá luận tốt nghiệp...

Trong những năm qua, khoa CCK có nhiều hình thức khen thưởng như chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp cơ sở và nhiều hình thức khen thưởng cao quý khác như Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (năm học 2021- 2022); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (năm học 2017 - 2018); Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (năm học 2020 - 2021); Tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liền (năm học 2014- 2015, 2015-2016 và từ năm học 2018-2019 đến nay) đều đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc;

### **1.2.2. Giới thiệu về bộ môn Phục hồi chức năng**

Bộ môn Phục hồi chức năng thuộc Khoa Các chuyên khoa được thành lập từ tháng 07/1998. Sau hơn 25 năm phát triển và trưởng thành, các thế hệ cán bộ, giảng viên của bộ môn đã góp phần rất lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam. Hiện tại bộ môn có 09 cán bộ, trong đó: 01 Tiến sĩ, 01 Thạc sĩ sắp bảo vệ luận án tiến sĩ, 01 Bác sĩ CKII, 05 Thạc sĩ, 01 cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (KTPHCN). Ngoài ra, có 09 giảng viên thỉnh giảng (02 TS, 02 bác sĩ CKI và 01 Ths

vật lý trị liệu, 04 cử nhân KTPHCN) đang công tác tại các bệnh viện thực hành của Trường. Để phát triển nguồn nhân lực, trong 5 năm tiếp theo Bộ môn sẽ tuyển bổ sung 02 Bác sĩ, 03 cử nhân KTPHCN. Về phát triển và nâng cao trình độ, Bộ môn sẽ cử 02 Thạc sĩ đi học nghiên cứu sinh, 01 kỹ thuật viên đại học đi học cao học.

Bộ môn có nhiệm vụ quản lý trực tiếp cán bộ giảng viên, người học thuộc bộ môn; xây dựng và phát triển chương trình đào tạo (CTĐT); thực hiện kế hoạch đào tạo các trình độ đại học, sau đại học và đào tạo ngắn hạn chuyên ngành Phục hồi chức năng; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ và tham gia công tác khám chữa bệnh góp phần thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

Bộ môn đã phối hợp chặt chẽ với khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên, và các bệnh viện tuyến Trung ương như Trung tâm PHCN - Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi Trung ương, và các bệnh viện chuyên khoa Phục hồi chức năng tại các tỉnh trong giảng dạy, đào tạo, khám, điều trị và chuyển giao kỹ thuật cho một số bệnh viện tỉnh trong khu vực.

Về thành tích đạt được trong công tác đào tạo: Bộ môn đã cùng nhà trường tham gia xây dựng CTĐT và giảng dạy cho các đối tượng Đại học, sau Đại học, các lớp đào tạo ngắn hạn về Phục hồi chức năng cho hàng nghìn sinh viên, học viên sau đại học trong và ngoài tỉnh. Đồng thời cũng giúp cho các bệnh viện tại các tỉnh trên có nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần mở rộng và phát triển chuyên ngành phục hồi chức năng.

Về nghiên cứu khoa học: Trong 5 năm gần đây, bộ môn hoàn thành 05 đề tài cấp cơ sở, nhiều đề tài hướng dẫn sinh viên, có nhiều bài báo được đăng trên tạp chí khoa học; chủ nhiệm 4 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài cấp bộ. Hiện tại bộ môn đang tham gia 02 đề tài cấp tỉnh tại Thái Nguyên và Lạng Sơn, dự kiến nghiệm thu năm 2025.

## **2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

### **2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo**

Nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, điều trị và phục hồi là bốn yếu tố trong hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn diện hiện nay. Trong đó, ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng là ngành chữa bệnh sử dụng các kỹ thuật trị liệu, hạn chế tối đa đến việc dùng thuốc. Thông qua quá trình phục hồi chức năng làm giảm tác động của giảm chức năng và khuyết tật đảm bảo cho người khuyết tật hội nhập xã hội, có những cơ hội bình đẳng và tham gia đầy đủ các hoạt động của xã hội.

Theo kết quả điều tra quốc gia về người khuyết tật của Tổng cục thống kê được công bố ngày 1/11/2019, Việt Nam có hơn 6,2 triệu người khuyết tật, chiếm hơn 7% dân số. Nguyên nhân chủ yếu do các di chứng sau tai nạn chấn thương, dị tật bẩm sinh ở trẻ em hay do mắc các bệnh lý như thoái hóa cột sống, tai biến mạch máu não... Bên cạnh đó, quá trình già hóa dân số ở Việt Nam không ngừng gia tăng làm cho nhu cầu phục hồi chức năng ngày càng lớn. Hiện nay, bình quân Việt Nam chỉ có 0,25 nhân lực PHCN/10.000 dân, thấp hơn so với định mức theo khuyến cáo của WHO (0,5 – 1/10.000 dân). Để đạt được mức trung bình theo khuyến cáo của WHO (0,75/10.000) và đạt được mục tiêu Chương trình phát triển hệ thống PHCN giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Việt Nam hiện còn thiếu khoảng gần 5000 nhân lực có chuyên môn được



đào tạo về PHCN, nhiều hơn 2 lần so với số lượng nhân lực đã được cấp Chứng chỉ hành nghề.

Đồng thời, theo các quy định hiện nay, kỹ thuật viên làm việc tại các cơ sở Phục hồi chức năng phải có trình độ Cao đẳng hoặc Đại học trở lên. Bởi vậy, đa số các cơ sở PHCN trong cả nước đều đang có nhu cầu được bổ sung nhân lực là cử nhân kỹ thuật PHCN. Cử nhân kỹ thuật PHCN có thể làm ở những vị trí việc làm như: Khoa PHCN, khoa Đông Y của các cơ sở cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh; Bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện chuyên khoa/trung tâm Phục hồi chức năng tỉnh; Trung tâm dưỡng lão; Trung tâm Bảo trợ xã hội; Công ty cung cấp trang thiết bị y tế; Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, các dự án về PHCN; Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ về PHCN và người khuyết tật.

Hiện tại, có một số cơ sở giáo dục đại học đào tạo cử nhân kỹ thuật PHCN như ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương, ĐH Y khoa Tokyo Việt Nam, ĐH Phenikaa, ĐH Quốc tế Hồng Bàng, ĐH Kỹ thuật Y tế Đà Nẵng, ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Đại học Y Hà Nội và ĐH Y tế công cộng). Tuy nhiên, số lượng người tốt nghiệp hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của xã hội, đặc biệt khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam. Chính vì vậy, việc bổ sung một nguồn lực cán bộ có trình độ đại học ngành Kỹ thuật PHCN ở các tỉnh miền núi phía Bắc và trên cả nước là nhiệm vụ rất cấp bách, góp phần vào sự nghiệp CSSK cho nhân dân khu vực Trung du, Miền núi phía Bắc và cả nước.

## ***2.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn lực Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng trong thời gian tới.***

Để khảo sát nhu cầu về nhân lực làm căn cứ cho mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã tiến hành khảo sát với các cán bộ từ các cơ sở y tế từ tuyến huyện, tỉnh, trung ương trên địa bàn các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam. Phiếu khảo sát được gửi tới các cơ sở y tế thông qua khảo sát trực tiếp hoặc phỏng vấn qua điện thoại. Số lượng 72 phiếu khảo sát từ 25 cơ sở y tế bao gồm: cơ sở y tế công lập: 20, tư nhân: 5; tuyến huyện: 06, tuyến tỉnh: 13, tuyến trung ương: 1. Các cán bộ tham gia trả lời là lãnh đạo các bệnh viện, trung tâm y tế, lãnh đạo phòng tổ chức cán bộ, lãnh đạo các khoa chuyên môn và các cán bộ y tế đang hành nghề trong lĩnh vực phục hồi chức năng.

Kết quả khảo sát như sau:

Nhu cầu nhân lực ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng đang rất cần thiết; 100% các cơ quan, đơn vị, cá nhân trả lời phiếu khảo sát đều cho rằng vị trí công việc của nhân lực ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trong cơ quan/đơn vị có vai trò quan trọng trong lộ trình phát triển và có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế xã hội. Toàn bộ (100%) cơ sở y tế tham gia khảo sát đều cho thấy có tình trạng thiếu hụt nhân lực Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Kết quả khảo sát cho thấy việc đào tạo thêm cử nhân ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là rất cần thiết (72,54%) và cần thiết (27,46%). Tất cả các cán bộ được khảo sát đều cho rằng đơn vị của họ đang có nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng trong vòng 5 năm tới và nhu cầu tuyển dụng tăng dần.

Kết quả khảo sát nhu cầu từ 72 cán bộ y tế từ các bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện chuyên khoa phục hồi chức năng tỉnh, bệnh viện/trung tâm y tế huyện, bệnh viện tư nhân cho thấy 100% ý kiến nhất trí cho rằng

ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng có tiềm năng phát triển đối với khu vực Thái Nguyên và các tỉnh lân cận khu vực trung du miền núi phía Bắc, cả trong đơn vị công lập và tư nhân. Đồng thời, ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng không chỉ phù hợp với nhu cầu sử dụng của các cơ sở y tế ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc mà còn phù hợp với các cơ sở y tế trên địa bàn cả nước.

**Bảng 1. Nhu cầu về tuyển dụng**

**Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng trong 5-10 năm tới**

Cơ sở y tế		Nhỏ nhất	Lớn nhất
<i>Tuyển y tế</i>	Trung ương	5	10
	Tỉnh	5	100
	Huyện	2	10
	Chung	2	100
<i>Cơ sở y tế</i>	Nhà nước	2	100
	Tư nhân	4	15

Toàn bộ (100,0%) cán bộ từ các cơ sở y tế tham gia khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng trong 5-10 năm tới với số lượng trung bình là  $8,0 \pm 7,75$ /đơn vị và cao nhất là tuyển tỉnh (bệnh viện chuyên khoa phục hồi chức năng).

Tại khu vực miền núi phía Bắc, trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên là trung tâm đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đây chính là nhu cầu cấp thiết của xã hội mà trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có đủ năng lực đáp ứng.

**2.3. Sứ mạng của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên**

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có sứ mạng “đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước”.

Nhà trường lấy triết lý giáo dục là “ Tâm đức - Trí tài - Nhân ái”.

Nhà trường luôn hướng tới những giá trị cốt lõi trong đào tạo đó là: Đoàn kết - Đổi mới - Chất lượng - Hiệu quả.

Đến hiện tại, Trường triển khai được 07 chương trình đào tạo (CTĐT) bậc đại học. Đến nay, đã có 50 khóa sinh viên tốt nghiệp với hơn hàng chục nghìn Bác sĩ, hơn 3000 Dược sĩ đại học, hơn 3000 cử nhân Điều dưỡng. Trong những năm qua, Trường luôn được đánh giá là trung tâm đào tạo và chuyển giao khoa học công nghệ hàng đầu về các lĩnh vực sức khỏe cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và cả nước. Sinh viên của Trường có khoảng 50% là con em các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn khu vực miền núi phía Bắc. Số sinh viên tốt nghiệp từ trường có đến hơn 95% có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp ra trường.

*May*

Trong nhiều năm, Khoa Các chuyên khoa và bộ môn Phục hồi chức năng đã xây dựng, tổ chức đào tạo các học phần Phục hồi chức năng trong các chương trình đào tạo đại học ngành Y khoa, Cử nhân điều dưỡng, Chuyên khoa I Phục hồi chức năng, các chương trình đào tạo liên tục 3 tháng, 6 tháng về Phục hồi chức năng; tham gia đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Trường về phục hồi chức năng.

Theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Mã ngành 7720603) thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học, lĩnh vực Sức khỏe. Đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ của Trường Đại học Y - Dược do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên ban hành, thì Nhà trường là đơn vị phù hợp trong Đại học Thái Nguyên xây dựng và thực hiện tuyển sinh, đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

### **3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo**

#### **3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo**

- Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Điều 33. Mở ngành đào tạo);
- Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Luật Khám chữa bệnh.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư 46/2013/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ sở phục hồi chức năng
- Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
- Quyết định số 2531/QĐ-ĐHTN ngày 02/12/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.
- Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 9/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên.
- Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo.

### 3.2. Các văn bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT

Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định. Các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học gồm có:

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐTTĐHYD ngày 15/5/2023 của Hội đồng Trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về phê duyệt chủ trương mở các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Văn bản số 2046/TB-ĐHTN ngày 10/5/2024 của Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc đồng ý chủ trương mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Quyết định số 3604/QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2023 về việc thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
- Quyết định số 3583/QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2023 về việc thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
- Quyết định số 546/QĐ-ĐHYD ngày 10/4/2024 thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.
- Quyết định số 583/QĐ-ĐHYD ngày 23/4/2024 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng.
- Biên bản của Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

### 3.3. Các chương trình đào tạo tham khảo, đối sánh

Trong khi xây dựng, Trường đã tham khảo và đối sánh với 03 CTĐT của 03 trường đại học uy tín trong nước: Trường Đại học Y - Dược TP Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Đây đều là các trường có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng và đều đã thực hiện kiểm định CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết quả đối sánh được công khai tại địa chỉ: <https://tump.edu.vn/post/doi-sanh-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ky-thuat-phuc-hoi-chuc-nang-trinh-do-dai-hoc>

### 3.4. Cấu trúc chương trình

Chương trình đào tạo được thiết kế 04 năm (8 học kỳ) với tổng số 127 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất), được thiết kế trật tự logic đi từ khối kiến thức giáo dục đại cương (24 tín chỉ, 18,9%), kiến thức cơ sở ngành (35 tín chỉ, 27,56%), kiến thức chuyên ngành (64 tín chỉ, 50,39%), thực tập tốt nghiệp (04 tín chỉ, 3,15%) và các học phần tự chọn (08 tín chỉ, 6,3%) đảm bảo thuận lợi cho người học đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT.

**Bảng 2. Khung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng**

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (18,90%) (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.	HCGD1018	Giáo dục Quốc	04 học	165 tiết						2

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		phòng-An ninh	phần							
2.	HCGD1013	Giáo dục thể chất	3 (0/3)	0	90	60			1	
3.	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105			1	
4.	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH1013	3	
5.	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT1012	5	
6.	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012	6	
7.	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012	7	
8.	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70			4	
9.	HCTA1013	Tiếng Anh 1	3 (3/0)	45	0	105			2	
10.	HCTA1023	Tiếng Anh 2	3 (3/0)	45	0	105		HCTA1013	3	
11.	KHTA1033	Tiếng Anh 3	3 (3/0)	45	0	105	HCTA1023		4	
12.	HCTH1012	Tin học cơ bản	2 (0,5/1,5)	7,5	45	47,5			1	
<b>II Khối kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ (27,56%)</b>										
2. 1	<b>Học phần bắt buộc: 33 tín chỉ</b>									
13.	HCPP1213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90			6	
14.	KHVL1213	Vật lý - Lý sinh	3 (3/0)	45	0	105			1	
15.	HCSH1212	Sinh học - di truyền	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5			1	
16.	HCGP1213	Giải phẫu đại cương	3 (2/1)	30	30	90			1	
17.	HCSL1212	Sinh lý	2 (1,3/0,7)	20	20	60		KHVL1013 HCGP1213	2	
18.	HCĐD1212	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2 (1/1)	15	30	55			4	
19.	KHSD1212	Sử dụng thuốc trong phục hồi chức năng	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5	HCSL1212		4	
20.	HCSY1212	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70	HCSL1212		3	
21.	HCHS1212	Hóa sinh	2 (2/0)	30	0	70			3	
22.	HCMP1212	Mô phôi - Giải phẫu bệnh	2 (2/0)	30	0	70		HCGP1213	1	
23.	HCTC1212	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2 (2/0)	30	0	70			7	
24.	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55			5	
25.	KHCD1212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55			4	
26.	HCTU1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70			5	
27.	HCBH1212	Bệnh học Nội- Ngoại	2 (2/0)	30	0	70			4	
2. 2	<b>Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 2 học phần)</b>									
28.	HCTH1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55			7	
29.	HCDD1312	Dinh dưỡng tiết chế	2(1/1)	15	30	55			7	
30.	HCKO1312	Kiểm soát nhiễm	2	22,5	15	62,5			7	

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		khuẩn	(1,5/0,5)							
<b>III Khối kiến thức chuyên ngành: 64 tín chỉ (50,39%)</b>										
<b>3.1 Học phần bắt buộc: 58 tín chỉ</b>										
33.	KHGP1413	Giải phẫu chức năng	3 (1/2)	15	60	75	HCGP1213			2
34.	KHLG1414	Lượng giá chức năng vận động và thần kinh	4 (1/3)	15	90	95			HCGP1413	2
35.	KHSC1412	Sinh cơ học và vận động học	2 (2/0)	30	0	70			KHLG1414	3
36.	KHVĐ1413	Vận động trị liệu	3 (1/2)	15	60	75	KHGP1413 KHLG1413		KHSC1412	3
37.	KHCP1413	Các phương thức vật lý trị liệu 1	3 (2/1)	30	30	90			KHVL1213	2
38.	KHCP1423	Các phương thức vật lý trị liệu 2	3 (1/2)	15	60	75	KHCP1413			3
39.	KHXB1413	Xoa bóp trị liệu	3 (1/2)	15	60	75	KHLG1414			4
40.	KHPH1413	Phục hồi chức năng cơ xương khớp	3 (2/1)	30	30	90			KHCP1423	4
41.	KHTT1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng cơ xương khớp	3 (0/3)	0	90	60	KHPH1413			6
42.	KHPO1413	Phục hồi chức năng thần kinh cơ	3 (2/1)	30	30	90			KHCP1423	5
43.	KHTA1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng thần kinh cơ	3 (0/3)	0	90	60	KHPO1413			6
44.	KHHĐ1413	Hoạt động trị liệu	3 (2/1)	30	30	110	KHLG1414			5
45.	KHTP1412	Thực tập lâm sàng hoạt động trị liệu	2 (0/2)	0	60	40	KHHĐ1413			7
46.	KHNN1413	Ngôn ngữ trị liệu	3 (2/1)	30	30	90	KHLG1414			6
47.	KHTL1412	Thực tập lâm sàng ngôn ngữ trị liệu	2 (0/2)	0	60	40	KHNN1413			7
48.	KHPI1413	Phục hồi chức năng trong nhi khoa	3 (1/2)	15	60	75	HCBH1212		KHCP1423	6
49.	KHTM1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng trong nhi khoa	3 (0/3)	0	90	60	KHPI1413			7
50.	KHTC1413	Tổ chức và quản lý đơn vị Phục hồi chức năng	3 (1/2)	15	60	75			KHCP1423	5
51.	KHPC1413	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1	3 (2/1)	30	30	90	KHCP1423		KHLG1414	5
52.	KHPC1423	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2	3 (0/3)	0	90	60	KHPH1413			7
<b>3.2 Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần hoặc chọn Khóa luận tốt nghiệp và 01 học phần)</b>										
53.	KHPH1512	Phục hồi chức năng tim mạch - hô hấp	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212		KHCP1423	8
54.	KHYH1512	Y học cổ truyền	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212		KHCP1423	8
55.	KHDC1512	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	2 (1/1)	15	30	55			KHVĐ1415	8

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
56.	KHPO1512	Phục hồi chức năng da - sinh dục - tiết niệu	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
57.	KHPI1512	Phục hồi chức năng chấn thương	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
58.	KHPC1512	Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
59.	KHKL1714	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		HCPP1213		7-8
<b>IV Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (3,15%)</b>										
60	KHTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		8
		<b>Tổng số tín chỉ (giờ)</b>	<b>127</b>							

### 3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

#### \* Tổ chức dạy học

Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học. Trong đó thời gian học tập chuẩn 4 năm, thời gian học tập học tập tối đa 8 năm. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 18 - 19 tuần học, 3-4 tuần thi, và học kỳ phụ khoảng 6 tuần.

Đầu mỗi khóa học sinh viên sẽ được hướng dẫn học tập thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, sinh viên được cung cấp bản mô tả chương trình đào tạo, trong đó có kế hoạch học tập toàn khóa. Mỗi sinh viên xây dựng kế hoạch học tập dưới sự tư vấn của cố vấn học tập, khoa quản lý CTĐT và bộ môn giảng dạy. Đầu mỗi học kỳ sinh viên được thông báo các học phần dự kiến sẽ học và lịch học chi tiết, sinh viên sẽ đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu phù hợp với điều kiện, năng lực của mình.

Trường đã phân công cho từng bộ môn phụ trách học phần, chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết học phần và các tài liệu phục vụ giảng dạy. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm, lịch giảng chi tiết theo từng kỳ học để các bộ môn và sinh viên thực hiện. Công tác thi, kiểm tra do phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục là đầu mối tổ chức.

Trường cũng sẽ phân công giảng viên phối hợp với phòng Công tác học sinh -sinh viên làm nhiệm vụ cố vấn học tập, hướng dẫn sinh viên trong suốt quá trình học tập.

Việc tổ chức dạy học lý thuyết được thực hiện tại các giảng đường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên. Dạy học thực hành được tổ chức tại các phòng thí nghiệm, thực hành của Trường, các khoa, phòng của bệnh viện thực hành của Trường.

\* Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;
- 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;
- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

- Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính.

*\* Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần*

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Thang điểm 10	Điểm chữ
Từ 8,5 đến 10	A
Từ 7,7 đến 8,4	B <sup>+</sup>
Từ 7,0 đến 7,6	B
Từ 6,2 đến 6,9	C <sup>+</sup>
Từ 5,5 đến 6,1	C
Từ 4,7 đến 5,4	D <sup>+</sup>
Từ 4,0 đến 4,6	D
Dưới 4,0	F (không đạt)

Sinh viên không đủ điều kiện dự thi KTHP (cắm thi) phải nhận điểm 0 học phần đó. Trường hợp SV nghỉ buổi thực hành, thí nghiệm, thực tập, trực bệnh viện, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất có lý do chính đáng và được Khoa/Bộ môn chấp thuận, SV được phép học bù, trực bù để đủ điều kiện dự thi.

*\* Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học*

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

+ Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

+ Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

+ Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;



D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

- Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp lượng giá: tự luận, tác nghiệm, lượng giá bằng bảng kiểm, chấm chỉ tiêu thực hành, báo cáo cá nhân/báo cáo nhóm, vấn đáp, OSCE,... Các rubric lượng giá được xây dựng chi tiết phù hợp trong các đề cương chi tiết học phần.

*\* Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp*

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác đối với nhà trường;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Có đơn gửi phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

### **3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo**

#### **3.6.1. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh**

*\* Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

*\* Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong cả nước.

*\* Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc các phương thức tuyển sinh khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

*\* Tổ hợp xét tuyển*

**Bảng 3. Tổ hợp xét tuyển ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học**

Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
7720302	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
	D07	Toán, Hóa học, Anh văn	Toán
	D08	Toán, Sinh học, Anh văn	Toán

*\* Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu:* Dự kiến một khóa đào tạo năm đầu tuyển sinh 50 sinh viên; các năm tiếp theo, mỗi năm tuyển sinh khoảng 50-100 sinh viên.

### 3.6.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng

Đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ và là hoạt động đảm bảo tính bền vững của CTĐT. Trường đã thành lập đơn vị Đảm bảo chất lượng trực thuộc Phòng Thanh tra - Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục. Trường cũng thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng đến từng Khoa/Bộ môn tham gia giảng dạy CTĐT. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Trường xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tổ chức dạy - học từng học phần trong CTĐT, về các điều kiện dạy - học theo từng lớp học phần thông qua hệ thống khảo sát của Nhà trường. Thời điểm lấy ý kiến phản hồi: ngay sau khi kết thúc học phần/khóa học. Kết quả phản hồi sẽ được tổng hợp báo cáo và gửi đến các đơn vị liên quan, xây dựng kế hoạch và tiến hành cải thiện.

Về đảm bảo chất lượng CTĐT, theo quy định của Trường, Trường sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT định kỳ 2 năm 1 lần dựa trên đối sánh CTĐT trong và ngoài nước, trên kết quả khảo sát các bên liên quan, đánh giá tính hiệu quả của CTĐT...


Trường cũng sẽ triển khai công tác tự đánh giá CTĐT theo đúng quy định hiện hành khi khóa học đầu tiên tốt nghiệp và đăng ký kiểm định CTĐT. Trường sẽ đăng ký kiểm định CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA hoặc theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi đủ thời gian đào tạo.

Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt (lần 1), theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 21/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt Nam (lần 2), và sẽ tiếp tục thực hiện kiểm định để đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục trong các giai đoạn tiếp theo.

Trường cũng đã có kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện khác để đảm bảo triển khai chương trình đào tạo có hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo dựa trên năng lực đối với khối ngành sức khỏe, bệnh viện thực hành là một trong những điều kiện để sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng lâm sàng, tiệm cận với môi trường làm việc thực tế. Trường có bệnh viện trực thuộc là Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên. Hiện Nhà trường đã ký Hợp đồng nguyên tắc trong đào tạo thực hành của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học với Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên, Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Thái Nguyên. Trong thời gian tới, trường sẽ bổ sung ký hợp đồng nguyên tắc với Trung tâm Phục hồi chức năng - Bệnh viện Bạch Mai, Khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Nhi Trung ương, Khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Hữu Nghị (ba bệnh viện này hiện đã là bệnh viện thực hành của Trường).

### 3.7. Điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo

Nghị quyết số 07-NQ/ĐU của Ban chấp hành Đảng bộ Đại học Thái Nguyên về chuyển đổi số của Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã nêu rõ đến năm 2025 có 30% các môn học được chuyển đổi phương thức từ đào tạo truyền thống sang phương thức đào tạo trên nền tảng số. 

Nghị quyết số 03/NQ-HĐTTĐHYD, ngày 14/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, trong Nghị quyết đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 20 khóa học E-learning.

Trong giai đoạn tới, để thực hiện Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên đã tiến hành thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) về Công tác chuyển đổi số theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHYD, ngày 04/5/2024. Với công tác đào tạo trực tuyến, BCĐ có trách nhiệm triển khai xây dựng chi tiết Hướng dẫn đào tạo trực tuyến, tổ chức xây dựng học liệu và triển khai đào tạo trực tuyến tại trường.

Nhà trường đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến dựa trên nền tảng của Moodle từ năm 2020, hệ thống có địa chỉ <https://elearning.tump.edu.vn> trên hệ thống đã tiến hành đưa lên học liệu cho các học phần.

#### **4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo**

##### **4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu**

Trường có đầy đủ điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có 05 tiến sĩ có chuyên ngành phù hợp). Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu không trùng với giảng viên cơ hữu của các ngành khác: Tiến sĩ Nguyễn Phương Sinh, chuyên ngành Phục hồi chức năng - đơn vị: Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Các chuyên khoa; 04 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì chương trình đào tạo; cụ thể:

1) TS. Nguyễn Phương Sinh, sinh năm 1973, Tiến sĩ chuyên ngành Phục hồi chức năng (Công nhận năm 2013), là giảng viên cơ hữu bộ môn Phục hồi chức năng, khoa Các chuyên khoa, kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp chuyên ngành Phục hồi chức năng từ năm 1998. Trong 05 năm gần đây đã công bố 08 công trình trên các tạp chí trong nước và quốc tế liên quan đến khối ngành sức khỏe và phục hồi chức năng, trong đó có 01 bài báo quốc tế, 07 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước; chủ nhiệm 1 đề tài cấp tỉnh; tham gia 3 đề tài cấp cơ sở; là giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì mở ngành Phục hồi chức năng trình độ đại học thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học, lĩnh vực Sức khỏe.

2) TS. Đàm Thị Bảo Hoa, sinh năm 1970, Tiến sĩ chuyên ngành Vệ sinh - xã hội học và Tổ chức y tế, sức khỏe tâm thần, giảng viên cơ hữu và giảng dạy trực tiếp từ năm 1996. Trong 05 năm gần đây chủ trì 01 đề tài cấp Trường; đã công bố 03 bài báo trên tạp chí quốc tế SCOPUS/ISI, 07 bài báo trên các tạp chí khối ngành sức khỏe.

3) PGS.TS. Trần Văn Tuấn, sinh năm 1967, Tiến sĩ chuyên ngành Thần kinh, giảng viên cơ hữu và giảng dạy trực tiếp từ năm 1998. Trong 05 năm gần đây đã chủ trì 01 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài cấp cơ sở; có 08 bài báo có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực sức khỏe và phục hồi chức năng, trong đó có 02 bài đăng trên tạp chí quốc tế và 06 bài báo đăng trên tạp chí trong nước; đã chủ biên 04 cuốn giáo trình.

4) TS. Hoàng Thu Soan, sinh năm 1977, Tiến sĩ chuyên ngành Sinh lý học năm 2018, giảng viên cơ hữu và giảng dạy trực tiếp từ năm 2002. Trong 05 năm gần đây đã chủ trì 4 đề tài cấp cơ sở; có 08 bài báo có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực sức khỏe và phục hồi chức năng; chủ biên 02 cuốn giáo trình.

5) TS. Nguyễn Thị Tố Uyên, sinh năm 1975, Tiến sĩ chuyên ngành y tế công cộng và giảng dạy trực tiếp từ năm 2000. Trong 05 năm gần đây đã chủ trì 3 đề tài cấp trường, có 21 bài báo có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực sức khỏe và phục hồi chức năng cộng đồng, trong đó có 03 bài đăng trên tạp chí quốc tế và 18 bài báo đăng trên tạp chí trong nước; tham gia chủ biên và biên soạn 04 cuốn giáo trình.

Ngoài ra, Trường có đội ngũ cán bộ chất lượng cao, đủ năng lực và trình độ chuyên môn giảng dạy các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Nhà trường có 60 giảng viên giảng viên cơ hữu được giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển và tham gia giảng dạy 60 HP thuộc CTĐT, trong đó 05 Phó giáo sư; 29 tiến sĩ, 04 BSCCKII và 22 thạc sĩ. Ngoài ra, Trường có 09 giảng viên thỉnh giảng (02 Tiến sĩ, 01 thạc sĩ, 02 bác sĩ chuyên khoa I và 04 Cử nhân Kỹ thuật viên PHCN) tại các cơ sở thực hành có trình độ chuyên môn phù hợp để tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ điều kiện để thực hiện chương trình đào tạo cho toàn bộ khóa học và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. Trường có đội ngũ cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế theo danh mục được tính điểm thuộc Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước; Trường có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở thực hành có trình độ chuyên môn phù hợp để tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành. Đối với lĩnh vực Kỹ thuật Phục hồi chức năng có 9 giảng viên. Trong đó, 02 cán bộ có trình độ tiến sĩ, 01 cán bộ có trình độ chuyên khoa II và 01 thạc sĩ và 04 Cử nhân Kỹ thuật viên PHCN.

## **4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên**

### **4.2.1. Định hướng phát triển đội ngũ giảng viên của đơn vị**

Để phát triển đội ngũ giảng viên giảng dạy cho chương trình đào tạo ngành KTPHCN, Trường thực hiện các định hướng như sau:

- Nâng cao trình độ chuyên môn: Giảng viên cần có kiến thức sâu về lĩnh vực KTPHCN, bao gồm các phương pháp giảng dạy, lý thuyết và thực tiễn nghề nghiệp. Để đạt được điều này, giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo chuyên môn sau đại học về chuyên ngành KTPHCN, tham gia hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, tham khảo các dữ liệu nghiên cứu mới nhất về ngành.

- Nâng cao kỹ năng giảng dạy, kỹ năng quản lý lớp học: để giảng viên có thể truyền đạt kiến thức hiệu quả đến sinh viên, họ cần phải có kỹ năng giảng dạy tốt. Giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo Phương pháp sư phạm y học cơ bản, Phương pháp dạy học lâm sàng, xây dựng tài liệu dạy học, hỗ trợ sinh viên và đánh giá kết quả học tập.

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu: để giảng viên có thể cập nhật kiến thức mới nhất và thực hiện phương pháp giảng dạy hiệu quả, họ cần có kỹ năng nghiên cứu. Giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo nghiên cứu khoa học, tham gia các dự án nghiên cứu về khoa học trong khối ngành sức khỏe và đăng bài trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

*mas*

#### **4.2.2. Xác định quy mô và cơ cấu đội ngũ giảng viên**

Để xác định quy mô và cơ cấu đội ngũ giảng viên giảng dạy cho chương trình đào tạo ngành KTPHCN trình độ đại học, căn cứ trên quy mô đào tạo dự kiến trong các năm tới, chương trình đào tạo rà soát chỉnh sửa, những quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế,... từ đó tính toán quy mô tối thiểu và tối đa của đội ngũ giảng viên, số lượng lớp học và sinh viên tối đa trong mỗi lớp học.

Xác định cơ cấu đội ngũ giảng viên: cơ cấu đội ngũ giảng viên bao gồm các giảng viên cơ hữu của Trường, chuyên gia về KTPHCN (giảng viên thỉnh giảng), trợ giảng, cố vấn học tập. Trong giai đoạn tới cần tuyển dụng giảng viên tốt nghiệp ngành KTPHCN trình độ đại học và cử giảng viên học tập trình độ sau đại học chuyên ngành KTPHCN. Có chiến lược tuyển dụng giảng viên có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp, đáp ứng chương trình đào tạo. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các giảng viên thỉnh giảng tại các Bệnh viện thực hành.

Trường giao phòng Hành chính - Tổ chức, Khoa Các chuyên khoa và Bộ môn Phục hồi chức năng xây dựng chi tiết kế hoạch phát triển giảng viên. Trong 03 năm tới, sẽ tuyển dụng thêm 02 bác sĩ y khoa và cử đi học Thạc sĩ Phục hồi chức năng, mỗi năm tuyển dụng 03 giảng viên có trình độ Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng và có kế hoạch cử giảng viên học Thạc sĩ Kỹ thuật Phục hồi chức năng; năm 2024 có 01 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và 01 thạc sĩ đi học NCS chuyên ngành phục hồi chức năng, năm 2026 cử thêm 01 Thạc sĩ đi học Thạc sĩ Phục hồi chức năng. Ngoài ra năm 2024 có thêm 01-02 giảng viên thỉnh giảng có trình độ sau đại học chuyên ngành kỹ thuật phục hồi chức năng.

Tổ chức đào tạo cho giảng viên thỉnh giảng trong năm học 2024-2025 tại các bệnh viện thực hành về phương pháp dạy học lâm sàng, lượng giá, quản lý sinh viên để có thể tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành.

Đánh giá và cải tiến: Cần thường xuyên đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo và đội ngũ giảng viên để đáp ứng được mục tiêu đào tạo và nhu cầu của sinh viên.

### **5. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

#### **5.1. Hệ thống phòng học, giảng đường**

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường khá hiện đại, Trường đã và đang đầu tư xây dựng hệ thống các phòng học đa năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông đáp ứng được yêu cầu học tập cho sinh viên. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành.

Trường có 03 hội trường và phòng học lớn, 80 phòng học nhỏ với diện tích khoảng 10.270 m<sup>2</sup>. Trường có Thư viện với diện tích 1135 m<sup>2</sup>, 70 phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập với diện tích khoảng 2814 m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy móc như máy điều trị sóng ngắn, máy điều trị xung điện, máy kéo dẫn cột sống, máy điện phân, đèn hồng ngoại, đèn tử ngoại, máy siêu âm điều trị, máy laser điều trị, ... phù hợp với đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

*Uas*

**Bảng 4. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường 50-119 chỗ	75	90 m <sup>2</sup> /phòng	MC Project	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
2	Phòng học thông minh đa phương tiện	5	120m <sup>2</sup>	Màn hình 75" Máy tính bảng Samsung galaxy tab A9.7 Loa phục vụ giảng dạy Mic kết nối phục vụ thảo luận nhóm	4 40 4 8	Phục vụ thảo luận ca lâm sàng các môn học tiền lâm sàng và lâm sàng
3	Phòng thực hành máy tính	2	TB 90 m <sup>2</sup> /phòng	Máy vi tính	80	Tin học ĐC
4	Nhà thi đấu đa năng	1	719 m <sup>2</sup>			Giáo dục thể chất

Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Danh mục các phòng thực hành, thí nghiệm, trang thiết bị máy móc phục vụ cho đào tạo ngành được trình bày chi tiết trong Phụ lục kèm theo Đề án.

### **5.2. Phòng thí nghiệm, thực tập, cơ sở thực hành**

Trường có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Cụ thể có các phòng như sau: phòng kéo giãn cột sống, phòng tập vận động trị liệu, phòng Siêu âm điều trị, phòng Laser điều trị, phòng đắp nén...Ngoài ra còn các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ giảng dạy các học phần cơ sở ngành như phòng thực hành giải phẫu, sinh lý, điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu,...

Trường có bệnh viện (bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên). Ngoài ra, Trường đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc với 03 bệnh viện là cơ sở thực hành cho sinh viên trong toàn khoá học: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (số 128/HĐTH-ĐHYD ngày 13/5/2024), Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên (số 130/HĐTH-ĐHYD ngày 03/5/2024), Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Thái Nguyên (số 131/HĐTH-ĐHYD ngày 03/5/2024). Ngoài ra, nhà trường cũng hợp tác với các Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện chuyên khoa Phục hồi chức năng để cho sinh viên đi thực tập tốt nghiệp về lĩnh vực kỹ thuật Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Cơ sở vật chất hiện có của nhà trường về cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

*mas*

**Bảng 5. Danh mục các phòng thí nghiệm, thực tập**

<b>Tên phòng Thực hành, thực tập</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên</b>	<b>BV Trung ương Thái Nguyên</b>	<b>Bệnh viện PHCN Thái Nguyên</b>
Tin học cơ bản	01	01		
Tin học ứng dụng	01	01		
Vật lý - Lý sinh	01	01		
Sinh học và di truyền	01	01		
Giải phẫu	02	02		
Sinh lý	01	01		
Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	01	01		
Dược lý	01	01		
Sinh lý bệnh - Miễn dịch	01	01		
Dịch tễ học	01	01		
Y học cổ truyền	01		01	
Hóa sinh	02	01	01	
Vi sinh - KST	02			
Phòng chụp CHT	01		01	
Phòng chụp CLVT	03		03	
Phòng chụp XQ	07	01	06	
Phòng siêu âm	06	01	05	
Phòng đọc phim CDHA	04	02	02	
Phòng chế biến Parafin	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Parafin Nam	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 40 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Parafin Nữ	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 40 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>
Phòng Xoa bóp - Vận động trị liệu	03	01 30 m <sup>2</sup>	01 80 m <sup>2</sup>	01 30 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Kéo giãn cột sống	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 40 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Điện trị	03	01	01	01

Tên phòng Thực hành, thực tập	Số lượng	Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên	BV Trung ương Thái Nguyên	Bệnh viện PHCN Thái Nguyên
liệu		20 m <sup>2</sup>	40 m <sup>2</sup>	20 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Sóng ngắn	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 40 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>
Phòng điều trị Thủy trị liệu	01		01 20 m <sup>2</sup>	
Phòng điều trị Ánh sáng trị liệu	03	01 20 m <sup>2</sup>	01 40 m <sup>2</sup>	01 20 m <sup>2</sup>

### 5.3. Thư viện và học liệu

Về hệ thống thông tin, thư viện:

Trung tâm Số, Đại học Thái Nguyên và thư viện Trường có đầy đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để người học có thể thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Tổng diện tích thư viện là 4365 m<sup>2</sup>; trong đó diện tích thư viện sách là 270 m<sup>2</sup>, diện tích phòng đọc là 390 m<sup>2</sup>. Số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 40 máy. Số lượng sách, giáo trình điện tử và sách, giáo trình dạng in tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng đầy đủ cho đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. Thư viện có trên hơn 7500 đầu sách tham khảo và giáo trình; hơn 1000 luận văn, luận án, trong đó số lượng sách phục vụ cho CTĐT KTPHCN là hơn 500 đầu sách với trên 3000 bản sách. Thư viện của Trường đã khai thác nguồn tài liệu điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu toàn văn Tạp chí chuyên ngành của Trung tâm Số - Đại học Thái Nguyên.

Trường có kế hoạch mua thêm các đầu sách, tổ chức cho giảng viên biên soạn giáo trình phục vụ công tác đào tạo, đặc biệt là các học phần chuyên ngành. Thông tin về tài liệu giáo trình phục vụ giảng dạy được trình bày chi tiết trong Phụ lục đính kèm.

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu trong tổ chức dạy học theo tín chỉ và tổ chức thi trắc nghiệm các học phần thuộc chương trình đào tạo.

### 5.4. Hệ thống cơ sở vật chất khác

Nhà trường có các công trình xây dựng phục vụ giải trí thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Website của Nhà trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

Khu ký túc xá cho sinh viên của Nhà trường bao gồm 4 nhà 5 tầng, với quy mô 180 phòng đảm bảo điều kiện nội trú cho sinh viên và lưu học sinh quốc tế.

Đại học Thái Nguyên đã có Trung tâm Số có nối mạng Internet phục vụ cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên toàn đại học. Đây là trung tâm thông tin lớn nhất của Đại học Thái Nguyên nhằm phục vụ công tác đào tạo



và nghiên cứu khoa học cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam. Trung tâm Số được xây dựng khang trang, tiện nghi, hiện đại với tổng diện tích sử dụng hơn 10.000m<sup>2</sup>. Trung tâm Số có hệ thống nhiều phòng học, thảo luận nhóm, khu vực học tập yên tĩnh, phòng nghe nhìn đa phương tiện theo tiêu chuẩn quốc tế, phòng dành cho các giảng viên ĐHTN và học viên sau đại học, hội trường lớn trên 300 chỗ ngồi trang bị phương tiện nghe nhìn hiện đại và hệ thống cầu truyền hình trực tuyến, 400 máy tính nối mạng tốc độ, và một hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nghiệp vụ như: máy photocopy và máy in kết nối mạng, máy chiếu, camera, được bố trí lắp đặt hợp lý. Ngoài ra, Trung tâm Số còn có hệ thống sân vườn với diện tích trên 2000 m<sup>2</sup> khiến Trung tâm không chỉ là nơi học tập, nghiên cứu có hiệu quả mà còn là môi trường thư giãn, nghỉ ngơi lý tưởng sau những giờ nghiên cứu, học tập căng thẳng...

### 5.5. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Hàng năm Nhà trường đều trình và được Đại học Thái Nguyên phê duyệt dự toán Kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bằng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và thu hoạt động sự nghiệp. Trong đó bao gồm các hoạt động đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm, giảng đường; sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập và nâng cao năng lực khám chữa bệnh phục vụ đào tạo.

Các cơ sở thực hành của nhà Trường như: Khoa Phục hồi chức năng của các Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Phục hồi chức năng Thái Nguyên... trong kế hoạch năm 2025 và những năm tiếp theo đều được quan tâm, đầu tư các trang thiết bị máy móc hiện đại như: Rô bốt thực tế ảo, Oxy cao áp, Laser cường độ cao, máy điều trị sóng xung kích và các trang thiết bị máy móc hiện đại khác.

## 6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

### 6.1. Đơn vị quản lý

Đơn vị quản lý ngành đào tạo là Khoa Các chuyên khoa có 55 kinh nghiệm trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Các giảng viên được đào tạo bậc sau đại học chuyên ngành Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, Thần kinh, Sức khỏe tâm thần, Ngôn ngữ trị liệu, Y tế công cộng... từ các trường danh tiếng như: Đại học Y Hà Nội, Học viện Quân Y, Đại học Y - Dược, Đại học Huế và từ các quốc gia như Australia, Thái Lan, Philipine, Hàn Quốc, Đài Loan,... Các giảng viên đã được tham gia các khóa tập huấn, hội thảo về phát triển chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, phương pháp lượng giá và đảm bảo chất lượng trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

### 6.2. Cán bộ quản lý ngành đào tạo

Cán bộ quản lý ngành đào tạo bao gồm các thành viên:

**Bảng 6. Danh sách cán bộ quản lý ngành đào tạo**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, chỉ đạo chung về CTĐT
2	Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Quản lý chung về công tác tổ chức đào tạo

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
3	Nguyễn Thị Thu Thái	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Phụ trách công tác phát triển, rà soát, kiểm định CTĐT
4	Đàm Thị Bảo Hoa	Phó trưởng phụ trách khoa Các chuyên khoa	Triển khai công tác phát triển, thẩm định CTĐT cấp khoa, các công tác tổ chức đào tạo và quản lý người học
5	Trịnh Minh Phong	Trưởng BM Phục hồi chức năng	Triển khai công tác phát triển, thẩm định, công tác tổ chức đào tạo và quản lý người học các học phần chuyên ngành
6	Nguyễn Thùy Trang	Giảng viên BM Phục hồi chức năng	Trực tiếp quản lý người học, quản lý các tài liệu dạy học, kiểm tra, lượng giá sinh viên.
7	Đàm Thị Minh Nguyệt	Chuyên viên chính, trợ lý đào tạo	Trực tiếp xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm, lịch giảng dạy chi tiết bao gồm cả giảng dạy trực tuyến
8	Ngô Thị Thanh Loan	Chuyên viên, trợ lý đào tạo	Trực tiếp quản lý ngành đào tạo, các nội dung liên quan trong quá trình tổ chức đào tạo.

## 7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành

### 7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường nhận thấy một số rủi ro có thể xảy ra và có phương án ngăn ngừa và xử lý:

- Do ngành mới mở nên xã hội còn chưa có nhiều thông tin, công tác quảng bá về ngành đào tạo còn hạn chế, do cạnh tranh giữa các trường khác trong tuyển sinh, đặc biệt các trường đào tạo trong cùng khu vực vì thế nguy cơ trong những năm đầu có thể không tuyển sinh đủ chỉ tiêu.

- Do sức thu hút của thị trường lao động quá lớn, Trường có thể gặp khó khăn trong tuyển dụng giảng viên cho CTĐT ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. Biến động về đội ngũ giảng viên (giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác).

- Sinh viên bỏ học, chậm tiến độ học tập do gặp khó khăn về kinh tế, do lựa chọn ngành học không phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT, không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, chưa nỗ lực học tập, chưa biết cách học, ...

- Chương trình đào tạo có thể lạc hậu chưa đáp ứng tốt với nhu cầu của người dân và thị trường lao động; do sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt là công nghệ trí tuệ nhân tạo, mức sống và nhu cầu của người dân ngày một tăng lên.

## 7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

### \* Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy nhu cầu đào tạo ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng là rất lớn nên khả năng không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên, Trường đã lường trước được rủi ro này và có kế hoạch, giải pháp cụ thể như:

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng, Trường có Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ học sinh - sinh viên là đầu mối triển khai. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để bảo đảm việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường trung học phổ thông đặc biệt là hệ thống mạng lưới các trường phổ thông vệ tinh vào những thời điểm quan trọng trước khi thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh.

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng là điều tất yếu, do vậy có cạnh tranh các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực. Phương án phòng ngừa: Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của trường đại học để thu hút giảng viên có trình độ cao và giúp các sinh viên tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo. Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Khảo sát định kỳ yêu cầu của nhà tuyển dụng để chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung, học phần cần thiết; tăng cường hợp tác với các cơ sở y tế để sinh viên có nhiều cơ hội việc làm; tăng cường khả năng kết nối đến các đơn vị tuyển dụng, phối hợp với các đơn vị để tổ chức ngày hội việc làm. Nói chung, nhà trường tích cực xúc tiến việc tìm kiếm cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp để bảo đảm nhu cầu thị trường lao động cho ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng. Đây cũng là một phương án nhằm thu hút người học và đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh.

\* Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác, khó khăn trong tuyển dụng giảng viên:

Nếu không có đủ giảng viên có chuyên môn để bảo đảm chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả.

Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên như hỗ trợ ban đầu khi tuyển dụng, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên học tập nâng cao trình độ; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghiên cứu khoa học cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn lực, có chính sách thu hút giảng viên để bảo đảm đủ lực lượng kế thừa. Trong thời gian tới Trường bắt đầu tự chủ mức 2, có thể chủ động về các chế độ chính sách trong tuyển dụng, đãi ngộ giảng viên.

May

*\* Sinh viên bỏ học, chậm tiến độ*

Vấn đề người học bỏ học, chậm tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên hiện nay.

Giải pháp chung: Rà soát CTĐT theo quy định để có được chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học; bảo đảm đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học. Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc người học bỏ học, học trễ tiến độ.

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

Cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ kết hợp với lãnh đạo đơn vị và phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên mỗi học kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo và Cố vấn học tập; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo và Cố vấn học tập kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân và phương án hỗ trợ.

Trường tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, tìm kiếm nguồn và dành các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học. Phương thức này vẫn đang được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.

Với trường hợp người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT: Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Với trường hợp không theo kịp tiến độ do gặp khó khăn về hoàn thành chuẩn ngoại ngữ: Cố vấn học nhắc nhở thường xuyên về yêu cầu ngoại ngữ, tăng cường hoạt động của Câu lạc bộ ngoại ngữ, Câu lạc bộ học tốt để hỗ trợ sinh viên.

Với trường hợp không theo kịp tiến độ do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: Cố vấn học tập và giảng viên các bộ môn định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

*\* Chương trình đào tạo có thể lạc hậu chưa đáp ứng tốt với nhu cầu của người dân và thị trường lao động.* Giải pháp: Nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra và CTĐT định kỳ hàng năm; khảo sát nhu cầu của nhà sử dụng lao động; phát triển giảng viên đầu tư cơ sở vật chất; để cập nhật CTĐT và tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

*mas*

## 8. Tự đánh giá và cam kết thực hiện

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và đã được trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Quyết định số 140/QĐ-KĐCLGD ngày 14/6/2023 và được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (kiểm định chu kỳ 2). Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học, mã ngành 7720603 được xây dựng bài bản đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng triết lý giáo dục chung của Trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về điều kiện mở ngành đào tạo, Trường đã thực hiện đối chiếu các quy định của Thông tư này với các điều kiện thực tế, minh chứng kèm theo đề án đã đáp ứng theo các quy định của Thông tư và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ: <https://tump.edu.vn/category/ky-thuat-phuc-hoi-chuc-nang>. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc và cả nước./.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2024

### Nơi nhận

- Bộ GD&ĐT;
- Bộ Y tế, ĐHTN (để b/c);
- Ban Giám hiệu, HĐT;
- Lưu VT, ĐT *May*



HIỆU TRƯỞNG

*[Signature]*  
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

## PHẦN 2. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

*(Kèm theo Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học)*

PHỤ LỤC	TÊN MINH CHỨNG
1.	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
2.	Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần thuộc Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
3.	Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược và Nghị quyết của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
4.	Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.
5.	Quyết định thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo; Quyết định thành lập Tổ xây dựng Chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định; Quyết định ban hành chương trình đào tạo.
6.	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 1 và Mục 2 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
7.	Bảng thống kê Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 3 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
8.	Các hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.

*Was*

## DANH MỤC MINH CHỨNG

*(Kèm theo Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học)*

<b>PHỤ LỤC</b>	<b>TÊN MINH CHỨNG</b>
1.	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
2.	Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần thuộc Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.
3.	Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược và Nghị quyết của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
4.	Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.
5.	Quyết định thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo; Quyết định thành lập Tổ xây dựng Chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định
6.	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 1 và Mục 2 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
7.	Bảng thống kê Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 3 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
8.	Các hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo  
ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

**Điều 2.** Chương trình này sẽ được áp dụng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

**Điều 3.** Căn cứ vào Chương trình này, các đơn vị liên quan tổ chức phát triển chương trình dạy học cho từng học phần.

**Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Ước*

- BGH (để b/c);
- Các khoa, BM trực thuộc trường;
- Các phòng chức năng;
- Đăng Website Trường;
- Lưu VT, Đào tạo, MC.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHYD ngày của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

**I. Thông tin chung (General Information)**

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học
  - Tên tiếng Anh: Undergraduate Training Program in Rehabilitation Technology
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam (lần 1), theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 21/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt Nam (lần 2).*
5. Trình độ đào tạo: Đại học
6. Ngành đào tạo: Kỹ thuật Phục hồi chức năng
7. Mã ngành đào tạo: 7720603
8. Số tín chỉ/thời gian đào tạo: 127 tín chỉ/4 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: chính quy
11. Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng
  - Tên Tiếng Anh: Bachelor of Rehabilitation Technique

## II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

### 1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có ý thức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân các dân tộc khu vực trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước.

### 2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục
<b>Kiến thức</b>				
PEO 1	Có kiến thức về văn hoá xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Kỹ thuật Phục hồi chức năng.	✓	✓	✓
<b>Kỹ năng</b>				
PEO 2	Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật lượng giá chức năng, xây dựng được kế hoạch can thiệp và thực hiện được các kỹ thuật vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho các nhóm khuyết tật ở các nhóm tuổi khác nhau.	✓		✓
PEO 3	Có khả năng sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, dụng cụ vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.	✓		✓
PEO 4	Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm trong các công việc của ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng	✓		✓
<b>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PEO 5	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm; tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học, tự phát triển nghề nghiệp	✓	✓	✓
PEO6	Có khả năng tổ chức và quản lý một đơn vị phục hồi chức năng theo quy định.	✓	✓	✓

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
<b>Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực Kỹ thuật Phục hồi chức năng.	✓	
PLO2	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong lượng giá chức năng, thiết lập mục tiêu, kế hoạch can thiệp, tiến hành can thiệp, theo dõi và tái lượng giá người bệnh và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng		✓
PLO 3	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá trong các hoạt động liên quan đến Kỹ thuật Phục hồi chức năng.	✓	✓
<b>Kỹ năng</b>			
PLO 4	Thực hiện được kỹ năng lượng giá chức năng, các kỹ thuật phục hồi chức năng, dự phòng khuyết tật và tái hòa nhập cộng đồng cho người bệnh khuyết tật dựa.		
PLO 5	Lập và tổ chức thực hiện được kế hoạch can thiệp các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng		✓
PLO 6	Tổ chức và thực hiện truyền thông phòng ngừa khuyết tật, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khuyết tật và cộng đồng		
PLO 7	Vận hành được máy móc/trang thiết bị vật lý trị liệu - phục hồi chức năng đảm bảo an toàn; phát hiện được các lỗi kỹ thuật đơn giản và báo cáo/đề xuất giải pháp khắc phục.		✓
PLO 8	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương	✓	
PLO 9	Đạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.	✓	
<b>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>			
PLO 10	Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.		✓
PLO 11	Chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp		

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
PLO 12	Phát triển được bản thân thông qua kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và hướng dẫn đồng nghiệp.		✓
PLO 13	Tham gia lập kế hoạch, giám sát, điều phối và quản lý được một đơn vị Phục hồi chức năng theo quy định.		✓

#### IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình (PLO)	Mục tiêu chương trình (PEO)					
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	PEO5	PEO6
PLO1	X			X	X	X
PLO2	X	X	X		X	X
PLO3	X	X	X		X	X
PLO4	X	X	X		X	
PLO5	X	X			X	X
PLO6	X	X		X	X	X
PLO7	X		X		X	X
PLO8	X			X	X	
PLO9	X			X	X	
PLO10				X	X	X
PLO11		X	X		X	X
PLO12	X	X	X	X	X	X
PLO13					X	X

#### V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

##### 1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.
- Phạm vi tuyển sinh: cả nước.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường,
- Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 50-100 chỉ tiêu/năm
- Tổ chức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường,

## 2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

### 6.1. Tổng số tín chỉ phải học

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	<i>Khối kiến thức giáo dục đại cương</i>	24	18,90
2	<i>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>		
	Các học phần cơ sở ngành	35	27,56
	Các học phần chuyên ngành	64	50,39
	Học phần thực tập tốt nghiệp	4	3,15
3	<i>Các học phần tự chọn</i>	8	6,30
4	<i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (2 học phần tự chọn thay thế)</i>	4	3,15
	<b>Khối lượng kiến thức toàn khóa</b>	<b>127</b>	<b>100%</b>

Khối lượng kiến thức toàn khóa 127 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất), chia thành 8 học kỳ trong 4 năm.

### 6.2. Khung chương trình đào tạo

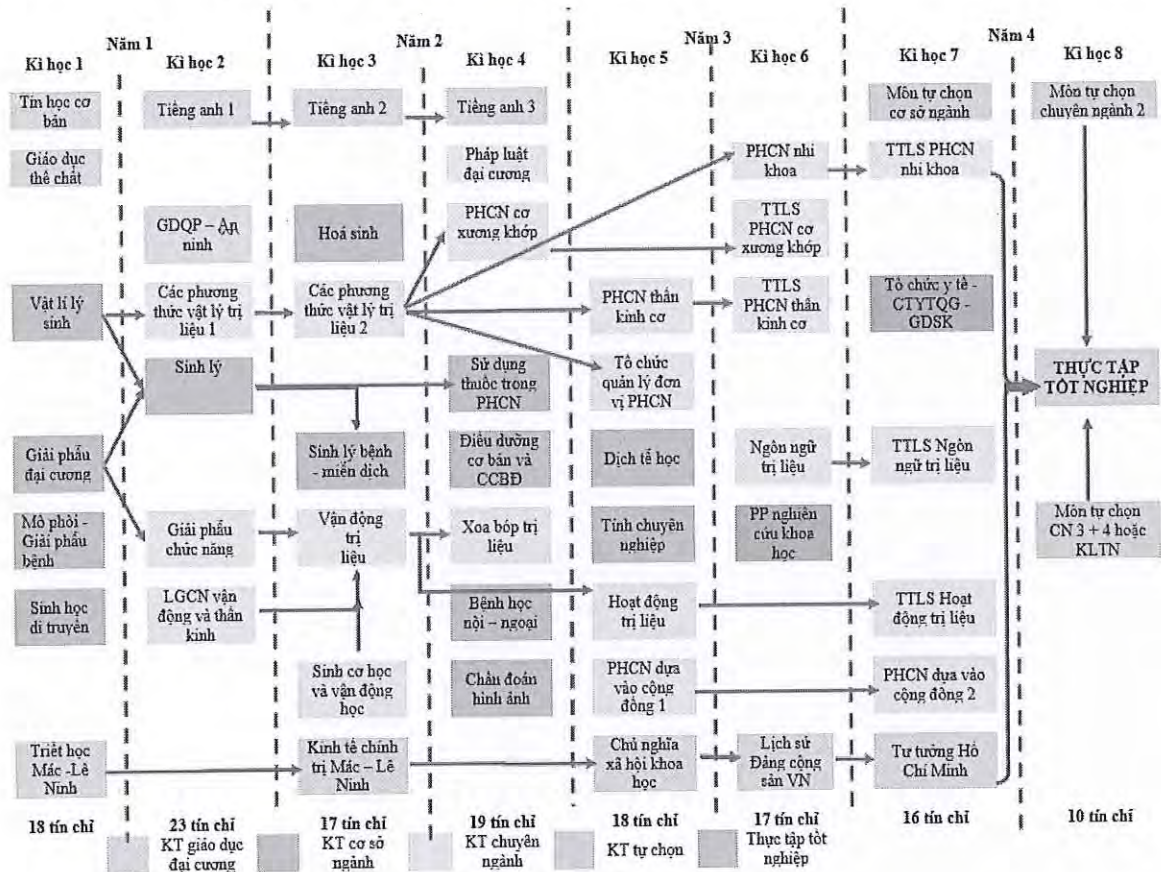
TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (18,90%)</b> (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.	HCGD1018	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	04 học phần	165 tiết						2
2.	HCGD1013	Giáo dục thể chất	3 (0/3)	0	90	60				1
3.	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
4.	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH1013		3
5.	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT1012		5
6.	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012		6

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
7.	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012		7
8.	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				4
9.	HCTA1013	Tiếng Anh 1	3 (3/0)	45	0	105				2
10.	HCTA1023	Tiếng Anh 2	3 (3/0)	45	0	105		HCTA1013		3
11.	KHTA1033	Tiếng Anh 3	3 (3/0)	45	0	105	HCTA1023			4
12.	HCTH1012	Tin học cơ bản	2 (0,5/1,5)	7,5	45	47,5				1
<b>II Khối kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ (27,56%)</b>										
<b>2.1 Học phần bắt buộc: 33 tín chỉ</b>										
13.	HCPP1213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				6
14.	KHVL1213	Vật lý - Lý sinh	3 (3/0)	45	0	105				1
15.	HCSH1212	Sinh học - di truyền	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5				1
16.	HCGP1213	Giải phẫu đại cương	3 (2/1)	30	30	90				1
17.	HCSL1212	Sinh lý	2 (1,3/0,7)	20	20	60		KHVL1013 HCGP1213		2
18.	HCDD1212	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2 (1/1)	15	30	55				4
19.	KHSD1212	Sử dụng thuốc trong phục hồi chức năng	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5	HCSL1212			4
20.	HCSY1213	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70	HCSL1212			3
21.	HCHS1212	Hóa sinh	2 (2/0)	30	0	70				3
22.	HCMP1212	Mô phôi - Giải phẫu bệnh	2 (2/0)	30	0	70			HCGP1213	1
23.	HCTC1212	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2 (2/0)	30	0	70				7
24.	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55				5
25.	KHCD1212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				4
26.	HCTU1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70				5
27.	HCBH1212	Bệnh học Nội- Ngoại	2 (2/0)	30	0	70				4
<b>2.2 Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 2 học phần)</b>										
28.	HCTH1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55				7
29.	HCDD1312	Dinh dưỡng tiết chế	2(1/1)	15	30	55				7
30.	HCKO1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5				7
<b>III Khối kiến thức chuyên ngành: 64 tín chỉ (50,39%)</b>										
<b>3.1 Học phần bắt buộc: 58 tín chỉ</b>										
33.	KHGP1413	Giải phẫu chức năng	3 (1/2)	15	60	75	HCGP1213			2
34.	KHLG1414	Lượng giá chức năng vận động và thần kinh	4 (1/3)	15	90	95			HCGP1413	2
35.	KHSC1412	Sinh cơ học và vận động học	2 (2/0)	30	0	70			KHLG1414	3
36.	KHVĐ1413	Vận động trị liệu	3 (1/2)	15	60	75	KHGP1413 KHLG1413		KHSC1412	3
37.	KHCP1413	Các phương thức vật	3 (2/1)	30	30	90		KHVL1213		2

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		lý trị liệu 1								
38.	KHCP1423	Các phương thức vật lý trị liệu 2	3 (1/2)	15	60	75	KHCP1413			3
39.	KHXB1413	Xoa bóp trị liệu	3 (1/2)	15	60	75	KHLG1414			4
40.	KHPH1413	Phục hồi chức năng cơ xương khớp	3 (2/1)	30	30	90		KHCP1423	HCBH1212	4
41.	KHTT1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng cơ xương khớp	3 (0/3)	0	90	60	KHPH1413			6
42.	KHPO1413	Phục hồi chức năng thần kinh cơ	3 (2/1)	30	30	90		KHCP1423		5
43.	KHTA1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng thần kinh cơ	3 (0/3)	0	90	60	KHPO1413			6
44.	KHHĐ1413	Hoạt động trị liệu	3 (2/1)	30	30	110	KHLG1414			5
45.	KHTP1412	Thực tập lâm sàng hoạt động trị liệu	2 (0/2)	0	60	40	KHHĐ1413			7
46.	KHNN1413	Ngôn ngữ trị liệu	3 (2/1)	30	30	90	KHLG1414			6
47.	KHTL1412	Thực tập lâm sàng ngôn ngữ trị liệu	2 (0/2)	0	60	40	KHNN1413			7
48.	KHPI1413	Phục hồi chức năng trong nhi khoa	3 (1/2)	15	60	75	HCBH1212	KHCP1423		6
49.	KHTM1413	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng trong nhi khoa	3 (0/3)	0	90	60	KHPI1413			7
50.	KHTC1413	Tổ chức và quản lý đơn vị Phục hồi chức năng	3 (1/2)	15	60	75		KHCP1423		5
51.	KHPC1413	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1	3 (2/1)	30	30	90	KHCP1423	KHLG1414		5
52.	KHPC1423	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2	3 (0/3)	0	90	60	KHPH1413			7
<b>3.2</b>	<b>Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần hoặc chọn Khóa luận tốt nghiệp và 01 học phần)</b>									
53.	KHPH1512	Phục hồi chức năng tim mạch - hô hấp	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
54.	KHYH1512	Y học cổ truyền	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
55.	KHDC1512	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	2 (1/1)	15	30	55		KHVĐ1415		8
56.	KHPO1512	Phục hồi chức năng da - sinh dục - tiết niệu	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
57.	KHPI1512	Phục hồi chức năng chấn thương	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
58.	KHPC1512	Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	2 (1/1)	15	30	55	HCBH1212	KHCP1423		8
59.	KHKL1714	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		HCPP1213		7-8
<b>IV</b>	<b>Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (3,15%)</b>									
59	KHTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		8
		<b>Tổng số tín chỉ (giờ)</b>	<b>127</b>							



## VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



## VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	HCGD1018	M									L		L	
2	HCGD1013	M									L		L	
3	HCTH1013	M									L		L	
4	HCKT1012	M									L		L	
5	HCCN1012	M									L		L	
6	HCLS1012	M									L		L	
7	HCTT1012	M									L		L	
8	HCPL1012	M									L		L	
9	HCTA1013	M								M	M	L	L	
10	HCTA1023	M								M	M	L	L	

TT	Mã Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	KHTA1033	M							M	M	L		L	
12	HCTH1012								M	M	L		L	
13	HCPP1212	M	M						M	M	M		M	
14	KHVL1213	M	M										M	
15	HCSH1212	M	M										M	
16	HCGP1213		M										M	
17	HCSL1212		M										M	
18	HCĐD1212		M								M		M	
19	KHSD1212		M								M		M	
20	HCSY1212		M										M	
21	HCHH1212		M										M	
22	HCMP1212		M										M	
23	HCTH1212	M	M										M	L
24	HCDT1212		M				M						M	
25	HCCĐ1212		M										M	
26	HCTC1212	M	M								M	M	M	L
27	HCBH1212		M										M	
28	HCTH1312	M	M								M		M	M
29	HCDD1312		M				M				M		M	
30	HCKO1312		M									M	M	
31	KHGP1413	H			L						M			
32	KHLG1414		H		M						M	M	M	
33	KHSC1412		H								M		M	
34	KHVĐ1413		H		M						M	M	M	
35	KHCP1413		M	M	M	H			M	M		M		
36	KHCP1423		M	M	H				H	H		H	M	

TT	Mã Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
37	KHXB1413		H		H		M					M		
38	KHPH1413		H				M				M	M	M	
39	KHTT1413		M		H	H	H	H					M	
40	KHPO1413		H		M	M	M					M		
41	KHTA1413		H		H	H	M	H				M		
42	KHHĐ1413		H		M		M					M	M	M
43	KHTP1412		M		H	H	M	H			H	H	H	
44	KHNN1413		M	M	M	M						H		H
45	KHTL1412				H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
46	KHPI1413		H		H	M	M					M		M
47	KHTM1413		H	H	H	M	M				H	H	H	H
48	KHTC1413	M		H		H		M			H	H	H	H
49	KHPC1413	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M
50	KHPC1423	H	H	H	H	H	H	H			H	H	H	H
51	KHPH1512		M		H	M	M					M		M
52	KHYH1512		M		H	M	M					M		M
53	KHDC1512		M		H		H	H				M	M	M
54	KHPO1512		M	M	H				H	H		H		
55	KHPI1512		H		H	H	H					M		M
56	KHPC1512		H		H	M	M					M		M
57	KHKL1714	H			H	H	H	H	H	H		H		H
58	KHTT1614	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

**IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thực hành bằng bảng kiểm				X	X	X	X					X	X
Trải nghiệm (phòng thí nghiệm, bệnh viện, cộng đồng)		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
Đóng vai			X	X	X	X		X		X	X	X	
Đọc tài liệu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Giảng dạy dựa theo vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập tình huống		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X

**X. Ma trận tương quan giữa phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tự luận	X	X	X				X	X	X		X	X	X
Trắc nghiệm (MCQ)	X	X	X				X	X	X				X
Chấm chỉ tiêu thực hành				X	X	X	X			X	X	X	X
Báo cáo cá nhân/báo cáo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bảng kiểm	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
Vấn đáp			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
Phương pháp đánh giá lâm sàng theo cấu trúc khách quan (OSPE, OSCE)		X	X	X	X	X				X	X	X	

## XI. Đối sánh với một số chương trình đào tạo

Mô tả	Trường ĐH Y Dược Hồ Chí Minh (2023)		Trường ĐHKTYT Hải Dương (2022)		Trường ĐHKTYD Đà Nẵng (2022)		Trường ĐHYD Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	27	19,86	36	25,5	17	12,59	24	18,90
Kiến thức cơ sở ngành	22	16,18	40	28,3	32	23,70	35	27,56
Kiến thức chuyên ngành	68	50,00	44	31,2	75	55,56	64	50,39
Tự chọn	12	8,82	13	9,2	Không rõ ràng		8	6,30
Tốt nghiệp	7	5,14	8	5,8	11	8,15	4	3,15
<b>Tổng</b>	<b>136</b>	<b>100</b>	<b>141</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>127</b>	<b>100</b>

## XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
1.	<p><b>Giáo dục quốc phòng và An ninh</b></p> <p>Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 04 học phần (165 tiết) được giảng dạy ở học kỳ 2 tại Trung tâm quốc phòng và an ninh (Đại học Thái Nguyên) Mục tiêu của học phần nhằm trang bị cho SV kiến thức về quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	165 tiết
2.	<p><b>Giáo dục thể chất</b></p> <p>Học phần Giáo dục thể chất thuộc khối học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 1 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đào tạo đội ngũ cán bộ y tế; phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng yêu cầu xã hội.</p>	3
3.	<p><b>Triết học Mác-Lênin</b></p> <p>Học phần triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này gồm 3 chương cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và thực tiễn cho sinh viên. Học phần Triết học Mác Lênin là học phần tiên quyết cho các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>	3
4.	<p><b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin:</b></p> <p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và</p>	2

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.	
5.	<p><b>Chủ nghĩa xã hội khoa học:</b></p> <p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận</p>	2
6.	<p><b>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam:</b></p> <p>Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kiến thức về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, nêu vấn đề, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>	2
7.	<p><b>Tư tưởng Hồ Chí Minh:</b></p> <p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra và thi tự luận.</p>	2
8.	<p><b>Pháp luật đại cương:</b></p> <p>Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật phòng chống tham nhũng. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như vận dụng kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm người học thực hiện bài tự luận.</p>	2
9.	<p><b>Tiếng Anh 1</b></p> <p>Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng: nghe, nói,</p>	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	đọc, viết với kiến thức về từ vựng liên quan đến cơ thể người và các hệ cơ quan như Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/could và should/ must, và cấu trúc bị động được lồng ghép trong ngữ cảnh y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: vấn đáp, tự luận, MCQ.	
10.	<b>Tiếng Anh 2</b> Học phần Tiếng Anh 02 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 3 của CTĐT. Học phần này giúp sinh viên thực hành các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 06 bài trong giáo trình English in Medicine 2. Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ da, cơ xương, nội tiết, hệ sinh sản và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, tự luận, vấn đáp.	3
11.	<b>Tiếng Anh 3.</b> Học phần Tiếng Anh 03 thuộc chương trình đào tạo Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ đại học, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này giúp sinh viên thực hành các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 06 bài trong giáo trình English for rehabilitation. Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến ngành phục hồi chức năng, vật lý trị liệu và công việc của KTV vật lý trị liệu - PHCN, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến câu bị động của thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu dùng để yêu cầu, hướng dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn tập các động tác vật lý trị liệu, giải thích và tư vấn bệnh nhân. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận cặp, nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm vấn đáp, trắc nghiệm – tự luận.	3
12.	<b>Tin học cơ bản:</b> Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 1 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin cơ bản và hiện đại. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên máy tính, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi bảng kiểm, trắc nghiệm MCQ trên giấy, bài pretest trên hệ thống Elearning, đánh giá kỹ năng thực hành máy tính bởi bảng kiểm.	2
13.	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học:</b> Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được giảng dạy ở học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Học phần bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và các lập luận logic để định hướng được các bài toán cần nghiên cứu trong y sinh học, đồng thời đưa ra được những hỗ trợ trong thiết kế, lập kế hoạch nghiên cứu khoa học phục vụ trong lĩnh vực y học, các phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực y học dựa trên cơ sở các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đi sâu vào nghiên cứu mô tả. Sinh viên có cơ hội thực hành để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể gắn liền với nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên: xác định vấn đề nghiên cứu, hình thành câu hỏi và giả thiết nghiên cứu, viết mục tiêu nghiên cứu, tổng quan	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	tài liệu, xây dựng phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các bảng dự kiến kết quả và kế hoạch nghiên cứu.	
14.	<p><b>Vật lý - Lý sinh:</b>  Học phần Vật lý- Lý sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học cơ sở vật lý, nguyên lý cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và cơ sở ứng dụng của các thiết bị có sử dụng các tác nhân vật lý trong y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo, hướng dẫn thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tự luận, bảng kiểm, thi kết thúc học phần.</p>	3
15.	<p><b>Sinh học và di truyền:</b>  Học phần Sinh học - di truyền thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về Sinh học và di truyền ứng dụng trong y học bao gồm các nội dung: các đại phân tử sinh học; đột biến gen; đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học nhiễm sắc thể; các quy luật di truyền. Các nội dung này là cơ sở cho sinh viên học tiếp các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: tự luận, MCQ.</p>	2
16.	<p><b>Giải phẫu đại cương</b>  Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ I của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về cấu trúc đại thể của các cơ quan trong cơ thể, đồng thời có thể xác định được một số mốc giải phẫu của các hệ cơ quan trên cơ thể người, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể người để giải thích các biểu hiện tổn thương và bệnh lý của các cơ quan trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu và thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận và chạy trạm.</p>	3
17.	<p><b>Sinh lý</b>  Học phần Sinh lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học về các quy luật hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng bình thường ở mức tế bào đến các cơ quan trong cơ thể, trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện và giải thích được cơ sở của một số kỹ thuật xét nghiệm, thăm dò chức năng, từ đó hỗ trợ theo dõi điều trị phục hồi chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, MCQ.</p>	2
18.	<p><b>Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu</b>  Học phần Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thực hành các kỹ thuật theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp, có trách nhiệm trong mọi công việc được giao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bằng bảng kiểm, cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, lượng giá thực hành theo bảng kiểm, Đánh giá thực hành theo cấu trúc khách quan OSPE (Objective Structured Practical Examination).</p>	2
19.	<p><b>Sử dụng thuốc trong phục hồi chức năng</b>  Học phần Sử dụng thuốc trong kỹ thuật phục hồi chức năng thuộc khối kiến thức</p>	2



TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	<p>ơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 thuộc CTĐT. Học phần học trước là Sinh lý. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học (hấp thu, phân bố, chuyển hoá, đào thải thuốc), dược lực học (cơ chế tác dụng, tác dụng và tác dụng không mong muốn, cách sử dụng thuốc) của các thuốc thông thường và thuốc dùng trong chuyên ngành kỹ thuật phục hồi chức năng. Từ đó giúp người học có kiến thức để sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, tự học. Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: trắc nghiệm, thực hành theo bảng kiểm.</p>	
20.	<p><b>Sinh lý bệnh - Miễn dịch</b>  Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Phần lý thuyết sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các qui luật hoạt động của bệnh nói chung và giải thích cơ chế cho các biểu hiện bất thường trên lâm sàng và cận lâm sàng. Bên cạnh đó, sinh viên được tiếp cận với các kiến thức cơ bản về miễn dịch như: cơ chế đáp ứng miễn dịch bảo vệ cơ thể và một số rối loạn bệnh lý miễn dịch. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức về nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch, phân tích kết quả một số xét nghiệm miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng, quan sát, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm tự luận, câu hỏi MCQ, bảng kiểm.</p>	2
21.	<p><b>Hóa sinh:</b>  Học phần Hóa sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về dung dịch, cân bằng hóa học; tính chất của các nguyên tố vi lượng, đa lượng, một số chất hữu cơ, các ứng dụng và vai trò của chúng trong y học cấu tạo và chuyển hóa, nồng độ các chất đó trong cơ thể, cơ chế tạo thành cùng quá trình vận chuyển, thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Hóa sinh giúp người học phân tích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi các chất và lựa chọn được các xét nghiệm hóa sinh cơ bản trong một số bệnh lý thường gặp. các chất trong cơ thể người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, báo cáo thảo luận.</p>	2
22.	<p><b>Mô phôi - Giải phẫu bệnh:</b>  Học phần Giải phẫu bệnh - Mô phôi thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo của các mô đại cương và một số mô cơ quan trong cơ thể người ở mức vi thể, siêu vi thể và giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô, từ đó giúp sinh viên học tốt các môn học y học cơ sở và lâm sàng. Bên cạnh đó sinh viên biết được tổn thương cơ bản của tế bào và mô cơ quan trong quá trình bệnh lý cũng như các tổn thương viêm và u bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Từ đó giúp sinh viên nhận biết được các tổn thương giải phẫu bệnh các hệ cơ quan, biết cách lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp tạo tiền đề hỗ trợ cho thăm khám và điều trị bệnh trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, biện luận ca lâm sàng, câu hỏi MCQ.</p>	2
23.	<p><b>Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe</b>  Học phần TCQLYT - Chương trình YT quốc gia - Giáo dục sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học thứ 7 của CTĐT KT Phục hồi chức năng. Học phần trang bị cho người học các kiến thức chung về tổ chức</p>	2

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam, chu trình quản lý y tế cơ bản và tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia đặc biệt tại tuyến Y tế cơ sở. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến các kiến thức kỹ năng về Truyền thông giáo dục sức khỏe. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá người học bằng hình thức tự luận.	
24.	<p><b>Dịch tễ học</b></p> <p>Học phần Dịch tễ học cơ sở thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dịch tễ học, về các tính toán đo lường trong dịch tễ học và nguyên lý, biện pháp giám sát phòng chống dịch; đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản cho người học trong công tác phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQs, viết tự luận, vấn đáp và bảng kiểm.</p>	2
25.	<p><b>Chẩn đoán hình ảnh</b></p> <p>Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng phát hiện được những bất thường có liên quan đến việc điều trị vật lý trị liệu trên hình ảnh học. Những bất thường này có thể liên quan các trường hợp tổn thương cơ xương khớp, thoát vị đĩa đệm và các bệnh về phổi hay lồng ngực. Các phát hiện này sẽ được vận dụng vào việc ra quyết định điều trị Vật lý trị liệu – PHCN thích hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và đọc phim mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm vấn đáp và thi kết thúc học phần MCQ.</p>	2
26.	<p><b>Tính chuyên nghiệp</b></p> <p>Học phần tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Học phần gồm có 3 nhóm nội dung cơ bản nhằm giúp cho người học đạt được mục tiêu thực hành nghề nghiệp chuyên nghiệp sau này. Nhóm nội dung 1 là các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người học thực hiện học tập một cách chủ động, tích cực và suốt đời (thông qua các bài giảng tính chuyên nghiệp trong thực hành y học, tự học tích cực, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, tư duy phản biện,...); Nhóm nội dung 2 là các bài học về tâm lý người bệnh, đạo đức y học; Nhóm nội dung 3 là các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền. Từ đó giúp các cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Phương pháp dạy học chủ yếu là tự học, thảo luận nhóm, thuyết trình ngắn, phân tích tình huống. Phương pháp đánh giá bằng chấm điểm chuyên cần, MCQ, viết nhật ký học tập, tự luận</p>	2
27.	<p><b>Bệnh học nội – ngoại</b></p> <p>Học phần Bệnh học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản mô tả về các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa/ngoại khoa thông thường. Đây là cơ sở giúp người học có thể nhận biết, biện luận giải thích một số kỹ thuật hình ảnh, xét nghiệm đặc hiệu cho các bệnh lý nội khoa thông thường. Đồng thời người học có thể hiểu được một số nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị trong chẩn đoán bệnh lý nội khoa/ngoại khoa giúp người học hiểu được vị trí, vai trò của học phần trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học</p>	2

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, tự học. Phương pháp đánh giá bằng chấm điểm chuyên cần, MCQ, tự luận.	
28.	<p><b>Kiểm soát nhiễm khuẩn:</b></p> <p>Học phần kiểm soát nhiễm khuẩn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (tự chọn), được dạy - học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về vi sinh vật gây bệnh, tương tác giữa vi sinh vật với cơ thể con người, về nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, phòng ngừa chuẩn, kỹ năng phòng ngừa được các bệnh nhiễm quan trọng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo nhóm, cầm tay chỉ việc, tự học. Phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: tự luận, MCQ, Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bằng bảng kiểm.</p>	2
29.	<p><b>Tin học ứng dụng:</b></p> <p>Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (tự chọn), được dạy - học trong các kỳ thuộc năm học thứ 7 của CTĐT. Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây trong tìm kiếm, xử lý thông tin y học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, xử lý và thống kê y học. Phương pháp dạy-học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên máy tính, tự học... Các phương pháp kiểm tra/lượng giá người học bao gồm: đánh giá kết quả người học bởi bảng kiểm, trắc nghiệm MCQ, bài pretest trên eLearning, kỹ năng thực hành trên máy tính.</p>	2
30.	<p><b>Dinh dưỡng tiết chế</b></p> <p>Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, cung cấp cho người học các kiến thức về dinh dưỡng, từ đó giúp sinh viên đưa ra các nhận định trong lượng giá người bệnh, lập kế hoạch điều trị PHCN và tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp. Bên cạnh đó, sinh viên phát huy được tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quá trình học tập. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu case lâm sàng, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm đánh giá chuyên cần, kiểm tra trắc nghiệm, tự luận.</p>	2
31.	<p><b>Giải phẫu chức năng:</b></p> <p>Học phần Giải phẫu chức năng gồm 03 tín chỉ (01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức về giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu case lâm sàng, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm đánh giá chuyên cần, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra viết, lượng giá chạy trạm.</p>	3
32.	<p><b>Sinh cơ học và vận động học</b></p> <p>Học phần Sinh cơ học và vận động học gồm 02 tín chỉ (02 lý thuyết) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Người học sẽ được trang bị kiến thức về sinh cơ học và vận động học của con người. Các phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, thảo luận, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.</p>	2
33.	<p><b>Vận động trị liệu</b></p> <p>Học phần Vận động trị liệu gồm 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Người học sẽ được trang bị kiến thức về vận động trị liệu, các kỹ năng thực hiện các kỹ thuật vận động trị liệu. Các phương pháp dạy học bao</p>	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	gồm thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn theo bảng kiểm, đóng vai, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực hành.	
34.	<p><b>Lượng giá chức năng vận động và thần kinh</b></p> <p>Học phần Lượng giá chức năng vận động và thần kinh gồm 4 tín chỉ (01 lý thuyết, 03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bất buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về lượng giá chức năng vận động và thần kinh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá kỹ năng thực hành lượng giá chức năng bởi bảng kiểm.</p>	4
35.	<p><b>Các phương thức vật lý trị liệu 1</b></p> <p>Học phần Các phương thức vật lý trị liệu 1 gồm 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Người học sẽ được cung cấp kiến thức về các phương pháp vật lý trị liệu cơ bản: nhiệt trị liệu, ánh sáng trị liệu, điện trị liệu, kéo giãn bằng máy, laser, siêu âm trị liệu. Người học sẽ được cung cấp kỹ năng lượng giá người bệnh, kỹ năng thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu trong điều trị một số bệnh lý thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, hướng dẫn, thực hành theo bảng kiểm, thực hành trên người bệnh, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực hành.</p>	3
36.	<p><b>Các phương thức vật lý trị liệu 2</b></p> <p>Học phần/module Các phương thức vật lý trị liệu 2 gồm 03 tín chỉ (01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Người học sẽ được cung cấp kiến thức về các phương pháp vật lý trị liệu: thủy trị liệu, điện trường cao áp, từ trường, ion khí, ion tĩnh điện. Người học sẽ được cung cấp kỹ năng lượng giá người bệnh, kỹ năng thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu trong điều trị một số bệnh lý thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, hướng dẫn, thực hành theo bảng kiểm, thực hành trên người bệnh, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực hành.</p>	3
37.	<p><b>Xoa bóp trị liệu</b></p> <p>Học phần Xoa bóp trị liệu gồm 3 tín chỉ ( 01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bất buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật xoa bóp trị liệu các vùng cơ thể người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá kỹ năng thực hành lượng giá chức năng bởi bảng kiểm.</p>	3
38.	<p><b>Phục hồi chức năng cơ xương khớp</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng cơ xương khớp gồm 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy học ở kỳ học 4 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức về phục hồi chức năng, tư vấn phòng ngừa, giáo dục sức khỏe và các kỹ năng lượng giá chức năng một số bệnh lý cơ xương khớp thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, đóng vai, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực hành.</p>	3
39.	<b>Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng cơ xương khớp</b>	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	<p>Học phần Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng cơ xương khớp gồm 03 tín chỉ (03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kỹ năng về lập kế hoạch và điều trị phục hồi chức năng một số bệnh lý cơ xương khớp thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là hướng dẫn, thực hành, đi buồng, làm việc nhóm, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, bảng kiểm thực hành, lập kế hoạch điều trị.</p>	
40.	<p><b>Phục hồi chức năng thần kinh cơ</b>  Học phần Phục hồi chức năng thần kinh cơ gồm 3 tín chỉ ( 02 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật lượng giá chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho người bệnh thần kinh cơ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá kỹ năng thực hành lượng giá chức năng bởi bảng kiểm.</p>	3
41.	<p><b>Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng thần kinh cơ</b>  Học phần Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng thần kinh cơ gồm 3 tín chỉ ( 03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về xây dựng được kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho người bệnh thần kinh cơ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá kỹ năng thực hành lượng giá chức năng bởi bảng kiểm.</p>	3
42.	<p><b>Hoạt động trị liệu</b>  Học phần Hoạt động trị liệu gồm 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức về hoạt động trị liệu trong phục hồi chức năng và kỹ năng lượng giá người bệnh trong lĩnh vực hoạt động trị liệu. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu trường hợp lâm sàng, hướng dẫn, đóng vai, thực hành, đi buồng, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, phân tích trường hợp lâm sàng, bảng kiểm thực hành.</p>	3
43.	<p><b>Thực tập lâm sàng Hoạt động trị liệu</b>  Học phần Thực tập lâm sàng Hoạt động trị liệu gồm 02 tín chỉ (02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kỹ năng về lập kế hoạch và thực hiện các kỹ thuật hoạt động trị liệu trong phục hồi chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là hướng dẫn, thực hành, đi buồng, làm việc nhóm, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, bảng kiểm thực hành, lập kế hoạch điều trị.</p>	2
44.	<p><b>Ngôn ngữ trị liệu</b>  Học phần/module ngôn ngữ trị liệu 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức về ngôn ngữ trị liệu trong phục hồi chức năng và kỹ năng lượng giá người bệnh trong lĩnh vực ngôn ngữ trị liệu. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực</p>	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
	hành.	
45.	<p><b>Thực tập lâm sàng Ngôn ngữ trị liệu</b></p> <p>Học phần/module thực tập lâm sàng ngôn ngữ trị liệu gồm 02 tín chỉ (02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về thực hành các kỹ thuật điều trị, tập luyện PHCN cho các dạng bệnh lý gây khó khăn về giao tiếp ở người bệnh, lượng giá và lập kế hoạch can thiệp các bệnh lý về ngôn ngữ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, đi buồng, làm việc nhóm, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, bảng kiểm thực hành, lập kế hoạch điều trị.</p>	2
46.	<p><b>PHCN trong nhi khoa</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng trong nhi khoa gồm 3 tín chỉ ( 01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật lượng giá chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong nhi khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá bằng bảng kiểm.</p>	3
47.	<p><b>Thực tập lâm sàng PHCN trong nhi khoa</b></p> <p>Học phần Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng trong nhi khoa gồm 3 tín chỉ (03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về lập kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe trong bệnh lý nhi khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá bằng bảng kiểm.</p>	3
48.	<p><b>Tổ chức và Quản lý đơn vị Phục hồi chức năng</b></p> <p>Học phần Tổ chức và quản lý đơn vị Phục hồi chức năng gồm 03 tín chỉ (01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ sở Phục hồi chức năng, các chế độ tổ chức, quản lý, điều hành đơn vị PHCN và chức trách của bác sĩ, cử nhân kỹ thuật viên, điều dưỡng PHCN, các cách thức giải quyết vấn đề, tổ chức cuộc họp, tham gia tập huấn, hoạt động nhóm phục hồi chức năng đa chuyên ngành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra tự luận, viết báo cáo.</p>	3
49.	<p><b>Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1 gồm 03 tín chỉ (01 lý thuyết, 02 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức về chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, phân loại khuyết tật, phân tích nhu cầu khuyết tật tại địa phương và triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại địa phương. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra tự luận, viết báo cáo.</p>	3

TT	Mô tả học phần	Số tín chỉ
50.	<p><b>Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2 gồm 03 tín chỉ (03 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kỹ năng phân tích nhu cầu phục hồi chức năng của người khuyết tật, tổ chức thực hiện các chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại địa phương và thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho các nhóm khuyết tật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là hướng dẫn, thảo luận nhóm, thực hành tại cộng đồng, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, viết báo cáo, lập kế hoạch.</p>	3
51.	<p><b>Phục hồi chức năng tim mạch - hô hấp</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng tim mạch – hô hấp gồm 2 tín chỉ ( 01 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 8 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật lượng giá chức năng, lập kế hoạch can thiệp, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho người bệnh tim mạch – hô hấp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá bằng bảng kiểm.</p>	2
52.	<p><b>Y học cổ truyền</b></p> <p>Học phần Y học cổ truyền thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong học kỳ 8 của CTĐT KT PHCN trình độ ĐH. Học phần này sẽ cung cấp cho người kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền trong châm cứu, xoa bóp, thuốc để chữa bệnh và phòng bệnh một số chứng bệnh thường gặp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành trên bệnh nhân... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra tự luận, MCQ, bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.</p>	2
53.	<p><b>Dụng cụ trợ giúp trong PHCN</b></p> <p>Học phần Dụng cụ trợ giúp trong phục hồi chức năng gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 8 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức về dụng cụ trợ giúp trong phục hồi chức năng, dụng cụ chính trực các trường hợp chấn thương chỉnh hình, chân tay giả và được trang bị các kĩ năng về cách sử dụng dụng cụ. Các phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn theo bảng kiểm, thực tập, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, bảng kiểm thực hành.</p>	2
54.	<p><b>Phục hồi chức năng da - tiết niệu - sinh dục</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng da - tiết niệu - sinh dục gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Người học sẽ được trang bị kiến thức phục hồi chức năng các dạng bệnh lý thường gặp về da, tiết niệu, sinh dục. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, thực hành trên bệnh nhân, tự học. Các phương pháp đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, đánh giá bằng bảng kiểm.</p>	2
55.	<p><b>Phục hồi chức năng Chấn thương</b></p> <p>Học phần Phục hồi chức năng chấn thương gồm 2 tín chỉ (01 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng Tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 8 thuộc CTĐT. Người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật lượng giá chức năng, lập kế hoạch phục hồi chức năng, tư vấn phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho người bệnh chấn thương . Các phương pháp dạy -</p>	2

### XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

#### 1. Đội ngũ giảng viên

##### 1.1. Giảng viên cơ hữu mở và duy trì ngành đào tạo theo:

1) Tiến sĩ Nguyễn Phương Sinh (sinh năm 1973), chuyên ngành Phục hồi chức năng năm 2013- đơn vị: Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Các chuyên khoa, giảng viên cơ hữu từ năm 1997.

2) Đàm Thị Bảo Hoa (sinh năm 1970): Tiến sĩ chuyên ngành Y học năm 2014, đơn vị: Bộ môn Sức khỏe tâm thần, đơn vị: Khoa Các chuyên khoa, giảng viên cơ hữu từ năm 1995.

3) PGS.TS. Trần Văn Tuấn (sinh năm 1967): Tiến sĩ chuyên ngành Thần kinh năm 2007, Phó Giáo sư ngành Y học năm 2014, đơn vị: Khoa Các chuyên khoa, Bộ môn Thần kinh giảng viên cơ hữu từ năm 1997.

4) TS. Hoàng Thu Soan (sinh năm 1977): Tiến sĩ chuyên ngành Sinh lý năm 2018; đơn vị: Khoa Y học cơ sở, Bộ môn sinh lý học; giảng viên cơ hữu từ năm 2002.

5) TS. Nguyễn Thị Tố Uyên (sinh năm 1975): Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng năm 2014; đơn vị: Khoa Y tế công cộng, Bộ môn Y học cộng đồng; giảng viên cơ hữu từ năm 2000.

##### 1.2. Giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường có 68 giảng viên cơ hữu và hơn 30 giảng viên thỉnh giảng đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức thực hiện CTĐT theo đúng quy định.

#### 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nhà trường có 03 phòng học lớn trên 200 chỗ, 68 phòng học nhỏ từ 50-100 chỗ; có đầy đủ phòng thực tập, phòng thí nghiệm; trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành Kỹ thuật PHCN như: máy kéo dẫn cột sống lưng cổ, máy ép trị liệu chứng suy dẫn mạch máu, thiết bị điều trị phục hồi chức năng sử dụng năng lượng sóng cơ học (máy siêu âm, máy tạo sóng xung kích), máy vật lý điều trị sóng ngắn, máy hỗ trợ xung điện, máy điện phân, máy mát xa, máy điện châm, đèn hồng ngoại, đèn tử ngoại, máy chiếu tia laser, các thiết bị luyện tập vật lý trị liệu phục hồi chức năng...; Thư viện của Trường và Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên với 4365 m<sup>2</sup> có đầy đủ sách, tạp chí phục vụ đào tạo; diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy là 5,6 m<sup>2</sup>.

#### 3. Bệnh viện thực hành

Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên và Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên là bệnh viện thực hành chính của CTĐT ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 4/2024

XV. Thành phần phê duyệt



Hiệu trưởng

Chủ tịch Hội đồng Khoa

Tổ trưởng xây dựng

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

PGS.TS. Trần Văn Tuấn

TS. Nguyễn Phương Sinh



Số: 05 /NQ-HĐTTĐHYD

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2023



**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc mở các ngành đào tạo**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-HĐĐHĐHTN ngày 07/8/2020 của Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Công văn số 548/ĐHYD-ĐT ngày 08/5/2023 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc mở ngành đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 08/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên nhiệm kỳ 2020-2025.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương mở các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, cụ thể:

Trình độ đào tạo	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
Đại học	1. Kỹ thuật hình ảnh y học	7 72 06 02
	2. Kỹ thuật phục hồi chức năng	7 72 06 03
Bác sĩ nội trú	3. Hóa sinh y học	NT 62 72 04 01
	4. Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01
	5. Da liễu	NT 62 72 35 01
Chuyên khoa I	6. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	CK 60 72 38
Chuyên khoa II	7. Tâm thần	CK 62 72 22 45

**Điều 2.** Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy (để b/cáo);
- Hiệu trưởng Trường ĐHYD (để t/hiện);
- Lưu: VT, HĐT *khuy*

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**  
  
**TS. Nguyễn Đắc Trung**

## THÔNG BÁO

### Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên tại phiên họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2022-2027

Ngày 08/5/2024, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nhiệm kỳ 2022-2027 đã họp để giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2024 của ĐHTN; xem xét chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của các trường đại học thành viên và Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang (sau đây gọi là các đơn vị); phương án xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ chung của ĐHTN và định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN giai đoạn 2025-2030. Chủ trì cuộc họp: PGS.TS. Hoàng Văn Hùng, Giám đốc ĐHTN - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN.

Tại phiên họp, Ban Thư ký Hội đồng đã báo cáo danh sách ứng viên đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN; báo cáo danh sách xin chủ trương mở ngành đào tạo mới của các đơn vị; báo cáo thực trạng và giải pháp xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ chung và định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN. Sau khi nghe các ý kiến trao đổi và thảo luận, Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN kết luận một số nội dung sau:

#### 1. Về thành lập Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN năm 2024

Trên cơ sở giới thiệu của các thành viên Hội đồng KH&ĐT và công bố công khai danh sách các ứng viên đủ điều kiện, Giám đốc ĐHTN ra Quyết định thành lập Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN năm 2024 gồm 15 thành viên và báo cáo Hội đồng Giáo sư nhà nước theo quy định. Hội đồng Giáo sư cơ sở hoạt động theo hướng dẫn của Hội đồng Giáo sư nhà nước và các quy định liên quan khác.

#### 2. Về chủ trương mở ngành đào tạo mới của các đơn vị

Hội đồng KH&ĐT ĐHTN đồng ý với chủ trương mở mới 07 ngành đào tạo của các đơn vị, cụ thể như sau:

- Trường Đại học Nông Lâm: Ngành Kinh tế thể thao (trình độ đại học, ngành thí điểm).

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: Ngành Công nghệ cơ điện tử ô tô (trình độ đại học, ngành thí điểm).

- Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông: Ngành Quản lý công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ, mã số 8480204); Ngành Hệ thống thông tin quản lý (trình độ tiến sĩ, mã số 9340405).

- Trường Đại học Y - Dược: Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học (trình độ đại học, mã số 7720602); Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng (trình độ đại học, mã số 7720603).

- Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Hà Giang: Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (trình độ đại học, mã số 7220204).



Đối với đề xuất mở Ngành Quản trị kinh doanh (trình độ đại học, mã số 7340101) và Ngành Ngôn ngữ Anh (trình độ đại học, mã số 7220201) của Trường Đại học Nông Lâm, Hội đồng KH&ĐT ĐHTN giao Giám đốc ĐHTN báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHTN về việc mở ngành có sự trùng lặp giữa các đơn vị thành viên trong ĐHTN.

Các đơn vị xây dựng Đề án mở ngành đào tạo cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc ĐHTN Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN. Ngoài ra, đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ được quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

### 3. Về xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ chung

- ĐHTN triển khai xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ chung của ĐHTN, áp dụng thí điểm đối với một số đơn vị thành viên đảm bảo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thành lập nhóm chuyên gia của ĐHTN để xây dựng khối kiến thức ngoại ngữ chung, trước hết là khối kiến thức tiếng Anh. Nhóm chuyên gia có trách nhiệm tham khảo các sản phẩm của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân để hoàn thiện khung chương trình, chương trình chi tiết và các tài liệu giảng dạy.

### 4. Về định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ giai đoạn 2025-2030

- Thống nhất chủ trương xây dựng và ban hành định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN giai đoạn 2025-2030.

- Định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ được xây dựng trên quan điểm chú trọng nâng cao năng lực và phát triển đội ngũ; phát huy tiềm năng, thế mạnh của ĐHTN, gắn với chiến lược phát triển quốc gia và chiến lược phát triển vùng. Các hướng nghiên cứu phải có tính liên ngành và xuyên ngành, trong đó tập trung phát triển hướng nghiên cứu theo các lĩnh vực như: khoa học giáo dục và nhân văn; kinh tế - xã hội; y - dược; nông - lâm nghiệp; tài nguyên - môi trường; công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ thuật - công nghệ; khoa học cơ bản.

Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN ban hành thông báo Kết luận này để các đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐ ĐHTN (để b/c);
- Hội đồng KH&ĐT ĐHTN;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Các trường đại học, cao đẳng (để t/h);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT&QLNH, KHCN&ĐN.

TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG BAN BAN ĐÀO TẠO VÀ  
QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC



PGS.TS. Nguyễn Danh Nam



**BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**  
Về việc thẩm định Đề án mở ngành đào tạo

Tên ngành: Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Mã số: 7720603

Trình độ đào tạo: đại học

Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KHG&ĐT) Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (theo Quyết định số 1599/QĐ-ĐHYD ngày 06/8/2021; cập nhật số 2168/QĐ-ĐHYD ngày 12/12/2022 và số 2986/QĐ-ĐHYD ngày 30/12/202), cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng Thường trực HĐ
2	TS. Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng Thường trực HĐ
3	TS. Nguyễn Kiều Giang	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	PGS. TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng khoa CCK	Thường trực HĐ
5	TS. Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Thư ký Hội đồng Thường trực HĐ
6	TS. Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thư ký Hội đồng Thường trực HĐ
7	PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Giám đốc BV Trường	Thường trực HĐ
8	TS. Bùi Thanh Thủy	Trưởng phòng TC-HC	Thường trực HĐ
9	TS. Nguyễn Đắc Trung	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên
10	TS. Vũ Thị Hồng Anh	Phó Giám đốc BV Trường	Ủy viên
11	TS. Hà Xuân Sơn	Trưởng phòng TTrKT&ĐBCLGD	Ủy viên
12	TS. Trần Chiến	Trưởng bộ môn Ngoại	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Thị Hồng	Trưởng bộ môn Phụ Sản	Ủy viên



*Handwritten signature in blue ink.*

14	TS. Nguyễn Thị Xuân Hương	Trưởng bộ môn Nhi	Ủy viên
15	PGS.TS. Lê Thị Thu Hằng	Trưởng khoa RHM	Ủy viên
16	TS. Đồng Thị Hoàng Yến	Trưởng khoa Dược	Ủy viên
17	PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Phó trưởng khoa YTCC	Ủy viên
18	TS. Nguyễn Thu Hiền	Trưởng khoa KHCB	Ủy viên
19	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng khoa Y học cơ sở	Ủy viên
20	TS. Nông Phương Mai	Trưởng khoa Điều dưỡng	Ủy viên
21	GS.TS. Nguyễn Văn Sơn	Giảng viên cao cấp bộ môn Nhi	Ủy viên
22	PGS.TS. Hoàng Hà	Giảng viên cao cấp bộ môn Lao	Ủy viên
23	PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn	Giảng viên cao cấp bộ môn Giải phẫu	Ủy viên
24	PGS.TS. Nguyễn Quý Thái	Giảng viên cao cấp bộ môn Da liễu	Ủy viên
25	PGS.TS. Đàm Thị Tuyết	Giảng viên cao cấp bộ môn YXHH	Ủy viên

Có mặt 22 thành viên: PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Nguyễn Phương Sinh, PGS. TS. Trần Văn Tuấn, TS. Nguyễn Quang Mạnh, TS. Nguyễn Thị Phương Lan, PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu, TS. Bùi Thanh Thủy, TS. Vũ Thị Hồng Anh, TS. Hà Xuân Sơn, TS. Trần Chiến, TS. Nguyễn Thị Hồng, TS. Đồng Thị Hoàng Yến, TS. Đồng Thị Hoàng Yến, PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, TS. Nguyễn Thu Hiền, TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà, TS. Nông Phương Mai, PGS.TS. Hoàng Hà, PGS.TS. Nguyễn Quý Thái, PGS.TS. Đàm Thị Tuyết.

Vắng mặt 05 thành viên: TS. Nguyễn Kiều Giang, TS. Nguyễn Đắc Trung, PGS.TS. Lê Thị Thu Hằng, GS.TS. Nguyễn Văn Sơn, PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn.

Thời gian họp (03 phiên):

- Phiên họp 1 từ 15h00 đến 17h30 ngày 03/4/2024.
- Phiên họp 2 từ 8h30 đến 17h30 ngày 04/4/2024.
- Phiên họp 3 từ 15h00 đến 17h30 ngày 05/4/2024.

Địa điểm: Phòng họp 8.3 Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Chủ trì: PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký: TS. Nguyễn Quang Mạnh

## 1. NỘI DUNG LÀM VIỆC

### 1.1. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng Chủ tịch HĐKH&ĐT phát biểu chỉ đạo: nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc thẩm định đề án mở ngành đào tạo, thống nhất nguyên tắc và phương pháp làm việc của Hội đồng KH&ĐT, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng và các thành viên hội đồng.

### 1.2. Ủy viên thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo

TS. Nguyễn Quang Mạnh Ủy viên thường trực báo cáo tóm tắt các nội dung như sau:

- Các nội dung đã thực hiện trong Đề án mở ngành.
- Mục đích và cách thức tiến hành thẩm định Đề án mở ngành;

Sau khi bàn bàn Hội đồng thống nhất chia làm 06 Tổ thẩm định độc lập các nội dung của Đề án, cụ thể như sau:

TT	Nội dung thẩm định	Thành viên Hội đồng KH&ĐT tham gia Tổ thẩm định	Trách nhiệm
1.	Điều kiện, chủ trương và sự cần thiết mở ngành đào tạo	1. TS. Nguyễn Phương Sinh	Tổ trưởng
		2. TS. Vũ Thị Hồng Anh	Ủy viên - Thư ký
		3. PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Ủy viên
		4. TS. Nguyễn Thu Hiền	Ủy viên
2.	Điều kiện về Chương trình đào tạo	1. TS. Nguyễn Quang Mạnh	Tổ trưởng
		2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên - Thư ký
		3. TS. Nguyễn Thị Hồng	Ủy viên
		4. PGS.TS Nguyễn Quý Thái	Ủy viên
3.	Điều kiện về Đội ngũ giảng viên cán bộ khoa học	1. PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Tổ trưởng
		2. TS. Bùi Thanh Thủy	Ủy viên, thư ký
		3. TS. Nguyễn Thị Phương Lan	Ủy viên
		4. PGS.TS. Hoàng Hà	Ủy viên
4.	Điều kiện về Cơ sở vật chất, tài liệu dạy - học và sẵn sàng dạy học trực tuyến	1. TS. Trần Văn Tuấn	Tổ trưởng
		2. TS. Hà Xuân Sơn	Ủy viên, thư ký
		3. TS. Trần Chiến	Ủy viên
		4. TS. Đồng Thị Hoàng Yến	Ủy viên
5.	Điều kiện về Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	1. PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
		2. TS Nguyễn Quang Mạnh	Ủy viên - Thư ký
		3. TS. Nông Phương Mai	Ủy viên

6.	Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa rủi ro trong mở ngành đào tạo	1. PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Tổ trưởng
		2. TS. Nguyễn Quang Mạnh	Ủy viên, thư ký
		3. PGS. TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Ủy viên
		4. PGS.TS. Đàm Thị Tuyết	Ủy viên

### 1.3. Tổ thẩm định lần lượt báo cáo các nội dung được phân công

1. TS. Nguyễn Phương Sinh báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện, chủ trương và sự cần thiết mở ngành đào tạo.

- Về điều kiện: đủ các điều kiện mở mã ngành Kỹ thuật PHCN trình độ Đại học
- Về sự cần thiết mở ngành đào tạo: rất cần thiết để mở mã ngành,
- Tuy nhiên, đề nghị bổ sung Tờ trình của ĐHTN ngay khi có nghị quyết của HĐ Trường. Một số hoạt động mở mã ngành trước ngày đồng ý ra chủ trương của ĐHTN (10/5/2024). Đề nghị ĐHTN ra QĐ mở mã ngành. Bổ sung thêm một số cuộc họp với các bên liên quan cho đa dạng và đủ lớn.

2. TS. Nguyễn Quang Mạnh báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

- Về mục tiêu, chuẩn đầu ra phù hợp với Sứ mạng Tầm nhìn của Trường, phù hợp với Khung trình độ Quốc gia, Luật giáo dục Đào tạo
- Về chương trình dạy học được thiết kế Logic về hợp với Thông tư 1/2021. Quy định chuẩn CTĐT của Bộ GD&ĐT
- Khi xây dựng CTĐT đã tham khảo đầy đủ các CTĐT tiên tiến trong nước
- Tuy nhiên, một số học phần thuộc CTĐT cần chỉnh sửa bổ sung như góp ý

3. TS. Bùi Thanh Thủy báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định:

- Về đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu chuẩn CTĐT
- Về cán bộ khoa học hoàn toàn đáp ứng theo quy định

4. PGS. TS. Trần Văn Tuấn báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, tài liệu dạy - học và sẵn sàng dạy học trực tuyến mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học

- Về cơ sở vật chất cơ bản đã đáp ứng, tuy nhiên thống kê chưa đầy đủ các phòng thực tập, chưa ghi chú rõ vị trí thiết bị. Phần báo cáo chưa mô tả đầy đủ và chưa thu thập đủ minh chứng.
- Về tài liệu dạy-học cơ bản đã đáp ứng, tuy nhiên chưa thống kê đầy đủ danh mục tài liệu dạy-học.
- Chương trình đã sẵn sàng dạy học trực tuyến.

5. PGS. TS. Trần Văn Tuấn báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.



- Về tổ chức bộ máy quản lý mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng cho thấy Đề án đã có đầy đủ 3 Nội dung cần thiết như Quyết định giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân quản lý ngành đào tạo; Quyết định giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân xây dựng, phát triển và quản lý học phần thuộc CTĐT; Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

- Tuy nhiên, trong từng nội dung, còn có 1 số điểm và lỗi chính tả cần chỉnh sửa. Nhóm đã chỉnh sửa trực tiếp vào trong đề án.

6. TS. Nguyễn Quang Mạnh báo cáo tóm tắt nội dung:

- Về các rủi ro trong mở ngành đào tạo
- Các phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa rủi ro trong mở ngành đào tạo.

#### **1.4. Ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo**

##### **1.4.1. PGS. TS. Hoàng Hà**

Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là hoạt động cần thiết phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường và nhu cầu xã hội căn cứ vào sự đầy đủ và sẵn có các điều kiện về đội ngũ, về cơ sở vật chất, về chương trình đào tạo, về các minh chứng liên quan đề án.

Về đội ngũ giảng viên đủ theo quy định.

Cơ sở vật chất đã đáp ứng đủ theo quy định.

Chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã có theo đúng quy định

Bổ sung thông tin về khoa học của cô Nguyễn Phương Sinh

Phòng Đào tạo và Bộ môn thống nhất lại danh sách minh chứng hồ sơ giảng viên thỉnh giảng Phòng đào tạo kiểm tra và nhất quán lý lịch khoa học và các minh chứng theo lý lịch khoa học của cán bộ, đặc biệt 05 cán bộ đứng tên mở mã.

##### **1.4.2. PGS.TS. Trần Văn Tuấn**

Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật PHCN là phù hợp với nhu cầu của xã hội của địa phương. Bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các Bộ, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà Trường

Về đội ngũ giảng viên: Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo. Tuy nhiên cần nêu cụ thể số lượng, trình độ thống nhất trong báo cáo.

Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Cần bổ sung số lượng các phòng học, phòng thực hành vào bản báo cáo. Bổ sung sách, giáo trình phục vụ giảng dạy cho mã ngành PHCN.

Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã đáp ứng theo qui định.

Các nội dung khác: cần bổ sung các quyết định thành lập hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo Kỹ thuật PHCN.

### **1.4.3. TS. Bùi Thanh Thủy**

Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là cần thiết phù hợp chiến lược phát triển của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và thực tế nhu cầu xã hội. Trên cơ sở đầy đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo...việc mở ngành là cần thiết và có tính khả thi cao.

Về đội ngũ giảng viên: cơ bản đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo. Tuy nhiên cần cập nhật lý lịch khoa học, đặc biệt các nghiên cứu trong 5 năm gần đây của TS Nguyễn Phương Sinh, là người đứng mở mã, cụ thể hơn kế hoạch bổ sung thêm đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên chuyên ngành, cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ.

Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tại trường, bệnh viện trường và các bệnh viện là cơ sở thực hành của trường, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã có theo đúng quy định

Các nội dung khác: rà soát và xác định chính xác thông tin đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, nên bổ sung giảng viên thỉnh giảng là KTV trình độ đại học.

#### **1.4.4. PGS.TS. Hoàng Hà**

Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là hoạt động cần thiết phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường và nhu cầu xã hội, căn cứ vào sự đầy đủ và sẵn có các điều kiện về đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất, về chương trình đào tạo, về các minh chứng liên quan đề án.

Chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã có theo đúng quy định

Các nội dung khác:

- + Bổ sung thông tin về khoa học của cô Nguyễn Phương Sinh
- + Phòng Đào tạo và Bộ môn thống nhất lại danh sách minh chứng hồ sơ giảng viên thỉnh giảng Phòng đào tạo kiểm tra và nhất quán lý lịch khoa học và các minh chứng theo lý lịch khoa học của cán bộ, đặc biệt 05 cán bộ đứng tên mở mã.

Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là cần thiết phù hợp chiến lược phát triển của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và thực tế nhu cầu xã hội. Trên cơ sở đầy đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo... việc mở ngành là cần thiết và có tính khả thi cao.

Về đội ngũ giảng viên cơ bản đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo. Tuy nhiên cần cập nhật lý lịch khoa học, đặc biệt các nghiên cứu trong 5 năm gần đây của TS Nguyễn Phương Sinh, là người đứng mở mã, cụ thể hơn kế hoạch bổ sung thêm đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên chuyên ngành, cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ.

Đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tại trường, bệnh viện trường và các bệnh viện là cơ sở thực hành của trường, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã có theo đúng quy định

**Các nội dung khác:**

Rà soát và xác định chính xác thông tin đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, nên bổ sung giảng viên thỉnh giảng là KTV trình độ đại học.

#### **1.5. Ý kiến giải trình của Tổ soạn thảo Đề án mở ngành**

1. Tổ soạn thảo tiếp thu các ý kiến và xem xét chỉnh sửa đề án theo ý kiến kết luận của Hội đồng.
2. Sau khi chỉnh sửa đề án, Tổ soạn thảo có báo cáo giải trình, đánh giá các nội dung của đề án đã đáp ứng các điều kiện mở ngành hay chưa?

## **2. KẾT LUẬN**

### **2.1. Đánh giá chung**

Đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng đã đáp ứng các yêu cầu mở ngành theo quy định.

Hội đồng nhất trí thông qua chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học

### **2.2. Kết luận các nội dung Đề án mở ngành**

#### **2.2.1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở**

Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

#### **2.2.2. Về đội ngũ giảng viên**

Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đại học

#### **2.2.3. Về cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực sức khỏe.

#### **2.2.4. Về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực sức khỏe và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

#### **2.2.5. Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan**

Cấu trúc của đề án và các minh chứng liên quan đúng theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### **2.2.6. Các nội dung khác**

Chỉnh sửa lỗi chính tả, đánh máy.

Hoàn chỉnh đề án và thực hiện công khai đề án theo quy định.

### 2.3. Kết luận chung

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có đủ điều kiện để được mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng theo quy định hiện hành.

Hội đồng nhất trí thông qua chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

Tổ soạn thảo chỉnh sửa Đề án theo ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và có giải trình bằng văn bản các nội dung đã chỉnh sửa.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và Đại học Thái Nguyên xem xét thông qua và ra quyết định cho phép Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên được đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị nhau. Bộ GD&ĐT lưu 01 bản; Bộ Y tế 01 bản; Đại học Thái Nguyên 01 bản; Trường Đại học Y - Dược 01 bản.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17h00 ngày 05 tháng 4 năm 2024./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Nguyễn Quang Mạnh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Phương Sinh

Số: 3604/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thành lập Ban xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo  
Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ Đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2531/QĐ-ĐHTN ngày 02/12/2022 của Đại học Thái Nguyên ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 9/6/2023 của Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐTTĐHYD ngày 15/5/2023 của Hội đồng Trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về phê duyệt chủ trương mở các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Hành chính-Tổ chức và Trường phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ Đại học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, gồm các ông bà có tên như sau:

(Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban làm việc theo kế hoạch dưới sự điều hành của Trưởng ban và giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Trường các phòng, khoa, bộ môn, đơn vị liên quan và các ông bà có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HC-TC

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**Y-DƯỢC**  
PGS. TS Nguyễn Tiên Dũng

## DANH SÁCH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH

Số: 3604 /QĐ-ĐHYD, ngày 29 tháng 1 năm 2023

### I. BAN XÂY DỰNG

1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thái	Phó trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên TT
4	Bà Bùi Thanh Thủy	Trưởng phòng HC - TC	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng phòng QT - PV	Ủy viên
7	Ông Phạm Tuấn Vũ	Phó trưởng phòng TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên
8	Ông Trần Văn Tuấn	Trưởng khoa Các chuyên khoa Trưởng phòng KH - TC	Ủy viên
9	Ông Trịnh Minh Phong	Phó trưởng bộ môn PHCN	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Việt Dũng	Bệnh viện Phục hồi chức năng (Mời)	Ủy viên
11	Bà Phạm Thị Nga	Kế toán trưởng	Ủy viên

### II. TỔ THƯ KÝ

1	Bà Nguyễn Thị Thu Thái	Phó trưởng phòng Đào tạo	Tổ trưởng
2	Ông Trịnh Minh Phong	Phó trưởng bộ môn PHCN	Tổ phó
3	Bà Vũ Thị Tâm	Bộ môn PHCN	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thư	Bộ môn PHCN	Thành viên
5	Bà Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn PHCN	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thùy Trang	Bộ môn PHCN	Thành viên
7	Bà Hoàng Thị Minh Tuyền	Khoa Các chuyên khoa	Thành viên
8	Bà Ngô Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo	Thành viên



Số: 3583 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo  
ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Hành chính-Tổ chức và Trường phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ đại học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, gồm các ông bà có tên như sau:

(Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Tổ làm việc theo kế hoạch dưới sự điều hành của Tổ trưởng và giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Trường các phòng, khoa, bộ môn, đơn vị liên quan và các ông bà có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HC-TC



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS Nguyễn Tiên Dũng**



## DANH SÁCH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH

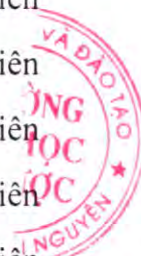
Số: 3893 /QĐ-ĐHYD, ngày 29 tháng 12 năm 2023

### I. TỔ XÂY DỰNG

1	Bà Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng
2	Bà Nguyễn Thị Thu Thái	Phó trưởng phòng Đào tạo	Tổ phó
3	Ông Trịnh Minh Phong	Phó trưởng bộ môn PHCN	Thành viên
4	Ông Phạm Tuấn Vũ	Phó trưởng phòng TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thu Hiền	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Tố Uyên	Trưởng khoa YTCC	Thành viên
7	Bà Hoàng Thu Soan	Phó trưởng khoa YHCS	Thành viên
8	Ông Trần Chiến	Trưởng bộ môn Ngoại	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Nga	Bộ môn Sản	Thành viên
10	Bà Lê Thị Thu Hiền	Bộ môn Nội	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Phượng	Bộ môn Nhi	Thành viên
12	Ông Hoàng Văn Thắng	Phó trưởng bộ môn YHCT	Thành viên
13	Bà Vũ Thị Tâm	Bộ môn PHCN	Thành viên
14	Bà Nguyễn Thị Thanh Thu	Bộ môn PHCN	Thành viên
15	Bà Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn PHCN	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thùy Trang	Bộ môn PHCN	Thành viên

### II. TỔ THU KÝ

1	Bà Ngô Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo	Tổ trưởng
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thu	Bộ môn PHCN	Thành viên
3	Bà Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn PHCN	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thùy Trang	Bộ môn PHCN	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Minh Tuyền	Khoa Các chuyên khoa	Thành viên



Số: 546/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định  
Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học, gồm các Ông (Bà) có tên sau:

(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng làm việc dưới sự điều hành của chủ tịch Hội đồng và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các Phòng chức năng, các Khoa, Bộ môn có liên quan và các Ông (Bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT, MC. *llh*



**HIỆU TRƯỞNG**

*llh*  
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG

(kèm theo quyết định số 546 /QĐ-ĐHYD ngày 10 tháng 04 năm 2024)

Danh sách Hội đồng	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1. GS.TS. Cao Minh Châu	Trường Đại học Phenikaa	Chủ tịch Hội đồng
2. TS. Vũ Thị Hồng Anh	Trường ĐHY – Dược Thái Nguyên	Ủy viên thư ký
3. TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	Trường ĐHKTYT Hải Dương	Phản biện 1
4. TS. Bùi Thị Quỳnh Nhung	Trường ĐHY – Dược Thái Nguyên	Phản biện 2
5. PGS.TS. Đặng Văn Thành	Trường ĐHY – Dược Thái Nguyên	Ủy viên
6. TS. Nguyễn Thị Xuân Hương	Trường ĐHY – Dược Thái Nguyên	Ủy viên
7. TS. Nguyễn Việt Dũng	Bệnh viện PHCN Thái Nguyên	Ủy viên



Thái Nguyên, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**I. Hành chính**

- Thời gian: ...<sup>h</sup>...<sup>h</sup> Ngày 15/4/2024.....
- Địa điểm: PH.33 Nhà A4, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Thành phần: Theo quyết định số 546/QĐ-ĐHYD ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên.

STT	Họ và tên, học vị, chức danh	Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1.	GS.TS Cao Minh Châu	Trường Đại học Phenikaa	CTHD
2.	TS Vũ Thị Hồng Anh	Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN	Ủy viên Thư ký
3.	TS Phạm Thị Cẩm Hưng	Trường ĐHKTYT Hải Dương	Phản biện
4.	TS Bùi Thị Quỳnh Nhung	Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN	Phản biện
5.	PGS.TS. Đặng Văn Thành	Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN	Ủy viên
6.	TS. Nguyễn Thị Xuân Hương	Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN	Ủy viên
7.	TS. Nguyễn Việt Dũng	Bệnh viện PHCN Thái Nguyên	Ủy viên

- Thành viên vắng mặt (Ghi rõ họ tên, chức danh và lý do vắng mặt):

..... không .....

**II. Nội dung**

**Thẩm định bản mô tả chương trình đào tạo ngành .....**

- TS. Nguyễn Thị Lưu Thái (lò xây dựng CTĐT) báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng Chương trình đào tạo và bản mô tả CTĐT ngành kỹ thuật Phục hồi chức năng - trị liệu, cơ sở nhân
- Câu ý kiến góp ý của Hội đồng:
  - TS. Phạm Thị Cẩm Hưng:
    - Cơ sở xây dựng: Không khác sát như cấu hiện tại.

- Mục tiêu: phù hợp
  - Chuẩn đầu ra: Bồi dưỡng, cần xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng.
  - + Cần xác định cụ thể phạm vi của kỹ thuật phục hồi chức năng: tập trung vào lĩnh vực nào của PHEV. (Hoạt động tự liệu, ngôn ngữ tự liệu, vận động tự liệu).
  - Khung chương trình: nên đối sánh với trường ĐH Y D HEPV.
  - + Giảm bớt khối lượng kiến thức cơ sở ngành.
  - + Một số học phần cơ sở ngành nên bỏ hoặc lồng ghép vào học phần khác: ví dụ sinh lý ghép vào Dịch tễ.
  - + Sắp xếp lại trật tự các lĩnh vực chuyên ngành cho phù hợp.
  - + Vận động tự liệu xếp sau lĩnh vực chức năng, lý luận giải, hồi bệnh cần học trước.
  - + Cần chú trọng, tăng thêm hình thức làm song để phân biệt với trình độ cao đẳng.
  - + Không nên bỏ tư duy học phần y học cơ bản.
  - + Phân bổ lại số học phần cho các kỹ thuật, kỹ & bổ trợ quốc ngữ.
  - + Bổ sung thêm các tương chung về chuyên ngành; học phần liên chuyên ngành.
  - Chưa có đề cương chi tiết nên không đạt giới mức độ đáp ứng để đạt chuẩn đầu ra.
  - Cần đối sánh và định hướng liên thông lên bậc học cao hơn: CKI, Thạc sĩ.
  - Chương trình nên tập trung vào "Vật lý trị liệu".
  - Đội ngũ giảng viên: Cần có cơ chế bồi dưỡng chuyên ngành phục hồi chức năng; tăng cường đội ngũ giảng viên thính giảng về các môn giảng dạy kỹ thuật.
  - Thiết lập thông qua sau khi sửa chữa theo ý kiến hội đồng.
- ② GS Cao Minh Châu;
- Trường ĐH Y D, ĐH Thái Nguyên tạo tạo các bộ cho vùng đồng bằng, nhất là PHEV hiện tại thiếu, nên rất cần thiết mở ngành.

- Đối sánh: căn cứ sánh đương thời với các trường có kinh nghiệm trong đào tạo "Kỹ thuật Phục hồi chức năng"
- Bên chương trình: sao cho thể hiện được tập trung về "Vật lý trị liệu"
- + Bổ sung: căn cấp nhất, bổ sung nội dung môn "Trị liệu nhân tạo"; "Trắc nghiệm nghề nghiệp" "Quản trị học"; "Thuyết trình tiếng Anh" để hòa nhập với thị trường
- + Tăng cường hướng thực hành
- + Tăng bộ tư đồ chữ: Day-học online "mặt nạ học phân đại cường"
- + Bổ sung các học phần tự chọn, thuộc chương trình đào tạo ở bậc cao hơn "Thạc sĩ", để có thể công nhận cho sinh viên ngay ở bậc đại học
- + Nên tham khảo các chương trình ở trường có kinh nghiệm đào tạo về Phục hồi chức năng
- + Đại diện giảng viên: chọn kỹ thuật viên giảng dạy KTV
- Cơ sở vật chất, phòng thực hành: cần bổ sung các phòng thực hành tiền lâm sàng.

③ Về khâu tài chính nhưng:

- Sửa ngay ĐD, tài gọi nhà trường
- Đảm bảo thông nhất về số, tên chi của CĐT
- CĐT 1: Bộ "phra học chính trị"
- + Bộ CĐT số 3
- + Gộp CĐT số 4, 5
- + Viết lại CĐT số 6
- + Sửa CĐT số 8 thành "giáo tiếp hiệu quả"
- + Tách CĐT số 10 thành 2
- + Viết tách CĐT số 6 theo chức năng nghề nghiệp
- Ma trận tương quan CĐT - Môn học: Rà soát đầu đầu, cho phù hợp
- Khung CĐT: tính lại tỉ lệ % các khóa kiến thức
- + Nội dung sơ đồ chi: Bộ môn; học học;
- + Bên học: nên để thành môn và dạy
- Rà soát lại mức độ đóng góp của các học phần vào CĐT: đảm bảo chính xác
- Phương pháp dạy học: bổ sung phương pháp dạy học bằng băng kiểm, dạy học dựa trên tình huống

- Đánh giá: Ra soát lại bằng ma trận <sup>trường thức</sup> phương pháp lương giá và CAR.
- + Bổ sung các phương pháp đánh giá:
- Mô phỏng học phần: Bổ sung mô tả học phần khoa luận tốt nghiệp.

④. PGS Mạnh:

- Học phần tự giảng #CPL: xếp sớm.
- Học phần khoa luận: nếu chọn thì không thực tập tốt nghiệp. Bổ túc vào kỹ 7.

⑤. TS Hoàng: phát tư vấn TS Hưng, TS Nhung.

- giám số tin chỉ: Hoa Sinh (2TC); Stats lý Bôn (2TC); Bổ HP MS - Hoa; Bổ sung HP dinh dưỡng.
- Ma trận tương quan PP dạy học: sử dụng phương pháp dạy học cho từng cá học phần đều đóng góp vào mức độ chăm và trách nhiệm.

⑥. BS Dũng:

- Phát tư vấn khung chương trình: mức độ phạm vi các lĩnh vực của PHCV.
- PHCV sau chấn thương: rất quan trọng; nên định hướng để SV chọn học phần này.

⑦. TS Hồng Anh:

- Nên Bổ sung học phần tự chọn mức độ chuyên sâu.

⑧. TS Hồng:

- ~~Bổ~~ Cần giảm số tin chỉ.
- Ra soát lại phương pháp lương giá.

### III. Kết luận

- Quan hệ từ chủ: phương 130 từ chủ
- Xem xét bộ mặt số học phải không phù hợp  
bộ song một số học phải mới
- Số 100, 1000, thì hệ số mới đã đạt được 100
- Rõ ràng, chính mới các hàng mà trái
- Viết lại các phương pháp đánh giá
- Cần đưa sách vở các chương trình đào tạo  
của các trường có kinh nghiệm đào tạo  
ngành kỹ thuật P.H.C.V

THƯ KÝ HĐ



TS. Vũ Thị Hồng Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GS.TS Cao Minh Châu



**PHỤ LỤC 3**  
**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**


Ngành dự kiến mở: **Kỹ thuật phục hồi chức năng**

Mã ngành: **7720603**

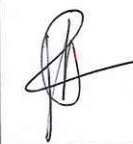


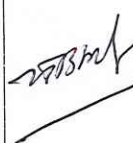
Trình độ đào tạo: **Đại học**






**1. Về giảng viên**

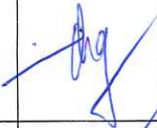




Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với đơn vị đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo



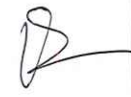

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hoàng Duy Tường	020082009157		ThS, Trung Quốc, 2013	Giáo dục thể chất	07/01/2016		1909015952	8		3	













Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				2013								
2	Nông Thái Hưng	01909100 3525		ThS, Việt Nam, 2016	KGGD (Giáo dục thể chất)		x	1916002776	7		01	
3	Đình Thị Giang	03718201 1651		TS, Việt Nam, 2020	Triết học	01/02/2008		1909015053	16		04	
4	Chu Tuấn Anh	01908200 5951		TS, Việt Nam, 2017	Triết học (CNDVBC&CNDVLS)	01/06/2007		8107001794	17		13	
5	Hứa Thanh Bình	01907501 0079		TS, Trung Quốc, 2014	Kinh tế chính trị học	20/06/2006		8104003898	18		10	





Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	Thân Thị Thu Ngân	01918500 7732		ThS, Việt Nam, 2012	Lịch sử ĐCSVN	01/01/2011		1911001331	13		6	
7	Trần Thị Thanh Thủy	01918701 0821		ThS, Việt Nam, 2015	Hồ Chí Minh học	01/07/2011		1911004401	13		9	
8	Đỗ Thị Nhưông	01918600 7077		TS, Việt Nam, 2023	Lịch sử ĐCSVN	01/04/2009		1909015040	15		16	
9	Trần Công Dương	10908400 7862		ThS, Việt Nam, 2012	Chính trị học	12/07/2021		1909015097	3		2	
10	Nguyễn Thị Thương Huyền	01918300 2970		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	03/02/2020		1908001224	4		05	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01918000 9080		TS, Philippin, 2018	Su phạm Tiếng Anh	01/07/2013		8106000538	11		11	
12	Triệu Thành Nam	02008300 7361		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	01/08/2008		1507001921	16		05	
13	Nguyễn Quỳnh Trang	02217900 8441		TS, Philippin, 2018	GD Ngôn ngữ Anh	01/10/2012		2002001964	12		14	
14	Nguyễn Thị Thanh Hồng	01917900 4996		TS, Philippin, 2015	Tiếng Anh	16/01/2007		1908000679	17		11	
15	Nguyễn Thị Khánh Ly	01918400 9587		ThS, Việt Nam, 2009	Anh văn	01/07/2009		1909007649	15		02	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
16	Nguyễn Xuân Hòa	02407500 2011		ThS, Việt Nam, 2016	VSXHH&TCYT	22/10/2002		8102000684	22		20	
17	Đặng Văn Thành	01907801 1974	PGS, 2019	TS, Đài Loan, 2014	KH Vật lý	02/01/2010		0107095819	14	2	30	
18	Trương Thị Hồng Thúy	01918500 7937		ThS, Việt Nam, 2010	KH máy tính	01/08/2008		1909015091	16		3	
19	Đỗ Thị Phương Quỳnh	01918301 9916		TS, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	16/01/2007		1908000681	17		08	
20	Hạc Văn Vinh	01905900 5703	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Y tế công cộng	01/10/1985		8198008527	39			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	Lê Hoài Thu	02419101 7218		ThS, Việt Nam, 2021	Y học (Dịch tễ học)		x	1916002778	7		05	
22	Nguyễn Thu Hiền	01917500 1767		TS, Việt Nam, 2014	Di truyền học	15/06/2006		8106004255	18		03	
23	Vũ Thị Như Trang	02218501 0989		TS, Việt Nam, 2019	Di truyền học	01/04/2009		1909005624	15		02	
24	Nguyễn Thị Sinh	01917900 9297		ThS, Việt Nam, 2010	Y học (Giải phẫu học)	10/04/2006		1908000672	18		06	
25	Trịnh Xuân Đàn	03305900 9892	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2000	Y học (Giải phẫu học)	01/12/1986		8198006252	38			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
26	Hoàng Thu Soan	01917700 9529		TS, Việt Nam, 2018	Sinh lý học	07/10/2002		8107001154	22		41	
27	Nguyễn Thế Tùng	01908101 2824		TS, Việt Nam, 2017	Y học	16/01/2007		1909015086	17		11	
28	Nguyễn Thị Phương Thảo	01918501 5739		TS, Việt Nam, 2021	Dược lý và độc chất	02/01/2010		1910000324	14		5	
29	Ngô Thị Mỹ Bình	01918600 5099		ThS, Việt Nam, 2014	Dược học	01/07/2011		1911008837	13		25	
30	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01917500 9640		TS, Việt Nam, 2011	Miễn dịch	15/10/1999		8101003890	25		6	





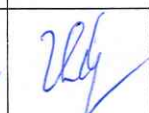
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
31	Vũ Thị Thu Hằng	01917401 5238		TS, Hàn Quốc, 2011	Sinh hóa	15/12/1999		8101003883	25		06	
32	Nguyễn Thị Hoa	03317401 0997	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Hóa sinh y học	01/03/1998		8199018851	26		10	
33	Bùi Thị Thu Hương	01417900 4223		TS, Việt Nam, 2015	Hóa sinh y học	16/06/2004		8106003859	20		10	
34	Nguyễn Đắc Trung	01906900 8837		TS, Thái Lan, 2007	Y học nhiệt đới	01/11/1995		8198006250	29			
35	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	01518600 5027		TS, Việt Nam, 2023	Khoa học Y sinh	31/12/2010		1911001333	14		12	






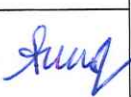
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
36	Hoàng Thị Luân	02418802 1633		ThS, Việt Nam, 2019	Y học (Giải phẫu bệnh)	07/11/2017		1914001495	7		2	<i>HL</i>
37	Mai Anh Tuấn	01908100 9836		TS, Thái Lan, 2019	Y tế công cộng	16/01/2007		1909015090	17		1	<i>MA</i>
38	Nguyễn Thị Hoa	02419000 4834		ThS, Việt Nam, 2022	Điện quang và Y học hạt nhân		x	1915001295	6		3	<i>NH</i>
39	Nguyễn Thị Tố Uyên	01917500 9573		TS, Nhật Bản, 2014	Y học	15/12/1999		8101003879	25		20	<i>TU</i>
40	Bùi Thị Việt Hà	01918700 3650		ThS, Việt Nam, 2015	Y tế công cộng	07/11/2017		1915008426	7		4	<i>BVH</i>

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
41	Nguyễn Thị Thu Huyền	019183014787		TS, Việt Nam, 2018	Y học	07/01/2016		1910006485	8		12	
42	Trần Tuấn Tú	019090005240		TS, Đài Loan, 2023	Y khoa (Nội thận học)	07/11/2017		1915001549	7		8	
43	Phùng Văn Lợi	025077010091		ThS, Thái Lan, 2011	Điều dưỡng	15/04/2005		1909015115	19		4	
44	Nguyễn Thùy Trang	019195003409		ThS, Việt Nam, 2022	Nội khoa (Phục hồi CN)		x	1921349152	3		01	
45	Nguyễn Phương Sinh	019173011239		TS, Việt Nam, 2013	Phục hồi CN	01/01/1998		8101003877	26		30	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
46	Nguyễn Thị Thanh Thu	02419101 6696		ThS, Việt Nam, 2022	Nội khoa (Phục hồi CN)	12/07/2021		1916000890	3		02	
47	Vũ Thị Tâm	00418400 7433		ThS, Việt Nam, 2015	Phục hồi CN	31/12/2010		1911001335	14		13	
48	Trịnh Minh Phong	00107704 1636		ThS, Việt Nam, 2010	Phục hồi CN	16/06/2004		1909015063	20		13	
49	Đỗ Thị Phương Thảo	01719301 0621		ThS, Việt Nam, 2023	Nội khoa (Phục hồi CN)		x	1720969975	5		01	
50	Đàm Thị Bảo Hoa	01917000 6224		TS, Việt Nam, 2014	VSXHH&TCYT	01/11/1995		8198006356	29		01ĐT 10 bài báo	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
51	Nông Phương Mai	00117605 1973		TS, Việt Nam, 2020	VSXHH&TCYT	10/07/2001		8102001414	23		9	
52	Hoàng Văn Thắng	01907801 6352		CKII, Việt Nam, 2019	Y học cổ truyền	01/05/2003		8103004549	21			
53	Trần Thế Hoàng	01908000 7784		TS, Thái Lan, 2015	Y tế công cộng	01/04/2009			15			
54	Đỗ Văn Toàn	01907501 4282		ThS, Việt Nam, 2006	Công nghệ thông tin	15/10/2002			22			
55	Trương Thị Thùy	01918100 5743		TS, Việt Nam,	Dinh dưỡng	16/01/2007			17	1	12	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Dương			2017								
56	Trần Thị Hồng Vân	02518801 0347		TS, Việt Nam, 2021	Dinh dưỡng	07/11/2017			7	8	7	
57	Hoàng Văn Tăng	02406300 0683		CKII, Việt Nam, 2017	Chẩn đoán hình ảnh	01/01/1988			36			
58	Nguyễn Thị Bích	02418401 5238		CKII, Việt Nam, 2021	Y học cổ truyền	31/12/2010			14			
59	Vũ Thị Huệ	01917601 3581		CKII, Việt Nam,	Phục hồi CN	01/4/2021			3			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				2016								
60	Vi Thị Thập Lan			Cử nhân, Việt Nam, 2017	Kỹ thuật Phục hồi chức năng							
61	Nguyễn Thành Nam			Thạc sĩ, Thái Lan, 2021	Vật lý trị liệu							
62	Trần Văn Tuấn	02006700 4954	PGS, 2014	TS, Việt Nam, 2008	Y học (Thần kinh)	01/01/1998		8101003875	26			
63	Nguyễn Kim Liên			Cử nhân Đại học, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng							
64	Cao Kim Loan			Cử nhân, Việt Nam, 2011	Kỹ thuật Phục hồi chức năng							

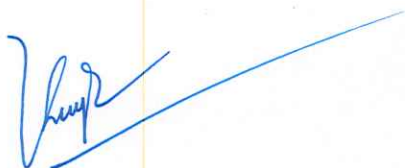


Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
69	Nguyễn Hữu Chút			Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Y tế công cộng và Kỹ thuật phục hồi chức năng							

**Ghi chú:** Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC



TS. Bùi Thanh Thủy

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng



**Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo**

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Trần Văn Khánh	GDQP và AN	2	3				
2	Trần Hoàng Tinh							
3	Hoàng Duy Tường	Giáo dục thể chất	1	3				
4	Nông Thái Hưng							
5	Đinh Thị Giang	Triết học Mác-Lênin	1		3			
6	Chu Tuấn Anh							
7	Hứa Thanh Bình	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2				
8	Đinh Thị Giang							
9	Thân Thị Thu Ngân	Chủ nghĩa xã hội khoa học	5	2				
10	Trần Thị Thanh Thủy							
11	Đỗ Thị Như Quỳnh	Pháp luật đại cương	4	2				
12	Trần Công Dương							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13	Thân Thị Thu Ngân	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	6	2				
14	Đỗ Thị Nhưồng							
15	Trần Thị Thanh Thủy	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	2				
16	Trần Công Dương							
17	Nguyễn Quỳnh Trang	Tiếng Anh 1	2	3				
18	Nguyễn Thị Thương Huyền							
19	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Tiếng Anh 2	3	3				
20	Nguyễn Thị Khánh Ly							
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tiếng Anh 3	4	3				
22	Triệu Thành Nam							
23	Đỗ Văn Toàn	Tin học cơ bản	1		2			
24	Trương Thị Hồng Thúy							
25	Hạc Văn Vinh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	3				
26	Đỗ Thị Phương Quỳnh							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	Nguyễn Thu Hiền	Sinh học và di truyền	1	2				
28	Vũ Thị Như Trang							
29	Nguyễn Thị Sinh	Giải phẫu đại cương	1	3				
30	Trịnh Xuân Đàn							
31	Hoàng Thu Soan	Sinh lý	2	2				
32	Nguyễn Thế Tùng							
33	Nông Phương Mai	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	4	2				
34	Nguyễn Thị Thu Huyền							
35	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sử dụng thuốc trong kỹ thuật phục hồi chức năng	4	2				
36	Ngô Thị Mỹ Bình							
37	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2				
38	Vũ Thị Thu Hằng							
39	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	Giải phẫu bệnh - Mô phôi	1	2				
40	Hoàng Thị Luân							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
41	Mai Anh Tuấn	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	7	2				
42	Nguyễn Thị Tố Uyên							
43	Trần Thế Hoàng	Dịch tễ học	5	2				
44	Lê Hoài Thu							
45	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tính chuyên nghiệp	5	2				
46	Bùi Thị Việt Hà							
47	Nguyễn Thị Thu Huyền	Bệnh học nội khoa và ngoại khoa	4	2				
48	Trần Tuấn Tú							
49	Nguyễn Thị Hoa	Hóa Sinh	3	2				
50	Bùi Thị Thu Hương							
51	Đặng Văn Thành	Vật lý - Lý sinh	1	3				
52	Nguyễn Xuân Hòa							
53	Phùng Văn Lợi	Kiểm soát nhiễm khuẩn	7			2		
54	Nguyễn Đắc Trung							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
55	Trần Thế Hoàng	Tin học ứng dụng	7			2		
56	Đỗ Văn Toàn							
57	Trương Thị Thuý Dương	Dinh dưỡng tiết chế	7			2		
58	Trần Thị Hồng Vân							
59	Hoàng Văn Tăng	Chẩn đoán hình ảnh	4	2				
60	Nguyễn Thị Hoa							
61	Trịnh Minh Phong	Giải phẫu chức năng	2	3				
62	Nguyễn Thị Sinh							
63	Nguyễn Phương Sinh	Lượng giá chức năng vận động và thần kinh	2	4				
64	Vi Thị Thập Lan							
65	Trịnh Minh Phong	Sinh cơ học và vận động học	2	2				
66	Nguyễn Thuý Trang							
67	Nguyễn Phương Sinh	Vận động trị liệu	3	3				
68	Nguyễn Thành Nam							

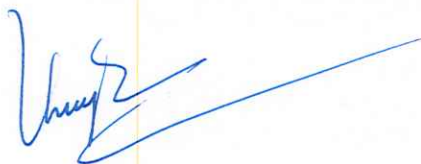
Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
69	Nguyễn Thuỳ Trang	Các phương thức vật lý trị liệu 1	2	3				
70	Vũ Kim Ngân							
71	Vũ Thị Tâm	Các phương thức vật lý trị liệu 2	3	3				
72	Vũ Kim Ngân							
73	Nguyễn Thị Thanh Thu	Xoa bóp trị liệu	4	3				
74	Nguyễn Kim Liên							
75	Nguyễn Phương Sinh	Phục hồi chức năng cơ xương khớp	4	3				
76	Vi Thị Thập Lan							
77	Nguyễn Phương Sinh	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng cơ xương khớp	6	3				
78	Vi Thị Thập Lan							
79	Nguyễn Thị Thanh Thu	Phục hồi chức năng thần kinh cơ	6	3				
80	Cao Kim Loan							
81	Nguyễn Thị Thanh Thu	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng thần kinh cơ	6	3				
82	Cao Kim Loan							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
83	Vũ Thị Tâm	Hoạt động trị liệu	5	3				
84	Nguyễn Thành Nam							
85	Vũ Thị Tâm	Thực tập lâm sàng hoạt động trị liệu	7	2				
86	Nguyễn Thành Nam							
87	Vũ Thị Huế	Ngôn ngữ trị liệu	6	3				
88	Vũ Thị Tâm							
89	Vũ Thị Huế	Thực tập lâm sàng ngôn ngữ trị liệu	7	2				
90	Vũ Thị Tâm							
91	Đỗ Thị Phương Thảo	Phục hồi chức năng trong nhi khoa	6	3				
92	Phạm Thị Hồi							
93	Đỗ Thị Phương Thảo	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng trong nhi khoa	7	3				
94	Phạm Thị Hồi							
95	Trịnh Minh Phong	Tổ chức và quản lý đơn vị Phục hồi chức năng	6	3				
96	Nguyễn Viết Dũng							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
97	Vũ Thị Huế	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1	5	3				
98	Nguyễn Thị Thu Hà							
99	Nguyễn Phương Sinh	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2	7	3				
100	Nguyễn Kim Liên							
111	Vũ Thị Tâm	Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	8			2		
112	Đàm Thị Bảo Hoa							
113	Trịnh Minh Phong	Khoá luận tốt nghiệp	8			4		
114	Đỗ Thị Phương Thảo							
115	Trịnh Minh Phong	Thực tập tốt nghiệp	8	4				
116	Nguyễn Thị Thanh Thu							

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC



TS. Bùi Thanh Thủy

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng



**Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của đơn vị đào tạo**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Phương Sinh, 1973, Phó Hiệu trưởng, GVCC bộ môn PHCN	Tiến sĩ, 2013	Phục hồi chức năng	
2	Nguyễn Quang Mạnh, 1964, Trưởng phòng Đào tạo, giảng viên chính bộ môn Y học cổ truyền	Tiến sĩ, 2009	Y tế công cộng	
3	Nguyễn Thị Thu Thái, 1974, Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng BM Vi sinh	Tiến sĩ, 2017	Vi sinh y học	
4	Trịnh Minh Phong, 1977, Phó trưởng BM Phục hồi chức năng	Thạc sĩ, 2010	Phục hồi chức năng	
5	Nguyễn Thùy Trang, 1995, giảng viên BM Phục hồi chức năng	Thạc sĩ, BSNT, 2022	Nội khoa - Phục hồi chức năng	
6	Đàm Thị Minh Nguyệt, 1984, Chuyên viên chính, trợ lý đào tạo	Thạc sĩ, 2015	Công nghệ thông tin	
7	Ngô Thị Thanh Loan, 1973, Chuyên viên, trợ lý đào tạo	Thạc sĩ, 2015	Quản lý giáo dục	

**TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC**

TS. Bùi Thanh Thủy

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

## 2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

**Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do đơn vị đào tạo thực hiện** (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	5652/QĐ-BGD&ĐT, ngày 28/12/2018 Mã số: B2019-TNA-13.	Bộ	Thực trạng dinh dưỡng, bệnh tật và đề xuất một số giải pháp cải thiện dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe phòng chống bệnh tật cho học sinh dân tộc thiểu số tại các trường trung học cơ sở nội trú khu vực miền núi phía Bắc.	TS. Trương Thị Thùy Dương	337/QĐ-BGDĐT, ngày 24/01/2022	16/2/2022 (NT cấp Bộ)	Đạt		
2.	3813/QĐ-BGD&ĐT, ngày 20/11/2020 Mã số: B2021-TNA-07.	Bộ	Nghiên cứu liên quan giữa đa hình gen Mthrf, Factor V, Notch3 và tình trạng đột quy ở người trẻ tuổi tại khu vực miền núi phía Bắc	TS Bùi Thị Thu Hương	6345/QĐ-ĐHTN, ngày 21/12/2023	27/12/2023 (NT cấp Cơ sở)	Đạt		
3.	2190/QĐ-BGD&ĐT, ngày 30/6/2021 Mã số: B2022-TNA-30.	Bộ	Nghiên cứu thực trạng thiếu máu thiếu sắt kết hợp mang Gen bệnh tan máu bẩm sinh ở phụ nữ có thai người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc và đề xuất giải pháp can thiệp	TS. Mai Anh Tuấn					Đang thực hiện
4.	2036/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/7/2022 Mã số: B2023-TNA-03.	Bộ	Nghiên cứu đa hình các gen CYP2C9,HLA-B và G6PD nhằm xây dựng giải pháp xét nghiệm hỗ trợ điều trị bệnh nhân gút	TS Nguyễn Thu Hiền					Đang thực hiện
5.	2036/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/7/2022 Mã số: B2023-TNA-02.	Bộ	Xây dựng mô hình can thiệp dự phòng và xử trí đột quy não giai đoạn cấp ở người cao tuổi tại Thành phố Thái Nguyên	PGS.TS Trần Văn Tuấn					Đang thực hiện
6.	DT/YD/15/2023	Tỉnh	Xây dựng mô hình can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ bằng phương pháp TEACCH tại Bệnh viện kết hợp với gia đình và cộng đồng tại tỉnh Thái Nguyên	TS. Nguyễn Phương Sinh					Đang thực hiện
7.	YD2019-24	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị giảm đau	Ths Nguyễn Thị	106/QĐ-ĐHYD	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Minh Thủy	



Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trong điều trị đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ bằng phương pháp cấy chỉ.	Bích	ngày 14/01/2020			Đào Thanh Hoa	
8.	YD2019-25	Cơ sở	Đánh giá tác dụng gây kích ứng da của cao lỏng sống rắn thu hái tại Thái Nguyên trên thực nghiệm.	Ths Đào Thanh Hoa	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Đạt	Nguyễn Thị Minh Thúy Hoàng Văn Thắng Lê Thị Hải Yến Nguyễn Thị Bích	
9.	YD2019-26	Cơ sở	Thực trạng mô hình bệnh tật điều trị tại khoa y học cổ truyền Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS Lê Thị Hải Yến	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Minh Thúy Nguyễn Thị Bích	
10.	YD2019-29	Cơ sở	Khảo sát tình trạng trầm cảm và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân nhồi máu não tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên.	Ths Nguyễn Thị Minh Nguyệt	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Phạm Thị Kim Dung Trần Văn Tuấn Lê Thị Quyên Nguyễn Đắc Vinh	
11.	YD2019-31	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị chảy máu não trên lều do tăng huyết áp tại Trung tâm đột quỵ - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS CKII Phạm Thị Kim Dung	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Trần Văn Tuấn Lê Thị Quyên Nguyễn Thị Minh Nguyệt Món Thị Uyên Hồng	
12.	YD2019-33	Cơ sở	Một số yếu tố nguy cơ đột quỵ não trên bệnh nhân tăng huyết áp tại huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên.	Ths Lê Thị Quyên	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Phạm Thị Kim Dung Trần Văn Tuấn Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
13.	YD2019-34	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng và nhân cách ở bệnh nhân rối loạn phân ly tại Khoa Tâm thần Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS Nguyễn Đắc Vinh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Trịnh Quỳnh Giang Đàm Bảo Hoa	
14.	YD2019-36	Cơ sở	Đặc điểm và một số yếu tố liên quan của các rối loạn liên quan đến stress tại Khoa tâm thần Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	TS Đàm Thị Bảo Hoa	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Đắc Vinh	
15.	YD2019-37	Cơ sở	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về hỗ trợ Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tai biến mạch máu não của người nhà chăm sóc bệnh nhân tại Khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	TS Nguyễn Phương Sinh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Vi Thị Thập Lan Nguyễn Thị Mau Mai Thanh Hải Nông Thị Thùy Vũ Thị Tâm	
16.	YD2019-67	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và sơ bộ xác định thành phần hóa học của cây lá đắng thu hái tại Thái Nguyên	ThS Đoàn Thanh Hiếu	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Hồng Hạnh Nguyễn Thị Thu Huyền Nguyễn Thị Mai Hồng Trần Thị Hồng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
								Trịnh Hương Ly	
17.	YD2019-70	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Phòng khám Tăng huyết áp, Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên.	ThS Ngô Thị Mỹ Bình	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Lại Thị Ngọc Anh Trịnh Thị Bích Hồng	
18.	YD2019-75	Cơ sở	Thực trạng công tác quản lý và tư vấn sử dụng thuốc tại Trạm Y tế xã Cô Lũng huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Trần Văn Tuấn Đỗ Lê Thùy Nguyễn Thị Phương Quỳnh Hoàng Thái Hoa Cương Bùi Thị Quỳnh Nhung	
19.	YD2019-82	Cơ sở	Thực trạng nhận thức của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS Nông Phương Mai	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Ngọc Huyền Đào Trọng Quân	
20.	YD2019-89	Cơ sở	Stress và các yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019	ThS Phùng Văn Lợi	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Đào Thanh Xuyên Đào Tiến Thịnh	
21.	YD2019-98	Cơ sở	Xây dựng bài giảng E-Learning đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất thuộc học phần xác suất thống kê tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	ThS Đỗ Thị Hồng Nga	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trương Thị Hồng Thúy	
22.	YD2019-99	Cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng Logic mờ (Fuzzy logic) trong xây dựng hệ chuyên gia hỗ trợ ra quyết định chẩn đoán Mạch trong y học cổ truyền	ThS Trương Thị Hồng Thúy	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tân Tiến Hà Thị Hằng	
23.	YD2019-102	Cơ sở	Nghiên cứu khả năng quang xúc tác diệt khuẩn Escherichia coli (E. coli) của các vật liệu cấu trúc nano ZnO.	TS Nguyễn Xuân Hòa	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Đặng Văn Thành Trịnh Thị Thu Hiền Nguyễn Thu Hương Nguyễn Thị Hiền	
24.	YD2019-103	Cơ sở	Hiệu quả sử dụng các tính năng của phần mềm Moodle trong giảng dạy Vật lý- Lý sinh cho sinh viên hệ Cử nhân điều dưỡng.	ThS Vũ Thị Thúy	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Xuân Hòa Hồ Xuân Nhân	
25.	YD2019-105	Cơ sở	Khảo sát những khó khăn của sinh viên năm thứ nhất trong việc học Tiếng Anh	ThS Vũ Thị Hào	442/QĐ-ĐHYD ngày	02/01/2020	Khá	Trần Thị Quỳnh Anh Triệu Thành Nam	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			học phần 1 và 2 chương trình y đa khoa đổi mới và đề xuất một số giải pháp.		17/04/2020				
26.	YD2019-106	Cơ sở	Khai thác ứng dụng của phần mềm R trong giảng dạy ước lượng và kiểm định trong y, dược học tại Trường Y Dược Thái Nguyên.	TS Đỗ Thị Phương Quỳnh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Tân Tiến Lê Thị Oanh	
27.	YD2019-107	Cơ sở	Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vận dụng ý nghĩa tác phẩm vào việc nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, giảng viên trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	ThS Thân Thị Thu Ngân	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt		
28.	YD2019-110	Cơ sở	Khảo sát sự hài lòng của sinh viên đối với việc tổ chức giảng dạy các học phần Tiếng Anh năm thứ nhất trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa đổi mới.	TS Nguyễn Thị Thanh Hồng	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Nguyễn Khánh Ly	
29.	YD2019-111	Cơ sở	Khảo sát các lỗi thường gặp của sinh viên trong Bài viết số 2 ở bài thi kết thúc Học phần Tiếng Anh 3 năm học 2018-2019 và đề xuất một số giải pháp.	TS Nguyễn Thị Hồng Nhung	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thị Quỳnh Anh Đào Thị Hồng Phương	
30.	YD2019-114	Cơ sở	Đặc điểm mô bệnh học và hóa mô miễn dịch ung thư biểu mô cổ tử cung nguyên phát tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.	BS Hoàng Thị Luân	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Lê Phong Thu	
31.	YD2019-117	Cơ sở	Đánh giá kết quả xử lý lọc rửa mảnh xương sọ thỏ bằng dung dịch pha kháng sinh.	TS Bùi Thanh Thủy	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết Tạ Thị Quỳnh Giao	
32.	YD2019-118	Cơ sở	Đặc điểm hình thái tinh trùng bất thường trong mẫu tinh dịch của bệnh nhân đến khám tại Trung tâm CĐTS & HTSS Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	ThS Phạm Minh Huệ	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Bùi Thanh Thủy Nguyễn Thị Hiệp Tuyết Tạ Thị Quỳnh Giao	
33.	YD2019-119	Cơ sở	Sự phù hợp trong đánh giá mật độ và độ di động của tinh trùng bằng buồng đếm Makler và máy phân tích tinh	ThS Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Bùi Thanh Thủy Phạm Thị Huệ	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trùng tự động Hamilton Thorne Ivos II.						
34.	YD2019-121	Cơ sở	Nghiên cứu sự thay đổi huyết áp tư thế và một số yếu tố liên quan trên phụ nữ mang thai quý 3.	ThS Vi Thị Phương Lan	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thu Soan	
35.	YD2019-121	Cơ sở	Nghiên cứu sự thay đổi huyết áp tư thế và một số yếu tố liên quan trên phụ nữ mang thai quý 3.	ThS Vi Thị Phương Lan	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thu Soan	
36.	YD2019-122	Cơ sở	Nghiên cứu biến đổi nồng độ kháng sinh trong keo dán fibrin trộn erythromycin và cefazolin.	TS Hoàng Thu Soan	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Vi Thị Phương Lan Vũ Thị Kim Liên Vũ Tiến Thăng Nguyễn Thu Quỳnh Hán Thị Hải Yến	
37.	YD2019-123	Cơ sở	Đặc điểm cận lâm sàng và đột biến gen JAK2V617F trên bệnh nhân tăng tiểu cầu nguyên phát tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	TS Nguyễn Thế Tùng	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Lê Hạnh Huyền Bùi Thị Thu Hương Nguyễn Quang Hào	
38.	YD2019-124	Cơ sở	Một số biến đổi giải phẫu của động mạch thận trên hình ảnh chụp cắt lớp vi tính 32 dãy.	BS Đoàn Thị Nguyệt Linh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Trịnh Xuân Đan Nguyễn Thị Sinh Nguyễn Thị Bình Hoàng Thị Lệ Chi	
39.	YD2019-125	Cơ sở	Đặc điểm kích thước tuyến giáp trên siêu âm ở người trưởng thành đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên.	ThS Nguyễn Thị Bình	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Hoa Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh	
40.	YD2019-126	Cơ sở	Mối tương quan giữa hình thái đốt sống thắt lưng trên hình ảnh đo mật độ xương với một số chỉ số nhân trắc và mật độ xương của bệnh nhân tại Bệnh viện Trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên.	ThS Nguyễn Thị Sinh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thu Soan Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh Nguyễn Thị Bình	
41.	YD2019-131	Cơ sở	Phát hiện nhanh gen eae của <i>Escherichia coli</i> gây tiêu chảy ở người bằng kỹ thuật LAMP.	TS Nguyễn Đắc Trung	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Nguyễn Thị Thu Thái Nguyễn Văn Thu	
42.	YD2019-134	Cơ sở	Mức độ hòa hợp HLA với chức năng thận sau ghép tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS Nguyễn Thị Ngọc Hà	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Vũ Thị Thu Hằng Bùi Thị Thu Hương	
43.	YD2019-140	Cơ sở	Thực trạng chăm sóc sức khỏe người	TS Trần Thế	106/QĐ-ĐHYD	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thu Hoài	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			cao tuổi tại một số xã miền núi thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên năm 2019	Hoàng	ngày 14/01/2020			Bùi Thị Việt Hà Lê Đức Thắng Nguyễn Thanh Nhài	
44.	YD2019-141	Cơ sở	Chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại một số phường tại thành phố Thái Nguyên năm 2019 và một số yếu tố liên quan.	BS Lê Hoài Thu	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Hoàng Khải Lập Trần Thị Phương Minh Nguyễn Thị Huyền Phương Nguyễn Thị Sáu	
45.	YD2019-143	Cơ sở	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường tiểu học Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên năm 2019.	ThS Trần Thị Huyền Trang	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Trương Thị Thùy Dương	
46.	YD2019-144	Cơ sở	Thực trạng thính lực ở công nhân khai thác khoáng sản Thái Nguyên.	ThS Nguyễn Việt Quang	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Đỗ Văn Hàm Lê Hoài Thu	
47.	YD2019-145	Cơ sở	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống bệnh đái tháo đường và yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại một xã miền núi tỉnh Thái Nguyên	PGS.TS Đàm Khải Hoàn	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Kim Ngân Trần Thị Hiền Trần Thị Ngọc Nguyễn Thị Bích	
48.	YD2019-149	Cơ sở	Kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn vệ sinh thực phẩm của người nội trợ tại các gia đình ở phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên.	ThS Nguyễn Thị Ánh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Trương Thị Thùy Dương	
49.	YD2019-152	Cơ sở	Thực trạng kiến thức - thái độ - thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh thiếu niên của học sinh trường trung học phổ thông Dương Tự Minh - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên năm 2019.	BS Nguyễn Thu Hoài	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thế Hoàng	
50.	YD2019-154	Cơ sở	Kiến thức - thái độ - thực hành dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới của phụ nữ 18-49 tuổi có chồng tại huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên.	TS Nguyễn Thị Tố Uyên	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Bùi Thị Việt Hà	
51.	YD2019-155	Cơ sở	Thực trạng trầm cảm và một số yếu tố liên quan của sinh viên hệ Bác sỹ Đa khoa trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2019.	TS Phạm Ngọc Minh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Hạc Văn Vinh Nguyễn Mạnh Tuấn	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
52.	YD2019-05K	Cơ sở	Thực trạng khẩu phần ăn của học sinh trường Tiểu học Đội Cấn TP Thái Nguyên	TS. Trương Thị Thùy Dương	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thị Huyền Trang	
53.	YD2020-05	Cơ sở	Đặc điểm Holter điện tâm đồ 24h ở bệnh nhân có yếu tố nguy cơ tim mạch thường gặp tại Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên	TS. Vũ Tiến Thăng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	TS Hoàng Thu Soan BS Dương Danh Liêm	
54.	YD2020-25	Cơ sở	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng viêm phổi do phế cầu của trẻ dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS. Nguyễn Thị Thu Huyền	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Dương Quốc Trường Bế Hà Thành Nguyễn Văn Kiên	
55.	YD2020-34	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị viêm gân bám mỏm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay bằng phương pháp vật lý trị liệu tại khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020.	TS. Nguyễn Phương Sinh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Mau, Phạm Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Thị Tâm, Trịnh Minh Phong	
56.	YD2020-36	Cơ sở	Đánh giá tác dụng giảm đau và cải thiện tâm vận động ở bệnh nhân viêm quanh khớp vai bằng phương pháp châm cứu kết hợp với luyện tập dưỡng sinh Nguyễn Văn Hùng	ThS. Lê Thị Hải Yến	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Nguyễn Thị Minh Thúy Đào Thanh Hoa Hoàng Văn Thắng	
57.	YD2020-38	Cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến lo âu, trầm cảm ở sinh viên ngành Y khoa Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	TS. Đàm Thị Bảo Hoa	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Lê Thị Lựu Nguyễn Đắc Vinh	
58.	YD2020-46	Cơ sở	Một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị thuốc hạ huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp hai xã huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.	ThS. Lê Thị Quyên	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Phạm Thị Kim Dung Trần Văn Tuấn Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
59.	YD2020-47	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân có hội chứng cai rượu điều trị tại Khoa Tâm bệnh, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS. Nguyễn Đắc Vinh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Đàm Bảo Hoa	
60.	YD2020-50	Cơ sở	Đánh giá tác dụng của bài thuốc "Tân giao thiên ma thang" kết hợp với điện châm và xoa bóp bấm huyệt trong điều trị viêm khớp dạng thấp giai đoạn I và II	ThS. Nguyễn Thị Bích	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Ngô Quỳnh Hoa, Nguyễn Văn Phúc	
61.	YD2020-57	Cơ sở	Thực trạng sử dụng thuốc điều trị viêm	ThS. Lại Thị	818/QĐ-ĐHYD	29/4/2021	Tốt	Ngô Thị Mỹ Bình	



Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			loét dạ dày – tá tràng tại khoa Nội Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Ngọc Anh	ngày 14/05/2021			Đoàn Thùy Trang	
62.	YD2020-59	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội tim mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Lại Thị Ngọc Anh	
63.	YD2020-68	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội tim mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Lại Thị Ngọc Anh	
64.	YD2020-69	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội tim mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Lại Thị Ngọc Anh	
65.	YD2020-94	Cơ sở	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa điều trị hóa chất tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020	ThS. Lê Thị Vân	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021		Hoàng Thị Luân	Tốt
66.	YD2020-100	Cơ sở	Nghiên cứu chế tạo vật liệu graphite ôxit dạng cầu gai từ lõi pin tái chế và ứng dụng làm vật liệu hấp phụ xử lý thuốc nhuộm đỏ ĐH 120 trong môi trường nước	ThS. Vũ Thị Thúy	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021		Nguyễn Xuân Hòa Nguyễn Thu Hương Trần Quốc Toàn	Tốt
67.	YD2020-104	Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng mô hình toán học đánh giá và tiên lượng bệnh tiêu đường bằng phần mềm R.	ThS. Hà Thị Hằng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trương Thị Hồng Thúy Đỗ Thị Phương Quỳnh	
68.	YD2020-105	Cơ sở	Đánh giá hiệu quả khi sử dụng phần mềm R trong giảng dạy phần ước lượng và kiểm định cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược	TS. Đỗ Thị Phương Quỳnh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Tân Tiến Lê Thị Oanh Lê Thị Huyền My	
69.	YD2020-107	Cơ sở	Khảo sát thực trạng dạy, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của Sinh viên năm thứ 4 Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên và một số giải pháp.	ThS. Trần Thị Thanh Thủy	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Thân Thị Thu Ngân	
70.	YD2020-108	Cơ sở	Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thái	TS. Chu Tuấn	818/QĐ-ĐHYD	29/4/2021	Tốt	Đỗ Thị Nhưường	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			Nguyên đối với công tác xã hội hóa y tế từ năm 2010 đến năm 2018 và một số bài học kinh nghiệm	Anh	ngày 14/05/2021				
71.	YD2020-109	Cơ sở	Các yếu tố tác động đến động cơ học tiếng Anh cho Sinh viên đại học chính quy theo chương trình tiếng Anh cơ bản Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên và đề xuất một số giải pháp.	ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Vũ Thị Hào	
72.	YD2020-111	Cơ sở	Khảo sát những khó khăn trong việc học kỹ năng nghe của sinh viên bác sĩ Y khoa K52 khi học học phần tiếng Anh 1 và 2, đề xuất một số giải pháp.	TS. Nguyễn Quỳnh Trang	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Dương Công Đạt	
73.	YD2020-112	Cơ sở	Những khó khăn trong hoạt động nghe hiểu của sinh viên Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên khi sử dụng giáo trình English Unlimited và đề xuất giải pháp	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Nguyễn Ngọc Minh	
74.	YD2020-114	Cơ sở	Ứng dụng phần mềm BLAST trong NCBI, phần mềm Bioedit v7.0.5.2, phần mềm Mega 7 trong phân tích mã vạch DNA để định danh cây dược liệu.	TS. Vũ Thị Như Trang	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt		
75.	YD2020-116	Cơ sở	Đặc khu kinh tế của Trung Quốc với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường-Bài học kinh nghiệm với Việt Nam	TS. Hứa Thanh Bình	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Lê Chí Trung	
76.	YD2020-117	Cơ sở	Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của keo dán fibrin trộn kháng sinh cefazolin	TS. Hoàng Thu Soan	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Vũ Tiến Thăng Nguyễn Thị Thu Thái Phạm Thị Thu Hương	
77.	YD2020-120	Cơ sở	Vai trò của siêu âm doppler xuyên sọ trên bệnh nhân đau đầu do thoái hóa cột sống cổ đến khám tại Bệnh viện Trường đại học Y khoa Thái Nguyên.	ThS. Vi Thị Phương Lan	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Hoàng Thu Soan Nguyễn Thu Phương Chu Hoàng Hưng	
78.	YD2020-122	Cơ sở	Liên quan giữa nồng độ bilirubin toàn phần trong huyết tương với mức độ tổn thương động mạch vành theo thang điểm Gensini tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	TS. Bùi Thị Thu Hương	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Vũ Thị Hoài Thu Nguyễn T.Thu Phương Trần Thị Tố Quyên	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
79.	YD2020-124	Cơ sở	Mối tương quan của sự tích tụ mỡ bụng với gan nhiễm mỡ trên hình ảnh siêu âm và nhân trắc học.	ThS. Nguyễn Thị Sinh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Hoàng Đình Bường Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh	
80.	YD2020-126	Cơ sở	Mối liên quan giữa nồng độ Cystein C huyết tương với mức độ tổn thương thận ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Hà Thế Duy Nguyễn Thị Giang Sv Nguyễn Thị Thu Hoài K50	
81.	YD2020-127	Cơ sở	Đánh giá tình trạng sắt và ferritin huyết thanh ở bệnh nhân suy thận mạn chưa điều trị thay thế tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Nguyễn Thị Ngọc Hà Trần Văn Tú SV Nguyễn Thu Hà K50	
82.	YD2020-128	Cơ sở	Đánh giá đặc điểm động học của tinh trùng trong mẫu tinh dịch của người chồng ở những cặp vợ chồng vô sinh.	ThS. Nguyễn Thị Hiệp Tuyền	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Bùi Thanh Thủy Phạm Minh Huệ Hoàng Ngọc Hằng	
83.	YD2020-129	Cơ sở	Đánh giá khả năng kháng khuẩn của nano bạc được tổng hợp bằng dịch chiết cây Xáo tam phân <i>Paramignya trimera</i> .	TS. Nguyễn Đắc Trung	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Hiền Nguyễn Văn Hào	
84.	YD2020-130	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị Methylprednisolon phối hợp với Azathioprin trên bệnh nhân xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thế Tùng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Mã Thị Ánh Lê Thùy Dung Nguyễn Quang Hào	
85.	YD2020-131	Cơ sở	Nghiên cứu mối liên hệ về kiểu gen giữa các chủng <i>Acinetobacter baumannii</i> phân lập được bằng kỹ thuật Random Ampified Polymorphic DNA.	BS. Vũ Nhị Hà	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Hoàng Thị Luân	
86.	YD2020-135	Cơ sở	Thực trạng xử trí sau phơi nhiễm với bệnh dại của đối tượng đến điều trị dự phòng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thị Tố Uyên	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Bùi Thị Việt Hà Hoàng Anh	
87.	YD2020-137	Cơ sở	Thực trạng và 1 số yếu tố liên quan đến bệnh tăng huyết ở người cao tuổi tại 1 số phường thành phố Thái Nguyên	BS. Lê Hoài Thu	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Nguyễn Việt Quang	
88.	YD2020-139	Cơ sở	Thực trạng năng lực chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi của cán bộ phụ trách chương trình tại trạm y tế xã tỉnh Thái Nguyên	TS. Trần Thế Hoàng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Thanh Huyền Nguyễn Thu Hoài Hồ Thị Thanh Thủy	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
89.	YD2020-140	Cơ sở	Thực trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ em tại trường mầm non Trung Vương, TP Thái Nguyên năm 2020	ThS. Thân Đức Mạnh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Trương Thị Thùy Dương Trần Thị Huyền Trang Hà Thị Huân	
90.	YD2020-141	Cơ sở	Thực trạng đảm bảo an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể ở 1 số trường mầm non thành phố Thái Nguyên	ThS. Trần Thị Huyền Trang	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trương Thị Thùy Dương	
91.	YD2020-142	Cơ sở	Ứng dụng kỹ thuật thăm dò chức năng hô hấp vào giảng dạy sinh viên YHDP tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	ThS. Hòa Thị Hồng Hạnh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Đỗ Văn Hàm Nguyễn Việt Quang Nguyễn Thị Hồng Nhung	
92.	YD2020-149	Cơ sở	Đánh giá sự hài lòng của người học với các lĩnh vực dịch vụ do Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên cung cấp	TS Vũ Thị Thu Hằng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Phương Lan Nguyễn Văn Thắng Hoàng Thị Minh Huệ	
93.	YD2020-189	Cơ sở	Kết quả phát hiện sớm bệnh Đái tháo đường tại cộng đồng bằng bộ test nhanh ở người cao tuổi tại thành phố Thái Nguyên năm 2020	TS Nguyễn Xuân Hòa	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Đỗ Văn Hàm Nguyễn Việt Quang Đinh Thị Ban Mai	
94.	YD2020-02K	Cơ sở	Kết quả phục hồi chức năng trên bệnh nhân đột quỵ não giai đoạn cấp tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	PGS.TS Trần Văn Tuấn	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Phạm Thị Kim Dung Nguyễn Thị Minh Nguyệt Lê Thị Quyên	
95.	YD2021-01	Cơ sở	Đánh giá kết quả chẩn đoán tổn thương ung thư dạ dày, đại tràng giai đoạn sớm tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thu Huyền	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Lương Thị Kiều Diễm	
96.	YD2021-13	Cơ sở	Kết quả phẫu thuật nội soi điều trị mất vững trước khớp vai do tổn thương Bankart tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thế Anh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Phương Ngân Mai Đức Dũng	
97.	YD2021-23	Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy cấp tại Trung tâm Nhi Khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Bé Hà Thành	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền Nguyễn Văn Bắc Dương Quốc Trường Nguyễn Thị Xuân Hương	
98.	YD2021-24	Cơ sở	Đặc điểm rối loạn đông máu của nhiễm trùng huyết sơ sinh tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Đỗ Thái Sơn	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Xuân Hương Hoàng Thị Huế Nguyễn Thị Thu Huyền Ngô Kim Quế Trần Tuấn Anh	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
99.	YD2021-26	Cơ sở	Kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết sơ sinh tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Dương Quốc Trường	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Văn Bắc Đỗ Thái Sơn Nguyễn Thị Thu Huyền Bê Hà Thành	
100.	YD2021-28	Cơ sở	Đánh giá tác dụng của phương pháp ngâm chân kết hợp bài thuốc toan táo nhân thang điều trị bệnh nhân tâm can suy nhược thể can thận âm hư	Lê Thị Hải Yến	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Ngô Hương Lý Hoàng Văn Thắng Đỗ Thanh Hiền	
101.	YD2021-31	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị thoái hóa khớp gối bằng phương pháp cấy chỉ catgut kết hợp với bài thuốc Tam Tỷ Thang.	Nguyễn Thị Bích	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Văn Thắng Đào Thanh Hoa	
102.	YD2021-37	Cơ sở	Thực trạng rối loạn nhận thức của bệnh nhân đột quỵ não đến khám tại khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	Trịnh Minh Phong	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Vũ Thị Tâm Nguyễn Thị Thu Hà	
103.	YD2021-38	Cơ sở	Đánh giá kết quả phục hồi chức năng hội chứng ống cổ tay khoa tại khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	Vũ Thị Tâm	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đỗ Thị Phương Thảo Nguyễn Phương Sinh	
104.	YD2021-39	Cơ sở	Đánh giá kết quả hoạt động trị liệu trong phục hồi chức năng sinh hoạt hàng ngày ở bệnh nhân nhồi máu não trên lều.	Nguyễn Thị Thanh Thu	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Phương Sinh Trịnh Minh Phong	
105.	YD2021-44	Cơ sở	Đặc điểm trầm cảm ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp điều trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Nguyễn Đắc Vinh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đàm Thị Bảo Hoa	
106.	YD2021-53	Cơ sở	Kết quả cải thiện chức năng bệnh nhân đau cột sống thắt lưng do thoái hóa điều trị tại Khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2021	Nguyễn Thị Kim Liên	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trịnh Minh Phong Lê Quang Hiếu Phạm Thị Nhung Vũ Việt Cường Trịnh Thị Hào	
107.	YD2021-80	Cơ sở	Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Ngọc Huyền	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Cố Thị Thu Hạnh Hoàng Thị Thu Hà Nông Phương Mai	
108.	YD2021-99	Cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật rút gọn đặc trưng	Trương Thị Hồng	1151/QĐ-	02/6/2022	Tốt	Hà Thị Hằng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trong bài toán phân tích dữ liệu y tế	Thuý	ĐHYD ngày 16/6/2022				
109.	YD2021-101	Cơ sở	Xây dựng mô hình phân tích dữ liệu bệnh tim mạch bằng phần mềm R	Đỗ Thị Phương Quỳnh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Tân Tiến Hà Thị Hằng Lê Thị Huyền My	
110.	YD2021-103	Cơ sở	Nghiên cứu sử dụng chất giữ ẩm AMS-1 và cỏ Vetiver cải tạo đất nhiễm Cardimi sau khai thác khoáng sản ở khu vực Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Vũ Thị Thúy	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đặng Văn Thành Nguyễn Xuân Hoà Trần Quốc Toàn	
111.	YD2021-105	Cơ sở	Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác y tế dự phòng thời kỳ đổi mới và một số bài học kinh nghiệm	Chu Tuấn Anh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đỗ Thị Nhung	
112.	YD2021-106	Cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học Y-Dược, ĐH Thái Nguyên	Trần Thị Thanh Thủy	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hứa Thanh Bình Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
113.	YD2021-107	Cơ sở	Đánh giá động cơ và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao cho sinh viên Bác sỹ đa khoa năm thứ 2 Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN	Hoàng Duy Trường	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nông Thái Hưng	
114.	YD2021-109	Cơ sở	Nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên qua việc dạy học dự án	Nguyễn Thị Thương Huyền	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt		
115.	YD2021-110	Cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc học môn tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên ngành y khoa trường Đại học Y Dược – ĐHTN	Nguyễn Thị Thanh Hồng	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Vũ Thị Hào Nguyễn Thị Khánh Ly	
116.	YD2021-111	Cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của tổ hợp các chất kích thích sinh trưởng lên phát sinh chồi và ra rễ ở cây nhân sâm chuyển gen GmCHI	Vũ Thị Như Trang	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Tô Thị Thúy Ngân	
117.	YD2021-117	Cơ sở	Nghiên cứu sự thay đổi sắt và ferritin huyết thanh ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Vũ Thị Thu Hằng Lâm Thị Thu Hương SV. Nguyễn Thu Hà	
118.	YD2021-119	Cơ sở	Chỉ số tỷ số AST trên tiêu cầu (Aspartate aminotransferase to Platelet Ratio Index) ở bệnh nhân xơ gan	Nguyễn Thị Hoa	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Tiêu Thị Văn Hạnh Triệu Thị Biển	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
119.	YD2021-121	Cơ sở	Giá trị của điện sinh lý thần kinh-cơ trong chẩn đoán bệnh lý chèn ép rễ thần kinh.	Hoàng Thu Soan	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Vũ Tiến Thăng Vi Thị Phương Lan	
120.	YD2021-122	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị thải sắt trên bệnh nhân thalassemia có quá tải sắt bằng Deferasirox tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	Nguyễn Thế Tùng	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Mã Thị Ánh Đỗ Bảo Khánh BSNT. Nguyễn Quang Hào	
121.	YD2021-124	Cơ sở	Nghiên cứu thực trạng hoạt động tự học của sinh viên ngành Y khoa, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thu Thái	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Thái Lương Thị Hồng Nhung Ngô Thị Mỹ Bình	
122.	YD2021-127	Cơ sở	Thực trạng sử dụng dịch vụ Y tế của người cao tuổi tại 1 xã của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2021 và một số yếu tố liên quan	Bùi Thị Việt Hà	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Tố Uyên Nguyễn Thu Hoài	
123.	YD2021-129	Cơ sở	Thực trạng hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại một số xã huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Ánh Bùi Thị Việt Hà Nguyễn Thu Hoài	
124.	YD2021-132	Cơ sở	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành về phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi ở một số xã huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Đàm Khải Hoàn	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Bùi Thị Việt Hà Đàm Thu Trang Trần Thị Hiền	
125.	YD2021-133	Cơ sở	Thực trạng chất lượng cuộc sống của người cao tuổi tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Ánh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tố Uyên Trương Thị Thùy Dương Nguyễn Huy Hoàng Lê Thị Huyền	
126.	YD2021-134	Cơ sở	Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống Covid-19 của người dân phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Cao Bá Khương	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thế Hoàng Ngô Thị Hồng	
127.	YD2021-140	Cơ sở	Thực trạng dinh dưỡng và kiến thức, thực hành dinh dưỡng hợp lý ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên năm 2021	Trương Thị Thùy Dương	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Lê Thị Thanh Hoa Trần Thị Huyền Trang Nguyễn Thị Ánh	
128.	YD2021-141	Cơ sở	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số	Lê Thị Thanh Hoa	1151/QĐ-	02/6/2022	Xuất sắc	Trương Thị Thùy Dương	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			yếu tố liên quan ở học sinh tại hai trường tiểu học huyện Đoàn Hùng, Phú Thọ		ĐHYD ngày 16/6/2022			Trần Thị Huyền Trang	
129.	YD2021-143	Cơ sở	Thực trạng một số bệnh tai mũi họng của công nhân nhà máy Kock Hoá, công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên, năm 2021	Nguyễn Việt Quang	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đỗ Văn Hàm Thân Đức Mạnh Lê Hoài Thu	
130.	YD2021-154	Cơ sở	Kết quả phục hồi chức năng nhận thức trên bệnh nhân đột quỵ não tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên	Trần Văn Tuấn	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Phạm Thị Kim Dung Nguyễn Thị Minh Nguyệt Lê Thị Quyên Món Thị Uyên Hồng Bùi Thị Huyền Đàm Văn Hùng	
131.	YD2021-155	Cơ sở	Khẩu phần ăn của bệnh nhân suy thận mạn tính có lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên	Trần Thị Huyền Trang	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trương Thị Thùy Dương	
132.	YD2021-156	Cơ sở	Sự chấp nhận tiêm và mức độ sẵn sàng chi trả Vaccine dự phòng COVID -19	Nguyễn Thị Phương Lan	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thế Hoàng Hoàng Minh Nam Hòa Thị Hồng Hạnh Thân Đức Mạnh Cao Bá Khương Lê Thị Huyền Nguyễn Thu Hoài	
133.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng một số bài tập thể dục thể thao tại chỗ để phát triển thể chất cho sinh viên năm thứ 2 Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	TS. Hoàng Duy Tường	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Khá	Nông Thái Hưng	
134.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Nhân thức và đổi mới tư duy của Đảng về kinh tế tư nhân trong thời kỳ đổi mới	TS. Hứa Thanh Bình	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt		
135.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Áp dụng phần mềm Quizziz để nâng cao từ vựng chuyên ngành y cho sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt		
136.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Khảo sát một số trở ngại của sinh viên năm thứ 2 trường Đại học Y Dược Thái Nguyên khi học online tiếng Anh chuyên ngành và đề xuất một số giải	ThS. Vũ Thị Hào	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Khánh Ly Nguyễn Thị Thanh Hồng	



Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			pháp.						
137.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Nghiên cứu về tính tự chủ trong học tập và việc sử dụng tiếng Anh chuyên ngành bác sĩ y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Xuất sắc	Nguyễn Thị Khánh Ly Vũ Thị Hào	
138.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng của trí tuệ tính toán trong hỗ trợ ra quyết định chẩn đoán bệnh	Trương Thị Hồng Thúy	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Đỗ Thị Hồng Nga	
139.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Xây dựng hệ thống bài tập phần công thức xác suất toàn phần Bayes để rèn luyện tính mềm dẻo trong tư duy sáng tạo.	Đỗ Thị Phương Quỳnh	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Khá	Hà Thị Hằng	
140.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Khảo sát chức năng thông khí phổi trên bệnh nhân sau mắc Covid - 19 đến khám tại bệnh viện trường đại học Y-Dược Thái Nguyên năm 2022	Hoàng Thu Soan	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	TS. Vũ Tiến Thăng TS. Vũ Thị Thu Hằng ThS. Vi Thị Cơ sở Phương Lan	
141.	854/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá hiệu quả điều trị Decitabine trên bệnh nhân rối loạn sinh tủy (MDS) tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	SV Nguyễn Đức Thăng	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	khá	TS. Nguyễn Thế Tùng BSCKI. Mã Thị Ánh	
142.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng Trường đại học y dược - đại học Thái Nguyên về môi trường thực hành lâm sàng	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	TS. Nông Phương Mai CN. Cồ Thị Thu Hạnh	
143.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Mối quan hệ giữa năng lực tư duy phân biện và phương pháp học tập với thành tích học tập của sinh viên điều dưỡng	ThS. Lương Thị Hoa	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	TS. Nông Phương Mai ThS. Hoàng Thị Mai Nga	
144.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi sau nhiễm Covid -19 tại trung tâm Nhi khoa - bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Hoàng Thị Huệ	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Phương Nguyễn Thị Thu Huyền Lê Thị Hương	
145.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ mắc COVID - 19 tại trung tâm Hồi sức và điều trị người bệnh COVID -19 bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Bé Hà Thành	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023		Nguyễn Thị Xuân Hương Lê Thị Kim Dung Nguyễn Thị Thu Huyền	
146.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, nội soi và mô bệnh học viêm loét đại	ThS. Phạm Thị Ngọc Mai	1236/QĐ-ĐHYD ngày	14/6/2023	Khá	TS. Lê Phong Thu ThS. Nguyễn Thu Thủy	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trăng mạn tính trên bệnh phẩm sinh thiết qua nội soi tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2022.		14/6/2023			ThS. Hoàng Thị Luân	
147.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành về chăm sóc trẻ của phụ huynh có con học tiểu học mắc COVID tại một xã của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Tố Uyên	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	ThS Vũ Thị Thanh Hoa PGS.TS Đàm Thị Tuyết ThS Nguyễn Thị Ánh	
148.	854/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến sức khỏe tâm thần của sinh viên y đa khoa tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	SV Phạm Thị Phương Thảo GVHD: TS. Nguyễn Thị Tố Uyên	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	TS. Trịnh Quỳnh Giang Lộc Văn Tân Nguyễn Thị Trà My	
149.	854/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Tương quan giữa các chỉ số xét nghiệm hóa, lý và sinh học của nước sinh hoạt tại thành phố Thái Nguyên	SV Nguyễn Xuân Tú GVHD: ThS. Nguyễn Việt Quang	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	ThS. Lê Hoài Thu Nguyễn Thị Mai Lê	
150.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Tỷ số TG/HDL và một số chỉ số hóa sinh huyết tương ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Nguyễn Thị Hoa	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Xuất sắc	ThS. Phạm Thị Quyên ThS. Vũ Thị Hoài Thu	
151.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Khảo sát tình trạng nhiễm vi khuẩn trong một số thịt và sản phẩm từ thịt ở chợ tại thành phố Thái Nguyên	ThS. Nguyễn Văn Thu	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Khá	TS. Trần Thị Hồng Vân CN. Nguyễn Thị Hiền ThS. Trần Ngọc Anh	
152.	854/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa sau phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	SV Đoàn Thị Nhung GVHD: TS. Trần Thị Hồng Vân	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Ths. Hoàng Văn lâm	
153.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Giá trị của siêu âm và X-quang trong chẩn đoán xoắn ruột do ruột xoay bất toàn ở trẻ em.	TS. Trần Phan Ninh (GVTG)	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Nguyễn Văn Kiên Lê Thị Mai Lan Nguyễn Văn Sang Nguyễn Thị Hoa	
154.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá kết quả can thiệp kỹ thuật vận động cường bức bên liệt trong phục hồi	BS. Nguyễn Thủy Trang	1236/QĐ-ĐHYD ngày	14/6/2023	Tốt	Nguyễn Phương Sinh Trịnh Minh Phong	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			chức năng chi trên ở bệnh nhân đột quỵ nhồi máu não giai đoạn cấp tại Trung tâm Phục Hồi Chức Năng Bệnh Viện Bạch Mai		14/6/2023				
155.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị viêm cân gan bàn chân bằng sóng xung kích tại Khoa Phục Hồi Chức Năng Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2022	Ths. Trinh Minh Phong	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Vũ Thị Tâm Nguyễn Phương Sinh Phạm Thanh Hải Phạm Thị Kim Cúc Nguyễn Thị Kim Oanh	
156.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá kết quả của phương pháp laser nội mạch điều trị mất ngủ trên bệnh nhân đau cột sống cổ năm 2022	ThS. Vũ Thị Tâm	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Đàm Thị Bảo Hoa Nguyễn Phương Sinh	
157.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá kết quả phục hồi chức năng ở bệnh nhân sau phẫu thuật mổ mở ổ bụng bằng phương pháp vận động sớm tại bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2022	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thu	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	khá	BS CKI. Nguyễn Thị Thu Hà	
158.	854/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị thoái hóa khớp tại khoa Phục hồi chức năng bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2022.	SV Nguyễn Thu Trang GVHD: ThS. Vũ Thị Tâm	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Tốt	Đỗ Thị Phương Thảo	
159.	855/QĐ-ĐHYD ngày 29/4/2022	Cơ sở	Mối liên quan giữa một số chỉ số huyết học khi nhập viện với kết quả điều trị bệnh nhân chảy máu dưới nhện tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	14/6/2023	Xuất sắc	Trần Văn Tuấn Lê Thị Quyên Món Thị Uyên Hồng	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai  
(Ký tên xác nhận)

  
Nguyễn Thị Thùy Lan.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo  
(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)**

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
1.	Research and evaluate the anagelsis effects of the tincture from the Monordica cochinchinesis seed - Ramulus cinnamomi	Nguyễn Thu Quỳnh Trần Văn Tuấn	Military pharmaco Medicine	2019			
2.	Physical activity, and diet quality on the relationship between comorbidity and disability among stroke patients.	Lien T. K. Nguyen, Binh N. Do, Dinh N. Vu, Khue M. Pham, Manh-Tan Vu, Hoang C. Nguyen, Tuan V. Tran, Hoang P. Le, Thao T. P. Nguyen, Quan M. Nguyen, Cuong Q. Tran, Kien T. Nguyen, Shwu-Huey Yang, Jane C.-J. Chao and Tuyen Van Duong*	Nutrient 2021, 13,1641	2021			
3.	Clinical Efficacy of Cerebrolysin and Cerebrolysin plus Nootropics in the Treatment of Patients with Acute Ischemic Stroke in Vietnam	<u>Luc Tran<sup>1</sup>, X Anton Alvarez<sup>2</sup>, Hoang-Anh Le<sup>3</sup>, Dat-Anh Nguyen<sup>4</sup>, Thinh Le<sup>5</sup>, Ngoc Nguyen<sup>6</sup>, Thang Nguyen<sup>7</sup>, Tai Nguyen<sup>8</sup>, Tan Vo<sup>9</sup>, Tuan Tran<sup>10</sup>, Chinh Duong<sup>11</sup>, Huyen Nguyen<sup>12</sup>, Sam Nguyen<sup>13</sup>, Hien Nguyen<sup>14</sup>, Thanh Le<sup>15</sup>, Minh Nguyen<sup>16</sup>, Thang Nguyen<sup>17</sup></u>	CNS	2021			
4.	Trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân nhồi máu não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Phạm Thị Kim Dung, Lê Thị Quyên	Tạp chí thần kinh học Việt Nam	2021			
5.	Rối loạn vận động, biến chứng vận động và ngã ở bệnh nhân Parkinson giai đoạn 3 và 4 theo Hoehn và Yahr	Món Thị Uyên Hồng, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thị Minh Nguyệt,	Tạp chí thần kinh học Việt Nam	2021			



STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
		Phạm Thị Kim Dung, Lê Thị Quyên					
6.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến việc tuân thủ điều trị ở bệnh nhân tăng huyết áp tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Lê Thị Quyên, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Món Thị Uyên Hồng, Phạm Thị Kim Dung, Lê Thanh Hiếu, Tạ Thị Hà	Tạp chí thần kinh học Việt Nam	2022			
7.	Kết quả điều trị đa mô thức trên các bệnh nhân đau mạn tính tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Triệu Thị Tạo, Bùi Thị Huyền, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Lê Thị Quyên, Nguyễn Đình Duy, Nguyễn Thị Khánh, Món Thị Uyên Hồng.	Tạp chí thần kinh học Việt Nam	2022			
8.	Predictors of eHealth Literacy and Its Associations with Preventive Behaviors, Fear of COVID-19, Anxiety, and Depression among Undergraduate Nursing Students: A Cross-Sectional Survey. <i>International Journal of Environmental Research and Public Health</i> (19, 3766)	Đàm Thị Bảo Hoa	Tạp chí Quốc tế	2022			
9.	Fear of COVID-19 Scale—Associations of Its Scores with Health Literacy and Health-Related Behaviors among Medical Students. <i>International Journal of Environmental Research and Public Health</i> (17, 4164)	Đàm Thị Bảo Hoa	Tạp chí Quốc tế	2020			
10.	Digital Healthy Diet Literacy and Self-Perceived Eating Behavior Change during COVID-19 Pandemic among Undergraduate Nursing and Medical Students: A Rapid Online Survey. <i>International Journal of Environmental Research and Public Health</i> (17, 7185)	Đàm Thị Bảo Hoa	Tạp chí Quốc tế	2020			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
11.	Đặc điểm lâm sàng và nhân cách ở bệnh nhân rối loạn phân ly điều trị tại khoa Tâm thần Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Nguyễn Đắc Vinh, Đàm Thị Bảo Hoa, Trịnh Quỳnh Giang	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i>	2020			3-9
12.	Thực trạng trầm cảm ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 điều trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Nguyễn Đắc Vinh, Đàm Thị Bảo Hoa, Trịnh Xuân Tráng.	<i>Tạp chí Y học thực hành</i>	2020			48-52
13.	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan của các rối loạn liên quan đến stress tại Khoa Tâm thần Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Đàm Thị Bảo Hoa, Nguyễn Đắc Vinh.	<i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i>	2020			
14.	Đặc điểm nhân cách và mối liên quan với kết quả điều trị ở bệnh nhân rối loạn lo âu lan tỏa điều trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Đàm Thị Bảo Hoa, Nguyễn Đắc Vinh.	<i>Tạp chí Thần kinh học Việt Nam</i>	2020			29
15.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến lo âu, trầm cảm ở sinh viên ngành Y khoa Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	Đàm Thị Bảo Hoa, Nguyễn Đắc Vinh.	<i>Tạp chí Thần kinh học Việt Nam</i>	2022			
16.	Kết quả điều trị bệnh nhân mất ngủ do đau cột sống cổ bằng phương pháp laser nội mạch.	Vũ Thị Tâm, Trần Văn Tuấn, Đàm Thị Bảo Hoa.	<i>Tạp chí Thần kinh học Việt Nam</i>	2022			38
17.	Thực trạng trầm cảm của người cao tuổi ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.	Đình Công Hoan, Đàm Thị Bảo Hoa.	<i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 524(1A)</i>	2023			
18.	Keo fibrin tự thân trộn kháng sinh.	Hoàng Thu Soan, Vi Thị Phương Lan, Vũ Tiến Thăng, Nguyễn Kiều Giang, Vũ Thị Kim Liên, Nguyễn Thu Quỳnh.	<i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i>	2019	484	1	258-261
19.	Kết quả nghiên cứu bước đầu về tốc độ giải phóng kháng sinh và tác dụng kháng khuẩn in vitro của chế phẩm keo Fibrin -Cefazolin.	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Nguyễn Thị Thu Thái, Nguyễn Thu Quỳnh,	<i>Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam),</i>	2020	3	24	17-24

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
		Vũ Thị Kim Liên, Phạm Thị Thu Hương, Hán Thị Hải Yến.					
20.	Hiệu quả cầm máu và làm lạnh vết thương của keo fibrin tự thân trên động vật thực nghiệm	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Vũ Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Thu Thái, Vũ Hoàng Phương Thúy, Nguyễn Mai Hương, Bùi Thị Kiều Vân, Phạm Thị Thu Hương	<i>Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)</i>	2021	25	2	37-44
21.	Đặc điểm một số chỉ số siêu âm doppler mạch máu não ở bệnh nhân thoái hóa cột sống cổ.	Vi Thị Phương Lan, Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Chu Hoàng Hưng.	<i>Tạp chí Y dược học Quân sự</i>	2021			87-93
22.	Giá trị của sóng F trong chẩn đoán chèn ép rễ thần kinh.	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Vi Thị Phương Lan, Khương Hoàng Anh, Đỗ Cảnh Dương.	<i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 513(1)</i>	2022			11-16
23.	Khả năng làm lạnh vết thương hở của keo fibrin tự thân trộn cefazolin trên thỏ.	Hoàng Thu Soan, Vi Thị Phương Lan, Vũ Tiến Thăng.	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên) 1(1)</i>	2022			216-230
24.	Đặc điểm các chisóxét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi trên bệnh nhân copd.	Tạ Minh Thư, Phạm Thị Hồng Liên, Hoàng Thu Soan, Vi Thị Phương Lan, Vũ Tiến Thăng.	<i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 537(1)</i>	2024			263-267
25.	Đặc điểm lâm sàng và chức năng thông khí của bệnh nhân sau mắc COVID-19	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Vũ Thị Thu Hằng, Vi Thị Phương Lan	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	06/2023	527	2	
26.	Đặc điểm mật độ xương của đối tượng 10 đến 49 tuổi tại tỉnh Thái Nguyên	Hoàng Thu Soan, Vi Thị Phương Lan, Vũ Tiến Thăng	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	05/2023	228	09	116-122

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
27.	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ bệnh nhân nhồi máu não trẻ tuổi tại khu vực miền núi phía bắc	Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Quỳnh, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Phương Sinh, Phạm Thị Thùy, Bùi Thị Huyền, Lò Minh Trọng, Hồ Cẩm Tú	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	05/2024	22	05	488 - 493
28.	Clinical case report of acute heart injury and acute rhabdomyolysis due to cyanide poisoning	Nguyen Dang Duc, Nguyen Phuong Sinh, Lam Nguyen Hong Anh	<i>Open Journal of Emergency Medicine</i>	April 11, 2024	<u>Vol.12</u>	No.2	
29.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của sản phụ đẻ non tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Tiến Tới, Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Phương Sinh, Cao Thị Quỳnh Anh, Hoàng Quốc Huy	Tạp chí Phụ sản	2023	21	4-5	69-74
30.	Đặc điểm lâm sàng và kết quả sản khoa của sản phụ nhiễm covid 19 tại trung tâm hồi sức covid Thái Nguyên	Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Phương Sinh, Bê Thị Hoa, Cao Thị Quỳnh Anh, Hoàng Quốc Huy	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	07/2023	2	528	25-28
31.	Khảo sát kiến thức thái độ của người bố về nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa sản Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Phương Sinh, Ngô Thị Vân Huyền, Bê Thị Hoa, Hoàng Thị Thu, Nguyễn Thị Duyên	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	07/2022	2	516	90-94
32.	Đánh giá kết quả can thiệp bài tập nuốt trên bệnh nhân tai biến mạch máu não có rối loạn nuốt tại Khoa Phục Hồi Chức Năng-Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên	Nguyễn Phương Sinh, Vũ Thị Tâm, Trần Thị Liên	Tạp chí REVUE MÉDICALE	12/2019	2		65 - 71
33.	Kiến thức, thái độ, thực hành về phục hồi chức năng của người chăm sóc cho bệnh nhân sau tai biến mạch máu não tại Khoa Phục Hồi Chức Năng-Bệnh Viện trung ương thái nguyên	Nguyễn Phương Sinh, Vũ Thị Tâm	Tạp chí REVUE MÉDICALE	12/2019	2		72 - 76



STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
34.	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gương trị liệu đến chức năng vận động ở bệnh nhân liệt nửa người do đột quỵ não tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Phương Sinh, Trịnh Minh Phong, Kê Thị Tuyết Chinh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	21/1/20	1	489	131-136
35.	Một số yếu tố có liên quan đến kết quả phục hồi chức năng bằng phương pháp gương trị liệu kết hợp tập vận động trị liệu ở bệnh nhân liệt nửa người do đột quỵ não	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Phương Sinh, Nguyễn Vũ Phương, Đương Thu Hồng, Trịnh Minh Phong	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	21/1/20	2	498	112-117
36.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến vệ sinh cột sống ở học sinh tiểu học Tỉnh Thái Nguyên.	Trịnh Minh Phong, Nguyễn Thành Trung, Hoàng Khải Lập	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	23/2/20	2		396 - 399
37.	Hiệu quả can thiệp phục hồi chức năng vệ sinh cột sống ở học sinh tiểu học tại Tỉnh Thái Nguyên". Tạp chí Y học Việt Nam.	Trịnh Minh Phong, Nguyễn Thành Trung, Hoàng Khải Lập	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	10/2023	2		406 - 410
38.	Đánh giá kết quả điều trị thoái hóa khớp gối bằng các phương pháp vật lý trị liệu tại khoa phục hồi chức năng Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên Năm 2022	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Phương Sinh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	10/2023	1B	531	121-125
39.	Kết quả điều trị mất ngủ bằng do đau cột sống cổ bằng phương pháp laser nội mạch	Vũ Thị Tâm, Trần Văn Tuấn, Đàm Thị Bảo Hoa.	Tạp chí Thần kinh học Việt Nam	2023	38		32-38
40.	Đánh giá hiệu quả can thiệp bằng giáo dục truyền thông và tập luyện phục hồi chức năng cho trẻ con vệ sinh cột sống từ 6 -15 tuổi tại Thái Nguyên	Nguyễn Phương Sinh, Vũ Thị Tâm	Tạp chí Y dược Lâm sàng 108	4/2021			62-68
41.	Kết quả điều trị viêm điểm bám gân lồi cầu xương cánh tay bằng các phương pháp vật lý trị liệu tại Khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Phương Sinh, Vũ Thị Tâm	Tạp chí Y dược Lâm sàng 108	4/2021			56-61
42.	Đánh giá kết quả điều trị kết hợp của sóng xung kích trong giảm đau vùng cột sống thắt lưng tại Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Thị Thu Hà	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	4/2021	1	501	67-71

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
43.	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gương trị liệu đến chức năng vận động ở bệnh nhân liệt nửa người do Đột quy não tại Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền Cao Bằng	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Phương Sinh, Trịnh Minh Phong, Kê Thị Tuyết Chinh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	1/2021	1	498	131 - 136
44.	Một số yếu tố có liên quan đến kết quả phục hồi chức năng bằng phương pháp gương trị liệu kết hợp với vận động trị liệu ở bệnh nhân liệt nửa người do đột quy não	Vũ Thị Tâm, Nguyễn Phương Sinh, Nguyễn Vũ Phương, Duong Thu Hồng, Trịnh Minh Phong	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	1/2021	2	498	112 - 117
45.	Khảo sát thực trạng bệnh nhân liệt nửa người do đột quy não tại Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền Cao Bằng	Vũ Thị Tâm, Lê Thị Tuyết Chinh, Vũ Thị Hồng Anh, Vi Thị Thập Lan	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	1/2021	2	498	17 - 22
46.	Đánh giá kết quả hoạt động trị liệu trong phục hồi chức năng sinh hoạt hàng ngày ở bệnh nhân nhồi máu não trên lều.	Nguyễn Thị Thanh Thu, Nguyễn Thị Kim Liên	Tạp chí Y học Việt Nam	09/2021	2	506	245-249
47.	Đánh giá kết quả can thiệp vận động cưỡng bức bên liệt và trị liệu phối hợp hai tay trên trẻ bại não thể co cứng	Đỗ Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Hoài Nam	Tạp chí Y học Việt Nam	24/11/2023	1	532	278-281
48.	Kết quả phối hợp can thiệp gương trị liệu và vận động cưỡng bức bên liệt cường độ thấp trong phục hồi chức năng chi trên ở người bệnh nhồi máu não giai đoạn cấp	Nguyễn Thùy Trang Lương Tuấn Khanh	Tạp chí Sinh lý học		4	25	77-82
49.	Kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh ở người cao tuổi tại phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Ngô Thị Mỹ Bình, Hồ Lương Nhật Vinh, Lê Thanh Liêm	Tạp chí Y Dược học Cần Thơ	2019		22-25	
50.	Thực trạng sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại phòng khám tăng huyết áp Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2019	485	1&2	

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
51.	Thực trạng sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị tăng huyết áp ngoại trú tại phòng khám tăng huyết áp, Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2019	485	1&2	
52.	Dấu hiệu trầm cảm của sinh viên y khoa Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Phạm Ngọc Minh, Nguyễn Thị Quyên, Trần Bảo Ngọc, Hạc Văn Vinh, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thanh Hòa	Tạp chí Y học thực hành	12/2019			126-133
53.	Hiệu quả sử dụng một số tính năng của phần mềm Moodle trong giảng dạy vật lý – Lý sinh cho sinh viên hệ cử nhân điều dưỡng	Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2019			
54.	Nghiên cứu khả năng diệt khuẩn của vật liệu ZnO bằng phương pháp hóa siêu âm	Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Thành Trung, Trần Thị Đông, Trần Quốc Toàn, Đỗ Trà Hương	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học	2019			
55.	Thực trạng học tập của sinh viên Y Dược năm thứ nhất ở trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Thị Ánh, Trương Thị Thùy Dương, Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Thị Huyền My, Trần Bảo Ngọc	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	10/2019	483	2	291-295
56.	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ 18 – 49 tuổi có chồng tại huyện phú lương, tỉnh thái nguyên	Bùi Thị Việt Hà	Tạp chí Y học thực hành	12/2019	1120	12	
57.	Thực trạng kiến thức, thực hành về ung thư vú và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ từ 15-49 tuổi ở xã La Hiền, huyện Võ Nhai năm 2018	Hoàng Minh Nam, Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2019		1	107

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
58.	Thực trạng lưu giữ chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y học thực hành	2019		9	33- 36
59.	Thực trạng phân loại chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y học cộng đồng	2019		5	108 - 113
60.	Thực trạng sử dụng internet của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2019	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học thực hành	12/2019	1123	12	32-35
61.	Thực trạng thu gom chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y học cộng đồng	2019		5	114- 117
62.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích của người dân huyện Văn Quang tỉnh Thái Nguyên	Trương Quý Trường, Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	11/2019		1	78
63.	Thực trạng vận chuyển chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y học thực hành	2019		9	57 - 59
64.	Thực trạng xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y học thực hành	2019		9	185 - 186
65.	Đặc điểm một số yếu tố vật lý trong phòng học tại các trường THCS-thành phố Yên Bái năm học 2018-2019	Nguyễn Việt Quang, Lê Hoài Thu, Thân Đức Mạnh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	01/2019			
66.	Stress và các yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại bệnh viện trung ương thái nguyên	Phùng Văn Lợi	Tạp chí Y học thực hành	09/2019		9(1110)	4-7

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
67.	Chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại thành phố thái nguyên năm 2019 và một số yếu tố liên quan	Lê Hoài Thu	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2019			
68.	Stress và các yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại bệnh viện trung ương thái nguyên	Phùng Văn Lợi	Tạp chí Y học thực hành	09/2019		9(1110)	4-7
69.	Thực trạng sức khỏe, bệnh tật của công nhân khai thác kim loại màu tỉnh Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Việt Quang	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108	2020	Chuyên đề		75-80
70.	kiến thức thái độ thực hành chăm sóc sức khoẻ sinh sản vị thành niên thanh thiếu niên của học sinh trường trung học phổ thông Dương Tự Minh thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên năm 2019	Nguyễn Thu Hoài, Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2020			
71.	sự hài lòng của người bệnh nội trú đối với dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y Dược học (Đại học Y Dược Huế)	10/2020		5	139
72.	Thực trạng bệnh tăng huyết áp ở người cao tuổi và một số yếu tố liên quan tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Lê Hoài Thu, Nguyễn Việt Quang, Đào Thị Minh An	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	03/2020	488	1	
73.	Thực trạng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại một số xã miền núi thuộc huyện Định Hoá tỉnh Thái Nguyên năm 2019	Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thu Hoài, Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2020			
74.	Nghiên cứu tác dụng của cao đặc Testin CT3 trên mô hình gây suy giảm sinh sản bằng stress nhiệt	Nguyễn Thị Phương Thảo, Châu Văn Việt, Nguyễn Hoàng Ngân, Vũ Mạnh Hùng, Vũ Văn Điền	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	10/2020	495	2	
75.	Đánh giá tác dụng sinh tinh của cao đặc Testin CT3 trên mô hình gây suy giảm sinh sản bằng stress giam giữ	Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Mạnh Hùng, Đặng Thành Chung, Vũ Văn Điền, Châu Văn Việt,	Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)	06/2020	24	2	1

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
		Nguyễn Hoàng Ngân					
76.	Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn lipid máu của lá trà hoa vàng Hakodae Ninh Tam Đảo	Nguyễn Hồng Hạnh, Ngô Thị Mỹ Bình, Hoàng Lan Hiệp, Nguyễn Hoàng Ngân	Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)	09/2020	24	3	
77.	Đánh giá độc tính cấp và tác dụng hạ lipid máu của trà Halima trên mô hình gây tăng lipid máu nội sinh	Phùng Vân Băng, Ngô Thị Mỹ Bình, Nguyễn Hoàng Ngân, Lê Hồng Phú, Nguyễn Hồng Hạnh, Trịnh Thị Vân Anh	Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)	09/2020	24	3	
78.	Thực trạng kiến thức của người Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nông Phương Mai, Nguyễn Ngọc Huyền, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam	08/2020	469	30	39 - 45
79.	Thực trạng kiến thức của người Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nông Phương Mai, Nguyễn Ngọc Huyền, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam	08/2020	469	30	39 - 45
80.	Ảnh hưởng của Polyme siêu hấp thụ nước AMS-1 đến khả năng hấp thụ cadimi của cỏ ventiver trồng trên đất ô nhiễm	Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy, Đặng Văn Thành	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học	2021	26	4B	
81.	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến công việc, cuộc sống và sức khỏe tâm thần của người dân tỉnh Thái Nguyên năm 2020	Hoàng Minh Nam, Hòa Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Phương Lan, Trần Thị Hồng Vân, Hạc Văn Vinh, Nguyễn Thị Quyên, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Y học dự phòng	01/2021	31	2	49-55
82.	Hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS ở nam đồng tính tại TP Thái Nguyên năm 2020	Dương Phương Hiếu, Nguyễn Mạnh Tuấn, Hạc Văn Vinh, Phạm Minh Anh, Lê Thị Huyền Trang	Tạp chí Y học cộng đồng	04/2021	65	4	120-126

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
83.	Kết quả phát hiện nhanh đái tháo đường ở người cao tuổi tại một số phường xã thuộc thành phố Thái Nguyên	Đinh Thị Ban Mai, Đỗ Văn Hàm, Nguyễn Thị Tân Tiên, Nguyễn Xuân Hòa	Tạp chí Y học cộng đồng	06/2021			
84.	Khảo sát sự hài lòng của người học về dịch vụ đào tạo tại trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên	Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Lan	Tạp chí Y học dự phòng	03/2021			
85.	Một số yếu tố liên quan đến bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi tại Thành phố Thái Nguyên	Nguyễn Xuân Hòa, Đỗ Văn Hàm	Tạp chí Y học dự phòng	11/2021	31	9	138
86.	Thực trạng chức năng hô hấp ở sinh viên ngành Bác sỹ y học dự phòng trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên	Hòa Thị Hồng Hạnh, Đỗ Văn Hàm, Thân Đức Mạnh, Nguyễn Việt Quang, Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2021			
87.	Thực trạng hoạt động thể lực của sinh viên ngành y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học thực hành	02/2021		14	
88.	Thực trạng một số yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi tại Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên năm 2020	Lê Hoài Thu, Nguyễn Việt Quang	Tạp chí Y học dự phòng	2021			
89.	Thực trạng quản lý bệnh nhân Lao/HIV tại trạm y tế xã của tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	07/2021			
90.	Thực trạng stress của sinh viên chính quy năm cuối thuộc các chuyên ngành tại trường đại học y - dược thái nguyên năm 2020 và một số yếu tố liên quan.	Lê Hoài Thu	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2021			
91.	Thực trạng sức khỏe, bệnh tật của công nhân khai thác kim loại màu tỉnh Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Tân Tiên, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Việt Quang	Tạp chí Y Dược học Lâm sàng 108	03/2021			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
92.	Thực trạng trầm cảm của sinh viên chính quy năm cuối thuộc các chuyên ngành tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Lê Hoài Thu, Nguyễn Việt Quang	Tạp chí Y học dự phòng	2021			
93.	Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Nha Trang năm 2021	Lê Tấn Lực, Vũ Thị Thu Hằng, Bùi Thị Tú Quyên	Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển	12/2021	05	06-2021	
94.	Thực trạng xử trí sau phơi nhiễm với bệnh dại của đối tượng đến điều trị dự phòng tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh thái nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên, Bùi Thị Việt Hà	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	02/2021		số 14	
95.	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại Khoa Nội Tim Mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	04/2021		18	87
96.	Thực trạng sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại Khoa Nội, Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên	Lại Thị Ngọc Anh, Ngô Thị Mỹ Bình, Đoàn Thùy Trang	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	04/2021	24	18	74
97.	Thực trạng kiến thức, thực hành của người bệnh mạch vành đang điều trị tại khoa nội tim mạch - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học (Đại học Cần Thơ)	2021		35	
98.	ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC BỆNH SUY THẬN MẠN, SỰ TỰ TIN VÀ HÀNH VI TỰ QUẢN LÝ BỆNH CỦA NGƯỜI BỆNH SUY THẬN MẠN TẠI THÁI NGUYÊN	Phùng Văn Lợi, Đào Thanh Xuyên	Tạp chí Dược học (Bộ Y tế)	04/2021		18	37-43
99.	Sự lo âu và các yếu tố liên quan của người bệnh nội soi phế quản tại Khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Đào Trọng Quân, Nông Phương Mai	Tạp chí Y Dược học Cần Thơ	2021	34		
100.	Thực trạng kiến thức, thực hành của người bệnh mạch vành đang điều trị tại khoa nội tim mạch - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học (Đại học Cần Thơ)	2021		35	



STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
101.	Đánh giá kiến thức bệnh suy thận mạn, sự tự tin và hành vi tự quản lý bệnh của người bệnh suy thận mạn tại thái nguyên	Phùng Văn Lợi, Đào Thanh Xuyên	Tạp chí Dược học (Bộ Y tế)	04/2021		18	37-43
102.	Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của người dân tỉnh Cao Bằng	Hoàng Minh Nam, Đào Thị Hồng Phương, Nguyễn Thị Phương Lan, Trương Thị Thùy Dương, Hòa Thị Hồng Hạnh, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)	06/2022	01	01	
103.	Thực trạng hoạt động truyền thông phòng chống COVID-19 tại một số xã huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thị Ánh	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	06/2022	515	2	256-261
104.	Thực trạng sử dụng dịch vụ y tế của người cao tuổi tại một số xã huyện phú lương tỉnh thái nguyên năm 2021 và yếu tố liên quan	Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thu Hoài	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)	06/2022	1	1	
105.	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh năm 2022	Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Lan	Tạp chí Y học dự phòng	10/2022	32	7	121-130
106.	Thực trạng thực hiện nhiệm vụ lâm sàng của cán bộ y tế tại Trung tâm Cấp cứu 115 và Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Vũ Thanh Tùng, Hà Xuân Sơn, Hạc Văn Vinh	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	02/2022		43	138-140
107.	Đặc điểm bệnh tai mũi họng của công nhân nhà máy Cốc Hóa, Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên năm 2021	Nguyễn Việt Quang, Lê Thị Thanh Hoa, Lê Hoài Thu, Đỗ Văn Hàm, Thân Đức Mạnh, Hoàng Thu Hà, Lê Thanh Sơn	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	05/2022			
108.	Antibiotic usage among the elderly in Tan Loi commune, Dong Hy district, Thai Nguyen province, Vietnam	Tran Thị Phương Anh, Hạc Văn Vinh, Cao Bá Khương	Tạp chí MedPharmRes	02/2022			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
109.	Xây dựng công thức bào chế viên nang chứa một miết tử	Nguyễn Khắc Tùng, Nguyễn Thu Quỳnh, Nguyễn Thị Hoa	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	02/2022	277	5	45-51
110.	Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao lỏng Đảng sâm thu hái tại Sùng Trái, Hà Giang	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh, Đàm Khải Hoàn, Hoàng Thái Hoa Cương, Nguyễn Duy Thư	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	05/2022		49	30-36
111.	Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại Khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2022	227	05/2022	285-292
112.	Sự hài lòng của gia đình bệnh nhi điều trị phẫu thuật tại Khoa Ngoại nhi - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Ngọc Anh, Vũ Minh Ngọc, Hùng Thị Thu Hoà	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2022			
113.	Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại Khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2022	227	05/2022	285-292
114.	Sự hài lòng của gia đình bệnh nhi điều trị phẫu thuật tại Khoa Ngoại nhi - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Ngọc Anh, Vũ Minh Ngọc, Hùng Thị Thu Hoà	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2022			
115.	A novel approach to modelling a diagnosis and treatment of traditional Vietnamese medicine	Trương Thị Hồng Thúy, Nguyễn Hoàng Phương	Tạp chí Tin học và Điều khiển học	2023			
116.	Kết quả quản lý điều trị bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi tại trung tâm y tế huyện phú lương tỉnh thái nguyên	Nguyễn Thị Tô Uyên, Đương Việt Bằng	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	03/2023			
117.	Kết quả điều trị hội chứng rối loạn sinh tủy bằng Decitabine tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Mã Thị Ánh, Nguyễn Quang Hào, Nguyễn Thế Tùng	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2023			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
118.	Khảo sát những trở ngại của sinh viên năm thứ hai Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên khi học ONLINE tiếng Anh chuyên ngành	Vũ Thị Hào, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Khánh Ly	Tạp chí thiết bị Giáo dục	2023			
119.	Kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng cho trẻ dưới 2 tuổi của người chăm sóc tại bệnh viện trung ương thái nguyên năm 2022	Trần Lê Thu, Nông Phương Mai, Nguyễn Thị Tú Ngọc	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)	2023			
120.	Kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng dị tật bẩm sinh của phụ nữ mang thai tại huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Phan Mạnh Hoàng, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Tố Uyên, Hoàng Minh Nam	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	01/2023	228	01	450-456
121.	Nghiên cứu lựa chọn bài tập thể dục thể thao tại chỗ phát triển thể chất cho sinh viên bác sĩ đa khoa năm thứ 2 trường ĐH Y-Dược, Đại học Thái Nguyên	Hoàng Duy Tường, Nguyễn Thị Bình	Tạp chí thiết bị Giáo dục	06/2023		đặc biệt	
122.	Nghiên cứu về tính tự chủ trong học tập và việc sử dụng tiếng Anh chuyên ngành ngoài lớp học của sinh viên ngành bác sĩ y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	Nguyễn Thị Thanh Hồng, Vũ Thị Hào, Nguyễn Thị Khánh Ly	Tạp chí thiết bị Giáo dục	2023			
123.	Nghiên cứu xây dựng một số bài tập thể dục thể thao tại chỗ để phát triển thể chất cho sinh viên năm thứ 2 Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Hoàng Duy Tường	Tạp chí thiết bị Giáo dục	06/2023			195
124.	Nồng độ apolipoprotein và một số chỉ số lipid huyết tương ở bệnh nhân bệnh thận giai đoạn cuối lọc máu chu kỳ tại bệnh viện trung ương thái nguyên	Nguyễn Thị Hoa	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2023			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
125.	Sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú đối với dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh cao bằng	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nông Thị Lan	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	03/2023	70	1A	139
126.	Sự sẵn sàng chi trả cho vaccine covid-19 hiện có ở việt nam và một số yếu tố liên quan	Hoàng Minh Nam, Trần Thế Hoàng, Hòa Thị Hồng Hạnh, Cao Bá Khương, Nguyễn Thị Phương Lan	Tạp chí Nghiên cứu Y học (Đại học Y Hà Nội)	03/2023	163	2	265-274
127.	Thực trạng công tác quản lý sức khỏe cán bộ diện tinh úy quản lý của cao bằng	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Lệ Phương	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	04/2023	1	1A	294
128.	Thực trạng hoạt động quản lý hành nghề y dược tư nhân tại tỉnh cao bằng	Nguyễn Thị Tố Uyên, Mã Hồng Lam	Tạp chí Y Dược học (Đại học Y Dược Huế)	02/2023		70	
129.	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành của các phụ huynh có con học tiểu học mắc covid-19 tại một xã của huyện phú lương, tỉnh thái nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Tố Uyên, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Ánh, Vũ Thị Thanh Hoa	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	08/2023	529	1	
130.	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành của các phụ huynh có con học tiểu học mắc COVID-19 tại một xã huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thị Ánh, Bùi Thị Việt Hà, Vũ Thị Thanh Hoa	Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)	08/2023			
131.	Thực trạng kiến thức, thực hành về lập kế hoạch của cán bộ y tế tuyến huyện tỉnh cao bằng năm 2022	Nông Thị Yến Nga, Trần Bảo Ngọc, Trần Thế Hoàng	Tạp chí Dược học (Bộ Y tế)	2023		72	5-10

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
132.	Thực trạng quản lý chất thải y tế của các trạm y tế tại huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	Hòa Thị Hồng Hạnh, Trần Thị Mai Liên, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Việt Trường, Nguyễn Thị Phương Lan, Vũ Thị Thu Hằng, Trần Xuân Phát	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	05/2023	526	2	111- 114
133.	Thực trạng tiêm phòng bệnh dại ở người tại tỉnh thái nguyên giai đoạn 2016-2020	Nguyễn Thị Tô Uyên, Nguyễn Thu Hà	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	03/2023			287
134.	Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn tại bệnh viện trung ương thái nguyên và một số yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Xuân Hương, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Phương, Bê Hà Thành, Trần Minh Tiến	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	06/2023	228	09	438-444
135.	Vận dụng các chiến lược giao tiếp trong các nhiệm vụ nói của sinh viên năm thứ nhất tại trường Đại Học Y Dược Thái Nguyên	Triệu Thành Nam	Tạp chí thiết bị Giáo dục	05/2023	Special Issue	2	460
136.	Xây dựng hệ thống bài tập phân công thức xác suất toàn phần Bayes để rèn luyện tính mềm dẻo trong tư duy sáng tạo	Đỗ Thị Phương Quỳnh	Tạp chí Giáo dục và Xã hội	03/2023	ISSN 1859-3917	ISSN 1859-3917	225-229
137.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi sau nhiễm Covid -19 tại trung tâm nhi khoa - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Hoàng Thị Huế, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Phương, Đỗ Thái Sơn	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	07/2023	228	13	11-18
138.	Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công tác xây dựng đội ngũ cán bộ y tế tỉnh Thái Nguyên từ năm 1997 đến năm 2015	Chu Tuấn Anh, Đỗ Thị Như Quỳnh	Tạp chí Dạy và Học ngày nay	03/2023		3/2023	265,270,271
139.	Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Nhiều giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng	Trần Thị Thanh Thủy	Tạp chí xây dựng Đảng online	07/2023			
140.	Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao lỏng đông trùng hạ thảo bọ xít tự nhiên Hoàng Liên Sơn	Lại Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thu Quỳnh, Ngọc Thanh Dũng, Ngô Thị Mỹ Bình	Tạp chí Revue Medicale (Tổng Hội Y học Việt Nam)	05/2023	526	1B	116-121

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
141.	Tình trạng thiếu năng lượng trường diên và thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ 20 - 35 tuổi người dân tộc tày tại huyện phú lương, tỉnh thái nguyên năm 2017	Trần Thị Hồng Vân, Lê Thị Hương	Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm	2019			
142.	Khẩu phần của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm 2019	Trương Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108	2020	Chuyên đề		132-138
143.	Hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục dinh dưỡng và bổ sung viên sắt nhằm cải thiện khẩu phần và thiếu máu của phụ nữ 20-35 tuổi người dân tộc tày tại huyện phú lương, tỉnh thái nguyên	Trần Thị Hồng Vân, Lê Thị Hương	Tạp chí Y học thực hành	2020			
144.	Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Phú Thọ	Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y học thực hành	2021			
145.	Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Thái Nguyên	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạp chí Y học cộng đồng	2021			
146.	Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái	Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	2021			
147.	Khẩu phần của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm 2019	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y Dược học Lâm sàng 108	2021			
148.	Khẩu phần thực tế của phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi ở hai phường tại thành phố Thái Nguyên	Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y học dự phòng	2021			
149.	Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi ở hai phường tại thành phố Thái Nguyên năm 2020	Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y học dự phòng	2021			

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
150.	Tình trạng dinh dưỡng của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở của tỉnh Thái Nguyên	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)	08/2021			
151.	Tình trạng dinh dưỡng của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái năm 2019	Trần Thị Hồng Vân	Tạp chí Nghiên cứu Y học (Đại học Y Hà Nội)	2021			
152.	Tình trạng dinh dưỡng của học sinh dân tộc thiểu số trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tại hai huyện, tỉnh Bắc Kạn	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạp chí Y học cộng đồng	2021			
153.	Thực trạng bệnh bụi phổi than của công nhân công ty than Thống Nhất, Quảng Ninh năm 2022	Lê Mạnh Thương, Nguyễn Xuân Thọ, Ngô Việt Hưng, Mai Diệu Linh, Đỗ Minh Tuấn, Hoàng Nam Dương, Vũ Xuân Cam, Nguyễn Việt Quang, Trần Thị Hồng Vân, Hoàng Văn Lâm	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	05/2023	228	9	152-157
154.	Thực trạng chẩn đoán và điều trị lao tiềm ẩn của người tiếp xúc hộ gia đình với bệnh nhân lao phổi tại Thái Nguyên	Ngô Trương Anh Đức, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thu Hoài, Ngô Thị Thu Tiên, Vũ Thị Dương, Hoàng Văn Lâm	Tạp chí Y học dự phòng	2023			
155.	Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa sau phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	Hoàng Văn Lâm, Trần Thị Hồng Vân, Lê Thị Huyền	Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)	07/2023	528	2	43-47
156.	Thực trạng kiến thức của người Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nông Phương Mai, Nguyễn Ngọc Huyền, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam	08/2020	469	30	39 – 45

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Thời gian đăng bài	Số	Tập	Trang
157.	Thực trạng kiến thức của người Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nông Phương Mai, Nguyễn Ngọc Huyền, Trịnh Quỳnh Giang	Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam	08/2020	469	30	39 – 45
158.	Sự lo âu và các yếu tố liên quan của người bệnh nội soi phế quản tại Khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Đào Trọng Quân, Nông Phương Mai	Tạp chí Y Dược học Cần Thơ	2021	34		
159.	Thực trạng kiến thức, thực hành của người bệnh mạch vành đang điều trị tại khoa nội tim mạch - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học (Đại học Cần Thơ)	2021		35	
160.	Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại Khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)	2022	227	05/2022	285-292
161.	Kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng cho trẻ dưới 2 tuổi của người chăm sóc tại bệnh viện trung ương thái nguyên năm 2022	Trần Lệ Thu, Nông Phương Mai, Nguyễn Thị Tú Ngọc	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)	2023			

**Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai**  
(Ký tên xác nhận)



Nguyễn Thị Hằng Lan.

**Thủ trưởng đơn vị đào tạo**  
(Ký tên, đóng dấu)



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**





**Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học**

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	169	13830
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	650
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	130
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68	8610
1.4	Sổ phòng học dưới 50 chỗ	6	180
1.5	Sổ phòng học đa phương tiện	5	700
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	86	3560
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4365
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	70	2814
	<b>Tổng</b>	<b>241</b>	<b>21009</b>

Phòng Quản trị-Phục vụ



TS. Nguyễn Xuân Hòa



Thư trưởng đơn vị đào tạo

HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**PHỤ LỤC 3**  
**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC Y – DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

Ngành dự kiến mở: **Kỹ thuật Phục hồi chức năng**

Mã ngành: **7720603**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

**3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo**

**Mẫu 7: Thư viện**

STT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà XB	Năm XB	Số lượng	Học phần	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	
1	Giáo trình giáo dục thể chất	Lương Thị Lưu	TĐHYDTN	2013	10	Giáo dục thể chất		1,2,3,4	
2						Giáo dục Quốc phòng - An ninh		2	
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Nhóm tác giả	CTQGHN	2009	200	Triết học Mác-Lênin		1	
4	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		3	
	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100				

	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100				
5	GT chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	CTQG	2004	100	Chủ nghĩa xã hội khoa học		6	
6	Giáo trình xác suất thống kê trong y học	Đỗ Thị Phương Quỳnh	ĐHTN	2019	5	Xác suất thống kê trong y học		7	
7	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Đinh Xuân Lý - Nguyễn Đăng Quang	NXBCTQG	2012	100	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		7	
	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXBCTQG	2010	100				
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXBCTQG	2012	100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		8	
	GT Tư tưởng HCM	Bộ giáo dục và đào tạo	NXBCTQG	2023	1				
9	Giáo trình pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	ĐHKTD	2006	5	Pháp luật đại cương		5	
10	English for medical specialits	Nguyễn Thị Thanh Hồng (cb), Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn khánh Ly, Triệu Thành Nam, Đào Thị Hồng Phương	Bách khoa	2021	5	Tiếng Anh 1		2	
11	English medicine two				5	Tiếng Anh 2		3	
12	English medicine two				5	Tiếng Anh 3		4	
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học	Nguyễn, Thành Trung, Nguyễn, Văn Tư	Y học	2012	3	PP nghiên cứu khoa học		4	

14	GT Vật lý - lý sinh y học	Nguyễn Xuân Hòa	DHTN	2019	55	Vật lý - Lý sinh		1	
	GT Lý sinh y học	Nguyễn Xuân Hòa	DHTN	2021	55				
15	GT Di truyền học y học	Nguyễn Thị Thu Hiền, Bùi Thị Hà, Lê Duy Anh, Nguyễn Huy Hoàng, Vũ Thị Như Trang	DHTN	2020	55	Sinh học - di truyền		1	
16	GT Giải phẫu học đại cương	Trịnh Xuân Đan	Y học	2016	5	Giải phẫu đại cương		1	
17	GT Giải phẫu học đại cương	Trịnh Xuân Đan	Y học	2020	5	Giải phẫu người		1	
18	GT Sinh lý đại cương	Hoàng Thu Soan	DHTN	2019	55	Sinh lý		2	
19	GT điều dưỡng nội khoa	Nguyễn Ngọc Huyền	DHTN	2019	55	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu		4	
20						Sử dụng thuốc trong phục hồi chức năng		4	
21	GT sinh lý đại cương	Hoàng Thu Soan	DHTN	2019	5	Sinh lý bệnh - miễn dịch		3	
	GT sinh lý bệnh đại cương	Nguyễn Thị Ngọc Hà	DHTN	2019	5				
22	GT hóa sinh đại cương	TS. Bùi Thị Thu Hương	DHTN	2018	5	Hoá sinh		1	
23	Mô - Phôi	Trương ĐH Y HN	Y học	2022		Giải phẫu bệnh - Mô phôi		2	
24	Tổ chức y tế chương trình quốc gia	PGS.TS.Hoàng Ngọc Chương	GDVN			Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe		7	
25	Giáo trình dịch tễ học	Hoàng Khải Lập	Y học	2010	150	Dịch tễ học		5	

	DTH	Trường ĐH Y Thái Nguyễn	NXB YH	2007	20			
	DTH cơ bản	Trường ĐH YTCC	NXB YH	2009	20			
26	Chẩn đoán hình ảnh X quang	Chu Văn Đặng	GDVN	2010	5	Chẩn đoán hình ảnh		3
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ	GDVN	2018	5			
27	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học viên học tập	Phạm Thị Minh Đức	GDVN	2020		Tinh chuyên nghiệp		5
28	Bệnh học nội khoa tập 1	Dương Hồng Thái, Phạm Thị Kim Liên	ĐHTN	2023	20	Bệnh học nội - Ngoại		4
	Bệnh học nội khoa tập 2	Dương Hồng Thái, Phạm Thị Kim Liên	ĐHTN	2023	20			
	Giáo trình nội khoa cơ sở	Nguyễn Trọng Hiếu, Nguyễn Thị Thu Huyền	ĐHTN	2023	20			
29	GT Tin học đại cương	Nguyễn Thị Tân Tiên, Trương Thị Hồng Thúy	BKHN	2019	55	Tin học ứng dụng		7
	Giáo trình tin học ứng dụng trong thông kê y tế	Hạc Văn Vinh	ĐHTN	2022	5			
30	Giáo trình dinh dưỡng an toàn thực phẩm	Trương Thị Thùy Dương	Y học	2020		Dinh dưỡng tiết chế		7
31						Kiểm soát nhiễm khuẩn		7
32	Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh	Bộ Y Tế	GD VN	2019		Giải phẫu chức năng		2
33	Thư cơ và đo tâm vận động của khớp	Nguyễn Ánh Chí, Lê Thanh Vân	Y học	2019		Lượng giá chức năng vận động và thần kinh		2

	Lượng giá chức năng hệ vận động	PGS.TS. Hoàng Ngọc Chương. Ths.BSCKII Lê Quang Khanh	GDVN	2022					
34	Sinh cơ học	Lê Quang Khanh	Trường ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng				Sinh cơ học và vận động học	2	
35	Vận động trị liệu	Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê Quang Khanh	GDVN	2019			Vận động trị liệu	3	
36	Điện trị liệu lâm sàng	Cầm Bá Thức, Phạm Văn Minh	Y học	2020			Các phương thức vật lý trị liệu 1	2	
37	Điện trị liệu lâm sàng	Cầm Bá Thức, Phạm Văn Minh	Y học	2020			Các phương thức vật lý trị liệu 2	2	
38	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	GS. TS Nguyễn Xuân Nghiên	YH HN	2010	10		Xoa bóp trị liệu	4	
	Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	BS. Hoàng Hải Yên	YH HN	2004	10			4	
39	Phục hồi chức năng ( dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021			Phục hồi chức năng cơ xương khớp	4	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế	Y học	2019				4	
40	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp	Bộ y tế	Y học	2016			Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng cơ xương khớp	6	

41	Phục hồi chức năng tồn thương tuỷ sống	Cầm Bá Thước	Y học	2022		Phục hồi chức năng thần kinh cơ	5	
	Phục hồi chức năng ( dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021			5	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế		2019			5	
42	Phục hồi chức năng tồn thương tuỷ sống	Cầm Bá Thước	Y học	2022		Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng thần kinh cơ	6	
43	Hướng dẫn về hoạt động trị liệu cho bệnh nhân CTSN	Bộ y tế		2018		Hoạt động trị liệu	5	
44	Hướng dẫn về hoạt động trị liệu cho bệnh nhân CTSN	Bộ y tế		2018		Thực tập lâm sàng hoạt động trị liệu	7	
45	Âm ngữ trị liệu	Vũ Thị Bích Hạnh				Ngôn ngữ trị liệu	6	
46	Âm ngữ trị liệu	Vũ Thị Bích Hạnh				Thực tập lâm sàng ngôn ngữ trị liệu	7	
47	Phục hồi chức năng ( dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021		Phục hồi chức năng trong nhi khoa	6	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế		2019			6	

48	Hướng dẫn thực hành Âm ngữ trị liệu	Vũ Thị Bích Hạnh, Đặng Thị Thu Hương	Y học	2004	5	Thực tập lâm sàng phục hồi chức năng trong nhi khoa		7	
49	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	GS. TS Nguyễn Xuân Nghiên	GDVN	2010	5	Tổ chức và quản lý đơn vị phục hồi chức năng		6	
50	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Trần Trọng Hải, Nguyễn Thị Minh Thủy	Y học	2011	5	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1		5	
	Phục hồi chức năng (dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021				5	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế		2019				5	
51	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Trần Trọng Hải, Nguyễn Thị Minh Thủy	Y học	2012	5	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2		7	
	Phục hồi chức năng (dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021				7	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế		2019				7	
52	Phục hồi chức năng hô hấp	Cầm Bá Thước	Y học	2022		Phục hồi chức năng tim mạch - hô hấp		8	
53	Giáo trình Y học cổ truyền	Bộ môn Y học cổ truyền Trường ĐH Y Dược	ĐHQG			Y học cổ truyền		8	



54	Dụng cụ Phục hồi chức năng tự làm tại cộng đồng	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Y học	2008	5	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	8	
55	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	GS. TS Nguyễn Xuân Nghiên	Y học	2010	5	Phục hồi chức năng da - sinh dục - tiết niệu	8	
56	Phục hồi chức năng ( dùng cho bác sỹ định hướng chuyên khoa)	Bộ môn Phục hồi chức năng Trường ĐH Y HN	Y học	2021		Phục hồi chức năng chấn thương	8	
	Phục hồi chức năng ngoại khoa	Nguyễn Thị Kim Liên	Y học	2022			8	
	Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phục hồi chức năng	Bộ y tế		2019			8	
57	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	GS. TS Nguyễn Xuân Nghiên	Y học	2010	5	Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	8	
58						Khoá luận tốt nghiệp	7,8	
59						Thực tập tốt nghiệp	8	

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 4 năm 2024

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- THƯ VIỆN



Th.S. Dương Thủy Anh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Phương Sinh

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Kỹ thuật Phục Hồi Chức Năng

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bếp cách thủy		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
2	Bơm chân không		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
3	Cân phân tích 4 số lẻ		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
4	Cân phân tích 4 số lẻ		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
5	Máy đo độ PH		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
6	Máy đo độ PH		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
7	Máy ly tâm rotor 6 vị trí		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
8	Máy tính Đông Nam Á ( G620-2,6GHz(box)		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
9	Máy vi tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
10	Pipet tự động		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
11	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
12	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
13	Máy tính		100	Trường ĐHYD	Tin học cơ bản - Xác suất thống kê y học	1		
14	Bộ đo công suất ánh sáng		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
15	Bộ lưu điện 10 KVA (ULN103C Upselect)		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
16	Bộ phá mẫu tự động		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
17	Bộ thí nghiệm hiệu ứng doppler âm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
18	Bộ thí nghiệm hiệu ứng doppler âm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
19	Bộ thí nghiệm khảo sát mạch điện		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
20	Bộ thí nghiệm khảo sát mạch điện		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
21	Bộ thí nghiệm liên quan đến mắt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		

22	Bộ thí nghiệm liên quan đến tai		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
23	Bộ trung hòa hơi độc		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
24	Bơm tuần hoàn nước cho tủ hơi độc		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
25	Cân kỹ thuật		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
26	Cân phân tích 4 số		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
27	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao. Bao gồm: 1. Thân máy chính; 01 cái tích hợp các bộ phận chính; 2. Detector Photodiode Array; 01 chiếc; 3. Cột phân tích; 01 bộ; 4. Phần mềm điều khiển và xử lý số liệu; 01 bộ; 5. Máy tính và máy in; 01 bộ; 6. Bộ phụ kiện lắp đặt máy; 01 bộ; 7. Bộ lưu điện 3KVA; 1 chiếc; 8. Máy hút ẩm; 1		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
28	Hệ thống xử lý nước trong phòng thí nghiệm		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
29	Khúc xạ kế		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
30	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
31	Bể điều nhiệt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
32	Bộ điện di protein		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
33	Buồng nuôi cấy vô trùng cấp 2 (Clean bench)		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
34	Điện di ngang (cho ADN, ARN)		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
35	Hệ thống thiết bị phân tích & lập sơ đồ nhiễm sắc thể và kỹ thuật FISH kèm bộ quét mẫu tự động		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
36	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
37	Máy khuấy từ gia nhiệt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
38	Máy li tâm Rotofix		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
39	Máy ly tâm lạnh		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
40	Máy ly tâm spindown		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
41	Máy vi tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
42	Micropipet		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
43	PH mét PH211		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
44	Pipet điều chỉnh thể tích		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
45	Bể ướp xác Inox		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
46	Bộ thước đo nhân học martin		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
47	Bộ tranh + Mô hình		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
48	Bộ tranh giải phẫu		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
49	Bộ tranh giải phẫu		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		

50	Bộ tranh giải phẫu		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
51	Bộ tranh giải phẫu		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
52	Bồn ngâm xác (01 xác)		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
53	Bồn ngâm xác (01 xác) 210 0* 600 * 920 mm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
54	Kính hiển vi 2mắt		20	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
55	Máy hút âm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
56	Máy Kimograt		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
57	Máy ly tâm thường		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
58	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động 200test/giờ		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
59	Micropipette thể tích thay đổi( bộ 6 cái)		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
60	Máy đo huyết áp từ chi		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
61	Bộ đổi nguồn		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
62	Giường đa năng chạy điện		4	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
63	Hệ thống rửa tay ngoại khoa		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
64	Máy nhỏ giọt thức ăn dạ dày		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
65	Máy tạo oxy		5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
66	Máy truyền dịch		5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
67	Mô hình cấp cứu nhi đa năng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
68	Mô hình chăm sóc bệnh nhân		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
69	Mô hình chăm sóc bệnh nhân cơ bản		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
70	Mô hình chọc dò màng bụng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
71	Mô hình chọc dò màng tim		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
72	Mô hình chọc dò màng tim		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
73	Mô hình chọc dò tràn khí màng phổi và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
74	Mô hình đảo tạo Tiêm truyền tĩnh mạch		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
75	Mô hình đặt nội khí quản người lớn		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
76	Mô hình hồi sinh tim phổi		3	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
77	Mô hình hồi sinh tim phổi trẻ em và phụ kiện		3	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
78	Mô hình hồi sinh tim phổi trẻ em và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		

79	Mô hình hồi sức cấp cứu (10 đường thở)		5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
80	Mô hình mở khí quản và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
81	Mô hình người bệnh đa năng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
82	Mô hình rửa dạ dày và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
83	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
84	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
85	Cân phân tích 4 số (Ohaus PR224 - Mỹ)		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
86	Hệ thống ghi tin hiệu cơ cơ		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
87	Lắc tròn		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
88	Máy đo cảm giác đau		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
89	Máy đo kiểm tra độ gãy tế		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
90	Máy đo thể tích phù		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
91	Máy H2 nhân tạo, loại g.nhằm		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
92	Máy hút âm		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
93	Máy nuôi cơ quan cô lập		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
94	Máy tính đồng bộ Dell Vostro - 3671		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
95	Máy tính VTB		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
96	Tủ lạnh Panasonic SL 224		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
97	Bộ đổi nguồn		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
98	Kính hiển vi 2 mắt		34	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
99	Máy hút âm		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
100	Máy Imulai 200 XP - ADB		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
101	Máy Kimograt		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
102	Máy ly tâm thường		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
103	Máy tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
104	Máy tính đồng bộ Dell Vostro - 3671		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
105	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động 200test/giờ		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
106	Micropipette thể tích thay đổi( bộ 6 cái)		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
107	Tủ lạnh Panasonic Inverter 322 lít NR-BV360QSVN		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
108	Tủ lạnh Panasonic SL 224		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
109	Bể ươm xác Inox		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
110	Bể ươm xác Inox		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
111	Bộ thước đo nhân học martin		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		

112	Bộ thước đo nhân học martin	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
113	Bộ tranh +Mô hình	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
114	Bộ tranh giải phẫu	4	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
115	Bồn ngâm xác (01 xác)	3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
116	Bồn ngâm xác (01 xác) 210 0* 600 * 920 mm	5	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
117	Hệ thống bàn phẫu tích giải phẫu mô phỏng	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
118	Máy quét	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
119	Máy tính để bàn	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
120	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670MT (Core i3, Ram 4GB, HD 1TB, Monitor Dell 21.5")	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
121	Máy tính FPT	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
122	Máy tính VTB	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
123	Mô hình bán thân nhỏ	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
124	Mô hình cơ chân	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
125	Mô hình cơ đầu	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
126	Mô hình cơ tay	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
127	Mô hình cơ tay phẫu tích	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
128	Mô hình cột sống đoạn ngực	9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
129	Mô hình cột sống đoạn thắt lưng	9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
130	Mô hình cột sống đoạn tủy	9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
131	Mô hình giải phẫu cắt lát cơ thể người	3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
132	Mô hình GP	20	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
133	Mô hình GP cắt lát cơ thể người được chia thành 15 miếng	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
134	Mô hình hộp sọ	9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
135	Mô hình nam vẽ cơ bảng cơ người	3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
136	Mô hình não 2 phần		Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
137	Mô hình Thận Mắt Tai,phổi	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
138	Mô hình tủy sống mềm giảng dạy	10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
139	Tủ lạnh Hitachi FG480PGV8 - 366L Inverter	1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
140	Bàn hơi nóng mảnh cắt vi thể	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
141	Bể nhuộm lame	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
142	Bộ dụng cụ phẫu tích lấy mẫu mô xét nghiệm vi thể	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
143	Hệ thống lọc khí độc	2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		

144	Hệ thống lưu giữ khối nền có bệnh phẩm		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
145	Hệ thống lưu giữ tiêu bản		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
146	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
147	Kính hiển vi truyền hình		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
148	Máy ảnh kỹ thuật số		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
149	Máy cắt tiêu bản quay tay		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
150	Máy đúc nền bệnh phẩm		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
151	Máy hút ẩm		3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
152	Máy quay camera		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
153	Máy tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
154	Máy xử lý mô tự động 120 cassette		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
155	Ồn áp lioa		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
156	Quầy lạnh		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
157	Thảm Mỹ		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
158	Tủ âm		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
159	Tủ âm 100 lít		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
160	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
161	Tủ lưu trữ mẫu		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
162	Tủ paraffin 56oc		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
163	Tủ sấy		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
164	Máy tính đồng bộ để bàn Dell Vostro 3671(70205616)		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
165	Giá để dụng cụ (1200*600*1960mm)		1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
166	Giường khám bệnh (1000*2000*550mm) + Đệm + Gối		2	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
167	Giường khám bệnh (2000*650*800mm)		2	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
168	Giường khám sản (2100*700*800mm) + 02 chiếc ghế thí nghiệm		2	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
169	Giường nghi bệnh nhân (1900*914*710mm) + Đệm + Gối		3	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
170	Hệ thống bàn chậu rửa 2 hố (2400*600*800 mm, khung inox 304) + 01 ghế inox chân tăng chỉnh chiều cao		1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
171	Hệ thống bàn để máy (1200*600*800mm, màn bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ)		1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
172	Hệ thống bàn để máy (2300*600*800mm, màn bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ)		1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		

173	Hệ thống bàn để máy (3600*750*800mm, mặt bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ) + 03 ghế inox chân tầng chỉnh chiều cao	1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
174	Hệ thống bàn thí nghiệm (1400*600*800 mm, mặt bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ) + 01 ghế inox chân tầng chỉnh chiều cao	2	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
175	Tủ cá nhân 1200*390*1957mm (3 ngăn 1112*400*390 + 3 ngăn 760*400*390)		Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
176	Tủ đầu giường (400*400*850mm)	3	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
177	Tủ dụng cụ (1200*600*1960mm)		Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
178	Tủ đựng thuốc (800*400*1960)	3	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
179	Tủ hóa chất (1200*600*2110mm)	1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		
180	Máy hút âm	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
181	Máy in Laser HP Pro M402D	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
182	Máy phun hóa chất đeo vai	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
183	Máy phun hóa chất xách tay chạy điện	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
184	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670MT (Core i3, Ram 4GB, HD 1TB 7.2k RPM, monitor Dell 21,5")	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
185	Máy tính ĐNA	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
186	Máy tính đồng bộ Elead M533	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
187	Tủ lạnh Panasonic NR-BA 188VSV1	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
188	Tủ tài liệu Hòa Phát DC1350H10	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
189	Tủ tài liệu Hòa Phát sơn PU 3 cánh cao cấp DC1350H10	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
190	Hệ thống chụp X-quang răng toàn cảnh KTS	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
191	Máy hút âm Delonghi DEX16F	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
192	Máy in laser Canon LBP 251DW	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
193	Máy vi tính để bàn	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
194	Máy X Quang thường quy shimadzu	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
195	Máy X Quang vú Mammography	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
196	Hệ thống chụp X-quang răng toàn cảnh KTS	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
197	Máy hút âm Delonghi DEX16F	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
198	Máy in laser Canon LBP 251DW	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
199	Máy vi tính để bàn	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
200	Máy X Quang thường quy shimadzu	1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		



201	Máy X Quang vú Mammography		1	BV trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
202	Bộ Micropipette có hấp 1 kênh Thể tích: 0.5 - 10µl , 10 - 100 µl, 100 -1000 µl & 20 - 200 µl		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
203	Hệ thống ô xy		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
204	Hệ thống Real-time PCR mở tính năng HRM (Rotor Gene QMDx 5Plex HRM)		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
205	Máy tách chiết tinh sạch ADN/ ARN và protein tự động - 32 mẫu		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
206	Máy thở chức năng cao: eEvolution 3e		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
207	Máy thở chức năng cao: eEvolution 3e		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
208	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
209	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
210	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
211	Tủ đông sâu -86° C, 333 lít: Model: MDF-U33V-PB		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
212	Tủ đông sâu -86° C, 333 lít: Model: MDF-U33V-PB		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
213	Bóng X quang kỹ thuật số Shimadzu		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
214	Tủ sấy tiệt trùng Model: UNB 400		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
215	Dây soi dạ dày Fiber OLYMPUS		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
216	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
217	Tủ sấy tiệt trùng Model: UNB 400		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
218	Máy điện tim 6 cần		1	Trường ĐHYD	Sinh lý	3		
219	Kính hiển vi quang học 2 mắt		1	Trường ĐHYD	GPB Mô phổi	3		
220	Thiết bị phẫu thuật nội soi BVT		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
221	Xe đạp tập vận động		1	BV Trường ĐHYD	Các môn chuyên ngành PHCN	3		
222	Xe đẩy parafin 6 tầng inox304		1	BV Trường ĐHYD	Các môn chuyên ngành PHCN	3		
223	Xe tiêm 2 tầng inox 304 (650*450*900)		1	BV Trường ĐHYD	Các môn chuyên ngành PHCN	3		
224	Xe tiêm 2 tầng inox 304 (650*450*900)		1	BV Trường ĐHYD	Các môn chuyên ngành PHCN	3		

225	Máy điều trị sóng ngắn Curapuls 403	Hà Lan,1995	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
226	Máy điều trị sóng ngắn Curapuls 419	Hà Lan,1995	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
227	Máy điều trị sóng ngắn Curapuls 970	Hà Lan,2002	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
228	Máy điều trị sóng ngắn Curapuls 970	Hà Lan,2018	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
229	Máy sóng ngắn (xung và liên tục) Physiotherm-S	Đức,2009	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
230	Máy điều trị xung điện Btl-6000	Anh,2017	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
231	Đèn hồng ngoại 3 bóng RLS 3	Đức,2002	2	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
232	Đèn điều trị tử ngoại UVB Uvb-204	Đức,2010	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
233	Máy kéo dẫn cột sống Tm-400	Nhật,2009	2	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
234	Máy kéo dẫn cột sống Tm-400	Nhật,2010	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
235	Máy kéo dẫn cột sống Eltrac 471	Hà Lan,2015	3	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
236	Máy kéo dẫn cột sống Accutrac	Úc,2010	2	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
237	Máy kéo dẫn cột sống (bàn kéo) Ht101	Hàn Quốc,2002	2	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
238	Máy điện phân Endomed 581	Hà Lan,1995	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
239	Máy điện phân Sonopuls 591	Hà Lan,1995	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
240	Máy cực hút chân không 4 kênh D-91220	Đức,2003	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
241	Máy siêu âm tần số D-91220	Đức,2003	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
242	Máy điều trị điện xung thấp tần kết hợp D-91220	Đức,2003	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
243	Máy điều trị điện xung thấp tần kết hợp Ionoson Expert	Đức,2009	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
244	Physiovac Expert	Đức,2009	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
245	Máy điều trị điện xung thấp tần kết hợp (máy điện xung và dòng một chiều) Ionoson Expert	Đức,2008	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
246	Physiovac Expert	Đức,2008	1	BV TU' Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

247	Máy điện xung Endomed 482	Hà Lan,2015	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
248	Máy siêu âm điều trị Sonopuls 490	Hà Lan,2015	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
249	Máy siêu âm điều trị Sonopuls 434	Hà Lan,1995	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
250	Tủ sấy parafin	Hà Lan,2012	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
251	Máy điều trị chân không Vacotrol 560	Hà Lan,2002	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
252	Nồi đun Parafin Bano Farafina	Tây Ban Nha, 2003	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
253	Nồi đun Parafin Packheater 451	Hà Lan,2003	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
254	Nồi đun Parafin 101044	Hà Lan,1998	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
255	Bồn thủy trị liệu toàn thân 0.10-1	Đức,2010	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
256	Bồn thủy trị liệu tứ chi 0.9-4	Đức,2010	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
257	Bồn thủy trị liệu tứ chi 0.9-4	Đức,2010	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
258	Máy laser điều trị cường độ cao $\geq$ 12W Btl-6000	Anh,2019	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
259	Đèn hồng ngoại 3 bóng TGS 3.2	Đức,2020	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
260	Đèn hồng ngoại 3 bóng TGS 3.2	Đức,2020	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
261	Máy điều trị cơ thần kinh bằng sóng ngắn Curapuls 670	Hà Lan,2021	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
262	Hệ thống máy kéo giãn cột sống Eltrac 471	Hà Lan,2021	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
263	Monitor 5 thông số CM120	Trung Quốc,2021	1	BV TƯ Thái Nguyên	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
264	Đèn tử ngoại	Hungari/1976	1	BV trường Đại học Y Được	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
265	Đèn điều trị tử ngoại	Đức/2010	1	BV trường Đại học Y Được	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
266	Hồng ngoại 3 bóng	Đức/2001	2	BV trường Đại học Y Được	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
267	Máy điều trị hồng ngoại 476	Hà Lan/2001	1	BV trường Đại học Y Được	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
268	Đèn hồng ngoại 1 bóng	Việt Nam/2020	5	BV trường Đại học Y Được	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

269	Máy phát sóng ngắn CURAPUL 419	Hà Lan/1994	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
270	Máy sóng ngắn PHYSIOTHERM-S	Đức/2009	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
271	Máy điều trị sóng ngắn	Hà Lan/2018	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
272	Máy sóng ngắn CURAPUL 970	Hà Lan/2002	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
273	Máy Sóng ngắn tự điện ENTRAC	Đức/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
274	Máy Sóng ngắn cuộn dây ENTRAC	Đức/2016	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
275	Nồi nấu PARAFIN	Hà Lan/1998	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
276	Nồi đun PARAFIN	Hà Lan/2005	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
277	Nồi đun PARAFIN ENTRAC	Hà Lan/2020	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
278	Khay đựng nền	Việt Nam/2020	40	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
279	Tủ âm ú PARAFIN	Hà Lan/2005	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
280	Bồn thủy trị liệu toàn thân	Đức/2010	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
281	Bồn thủy trị liệu chân – tay	Đức/2010	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
282	Bồn thủy trị liệu kết hợp xoa bóp chân	Việt Nam/2010	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
283	Máy kéo giãn cột sống BIOTRACK	Hàn Quốc/2001	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
284	Máy kéo giãn cột sống ENTRAC	Đức/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
285	Máy kéo giãn cột sống Việt Nam	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
286	Máy kéo giãn cột sống	Mỹ/2012	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
287	Máy siêu âm điều trị	Hà Lan/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
288	Máy siêu âm điều trị BTL	Mỹ/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
289	Máy siêu âm điều trị Việt Nam	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
290	Máy điện phân	Hà Lan/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

291	Máy điều trị điện xung IONOSON	Đức/2009	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
292	Bàn kéo TM 400	Nhật/2010	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
293	Máy điện phân ENDOMED	Hà Lan/2013	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
294	Máy điện phân DR HOME	Hà Lan/2015	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
295	Máy điện phân PHYSOMED	Đức/2003	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
296	Máy điện phân PHYSOMED	Đức/2008	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
297	Bàn kéo METRON	Australia/2010	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
298	Máy kéo giãn cột sống	Nhật/2008	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
299	Máy kéo giãn cột sống	Hà lan/2015	4	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
300	Máy LASER điều trị cường độ cao	Anh/2019	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
301	Máy sóng xung kích hăng máy BTL	Mỹ/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
302	Máy điều trị xung điện	Anh/2017	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
303	Máy điện phân SONOPULS	Hà Lan/1995	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
304	Máy điện phân PHYSIOMED	Đức/2009	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
305	Thang tường dòn trọng lượng	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
306	Thang tường bậc thang cửa sổ	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
307	Xà quay	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
308	Thanh song song	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
309	Gương tập	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
310	Xe đạp tập	Việt Nam/2015	3	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
311	Ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
312	Bậc cầu thang góc	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

313	Gậy tập	Việt Nam/2015	10	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
314	Bóng gai tập thăng bằng	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
315	Dàn tập đa năng rỗng rọc, tạ	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
316	Ghế tập tích hợp đa năng	Việt Nam/2015	2	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
317	Tủ lạnh để điều trị nhiệt lạnh trị liệu	Việt Nam/2015	1	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
318	Máy Laser nội mạch DR HOME	Việt Nam/2016	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
319	Máy Laser chiếu ngoài DR HOME	Việt Nam/2016	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
320	Máy ion trị liệu DR HOME	Việt Nam/2016	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
321	Máy điều trị tê bàn chân DR HOME	Việt Nam/2016	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
322	Máy điều trị điện xung vùng mắt DR HOME	Việt Nam/2016	5	BV trường Đại học Y Dược	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
323	Máy điện rung	Nhật Bản, 1998	7	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
324	Máy điện trường cao áp	Nhật Bản, 2000	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
325	Máy đa năng kết hợp gói	Hàn quốc, 2012	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
326	Máy ly tâm	Brazin, 2002	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
327	Máy kéo giãn	Hàn Quốc, 2011	3	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
328	Máy lase chiếu ngoài	Ý, 2018	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
329	Máy d.xung đ.phân 1 đầu	Đức, 2009	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
330	Máy lase nội mạch 2 đầu	Việt Nam, 2007	7	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
331	Máy lase nội mạch 1 đầu	Việt Nam, 2007	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
332	Máy lase thẩm mỹ CO2	Hàn Quốc, 2007	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
333	Máy hút khói Laser	Hàn Quốc, 2007	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
334	Máy giặt cửa dọc	Nhật Bản, 2007	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 7		

335	Máy giặt cửa ngang	Thái Lan, 2010	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 7		
336	Máy sấy khô	Thái Lan, 2010	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 7		
337	Máy d.xung đa năng (siêu âm)	Nhật Bản, 2003	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
338	Máy siêu âm Đ.trị đa tần	Ý, 2016	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
339	Máy kéo giãn cột sống	Ý, 2018	3	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
340	Bộ tập PHCN đa năng toàn thân	Hàn quốc, 2012	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
341	Tủ sấy nền tuần hoàn khí nóng	Việt Nam, 2012	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
342	Máy siêu âm	Nhật Bản, 2012	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
343	Máy sóng ngắn	Pháp, 2013	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
344	Nồi đun nền	Việt Nam, 2019	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
345	Máy điện châm không kim	Hàn quốc, 2015	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 8		
346	Máy sóng xung kích	Ý, 2015	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
347	Máy điện từ trường toàn thân	Ý, 2017	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
348	Máy tập thụ động khớp gối	Anh, 2017	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
349	Máy điện xung	Nhật Bản, 2013	4	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
350	Máy kích thích phát âm	Đức, 2018	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
351	Bộ máy tập hoạt động trị liệu	Hàn Quốc, 2012	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
352	Máy laser điều trị	Ý, 2017	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
353	Máy nén ép trị liệu	Hàn quốc, 2018	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
354	Máy laser châm cứu	Ý, 2018	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 8		
355	Máy siêu âm Đ.trị	Nhật Bản, 2013	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
356	Máy điện xung dòng giao thoa	Ý, 2019	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

357	Máy sắc thuốc đông y tự động	Hàn quốc, 2020	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 8		
358	Máy đóng gói thuốc đông y tự động	Hàn quốc, 2020	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Kỳ 8		
359	Bộ dụng cụ hoạt động trị liệu	Việt Nam, 2020	2	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		
360	Giường xiên tập đứng cho bệnh nhân lớn bằng điện	Việt Nam, 2023	1	BV Điều Dưỡng PHCN	Các môn chuyên ngành PHCN	Từ kỳ 2		

Phòng Quản trị-Phục vụ



TS. Nguyễn Xuân Hòa



Thư trưởng đơn vị đào tạo



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**





Số: 128/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI  
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;*

*Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;*

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

**BÊN B: BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông: Nguyễn Công Hoàng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 479 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 852 671

Số tài khoản: 37130105652500000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:



## **Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành**

### **1. Đối tượng, số lượng người thực hành:**

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

### **2. Người hướng dẫn thực hành**

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCCKI, DSCCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

### **3. Nội dung chuyên môn thực hành:**

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

**4. Thời gian thực hành:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

### **5. Địa điểm thực hành:**

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

### **6. Chi phí thực hành:**

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

### **7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:**

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

### **8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:**

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

### **9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:**

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

## **Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.
2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

#### 1. Bên A có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

#### 2. Bên A có nghĩa vụ:

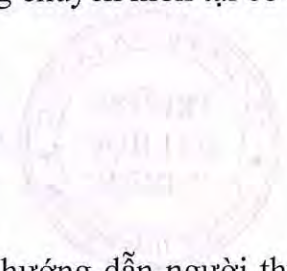
- a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

#### 1. Bên B có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.
- d) Các quyền khác (nếu có)

#### 2. Bên B có nghĩa vụ:



a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./u

**BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Tiến Dũng**

**BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Công Hoàng**

Số: 180/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI  
BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

**BÊN B: BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông: Nguyễn Viết Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Phùng Chí Kiên, phường Trung Vương, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 02083657989

Số tài khoản: 37130106839100000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

**Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành**



**1. Đối tượng, số lượng người thực hành:**

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

**2. Người hướng dẫn thực hành**

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCKI, DSCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

**3. Nội dung chuyên môn thực hành:**

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên.

**4. Thời gian thực hành:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

**5. Địa điểm thực hành:**

Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên.

**6. Chi phí thực hành:**

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

**7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:**

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

**8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:**

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

**9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:**

Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên

**Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên.
2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

#### 1. Bên A có quyền:

a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

#### 2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.

c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

#### 1. Bên B có quyền:

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.

d) Các quyền khác (nếu có)

#### 2. Bên B có nghĩa vụ:



a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./

**BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiên Dũng

**BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Viết Dũng



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI  
BỆNH VIỆN CHÍNH HÌNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;*

*Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;*

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

**BÊN B: BỆNH VIỆN CHÍNH HÌNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG THÁI NGUYÊN**

Đại diện: Ông: Lê Thành Cương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 0912178401

Số tài khoản: 3905031725 Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Thái Nguyên



Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

## **Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành**

### **1. Đối tượng, số lượng người thực hành:**

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

### **2. Người hướng dẫn thực hành**

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCKI, DSCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

### **3. Nội dung chuyên môn thực hành:**

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên.

**4. Thời gian thực hành:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

### **5. Địa điểm thực hành:**

Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên.

### **6. Chi phí thực hành:**

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

### **7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:**

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

### **8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:**

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

### **9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:**

Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên

## **Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

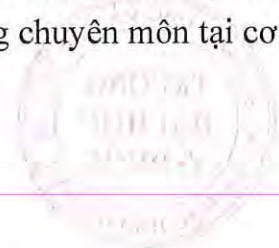
1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên.
2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

## **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Bên A có quyền:
  - a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
  - b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
  - c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
  - d) Các quyền khác (nếu có).
2. Bên A có nghĩa vụ:
  - a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
  - b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.
  - c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
  - d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

## **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

1. Bên B có quyền:
  - a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
  - b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
  - c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.
  - d) Các quyền khác (nếu có)
2. Bên B có nghĩa vụ:



a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

**BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Tiến Dũng**

**BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Lê Thành Cương**